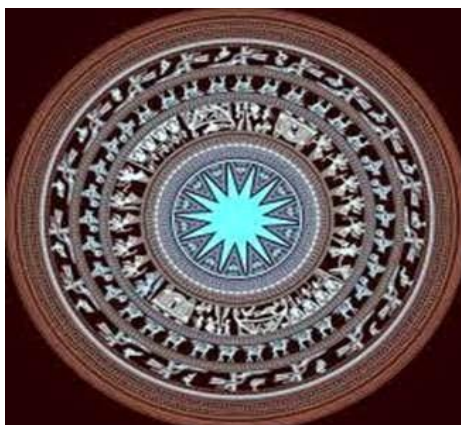
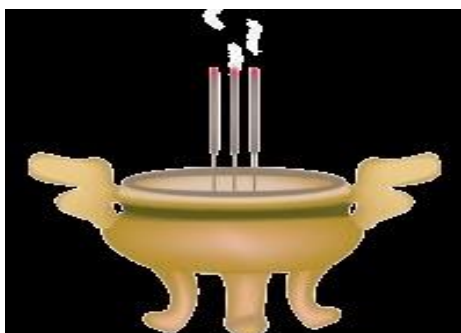


# CHỦ THUYẾT DÂN QUỐC VIỆT

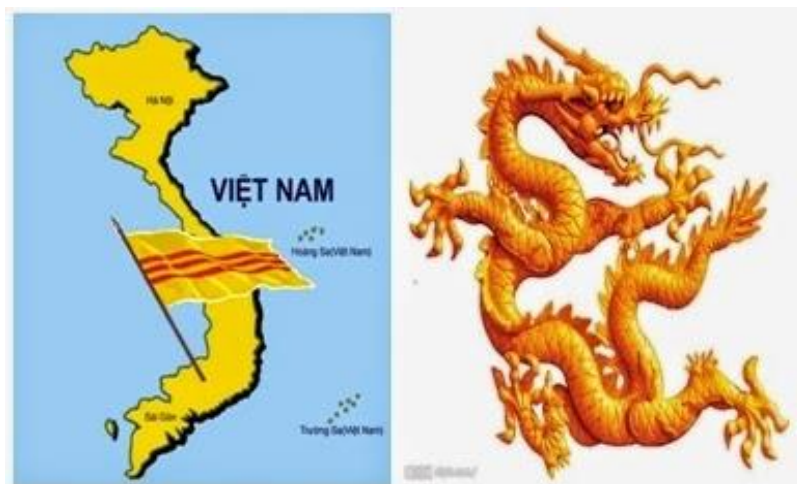
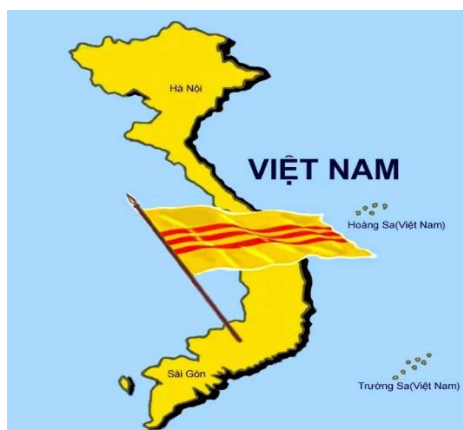
Liên Minh Dân Việt Hành Động Vì Hiến Pháp Tự Do & Tư  
Tưởng Việt Và Tín Ngưỡng Việt & Chủ Thuyết Chính Trị  
Dân Tộc Quốc Gia & Chủ Thuyết Dân Quốc Việt  
Chủ Thuyết Dân Quốc Việt Là Một Trong Những Nguồn  
Lực Tinh Thần Của Dân Tộc Việt Để Dân Việt Trụ Vững Tiến  
Vững Và Đánh Đại Bại Hiểm Họa Xâm Lược Truyền Kiếp  
Của Tư Tưởng Đại Hán



Vô Cùng Thành Kính Tri Ân  
Đại Công Đức Các Bậc Tiên Nhân Việt  
Đã Khai Dựng Cho Con Cháu  
Một Giang Sơn Giàu Đẹp  
Một Dòng Giống Dân Tộc Việt Rạng Rỡ  
Khom Lung Cúi Đầu Thành Tâm Kính Bái!!!

## LIÊN MINH DÂN VIỆT HÀNH ĐỘNG VÌ HIẾN PHÁP TỰ DO

ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM THÂN YÊU NGÀN ĐỜI!!!



**Biểu Tượng Của Chủ Thuyết Dân Quốc Việt  
Và Liên Minh Dân Việt Hành Động Vì Hiến Pháp Tự Do!**

Nước Việt Nam Tự Do Và Thống Nhất  
Luôn Giữ Vững Chủ Quyền Của Dân Tộc  
Trên Hai Quần Đảo Hoàng Sa Và Trường Sa.  
Rồng Vàng Thiêng Liêng Theo Truyền Thuyết  
Tổ Tiên Việt Hun Đức Hùng Khí Dân Việt

Vững Mạnh Trường Tồn Ngàn Ngàn Ngàn Năm!!!

## TUYÊN CÁO

**ĐÁNH DẤU THỜI ĐIỂM 40 NĂM MIỀN NAM BỊ CƯỜNG  
CHIẾM BẰNG BẠO LỰC VÀ CẢ NƯỚC VIỆT NAM BỊ ĐỘC  
TÀI CỘNG SẢN NGU TRỊ**

A/ Lời Ngỏ

B/ Mục Đích

C/ Chương Trình Hành Động Phối Hợp Vì Dân Sinh Dân  
Quyền & Vì Quốc Gia Phú Cường

I/ Hiến Pháp

II/ Chính Trị

III/ Kinh Tế

IV/ Giáo Dục

D/ Nhận Diện Quê Hương Chúng Ta - Việt Nam Trong Giòng  
Xoáy Lịch Sử - Một Việt Nam Nhược Tiều Bên Cạnh Quyền  
Lợi Của Các Cường Quốc & Dân Việt Nuôi Chí Lập Nước  
Việt Mới Trong Khung Cảnh Tự Do Giàu Mạnh Để Thu Hồi  
Và Bảo Vệ Sự Toàn Vẹn Lãnh Thổ Lãnh Hải Quốc Gia

I/ Cộng Sản Việt Nam Quá Sai Lầm Khi Tôn Thờ Một Cách  
Giáo Điều Một Chủ Nghĩa Ngoại Lai Tước Đoạt Quyền Lợi  
Dân Tộc & Cộng Sản Tự Phong Vương Phong Để Khi Đặt  
Mạng Sống Đàng Trên Đầu Sinh Mạng Dân Tộc Việt & Nhóm  
Cầm Đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam Là Tác Nhân Nguy Hiểm  
Gây Nên Cuộc Chiến Tranh Xâm Lược Miền Nam Tự Do & Đây  
Là Thủ Phạm Hình Sự Mang Tội Ác Hủy Diệt Sinh Lực Dân  
Tộc Việt Trong Hai Mươi Năm Chiến Tranh Ý Thức Hệ

II/ Trong Cuộc Chiến Bảo Vệ Miền Nam Tự Do, Các Vị  
Lãnh Đạo Hoa Kỳ Đã Thiếu Hiểu Biết Về Văn Hóa Lịch Sử  
Việt Nam & Giới Lãnh Đạo Hoa Kỳ Ngạo Mạn Coi Thường  
Đồng Minh Việt Nam Cộng Hòa & Thế Nhưng, Khi Xét Về  
Phương Diện Nội Lực Thì Mỹ Là Một Quốc Gia Trọng Pháp,  
Tôn Trọng Các Nguyên Tắc Dân Chủ, Tôn Trọng Nhân

Quyền, Và Quyền Sáng Tạo Của Công Dân & Đây Là Một Trong Những Yếu Tố Giúp Mỹ Vẫn Giữ Vị Thế Siêu Cường Số Một Trên Thế Giới Ở Hiện Tại Và Trong Nhiều Thập Niên Nữa & Còn Để Quốc Cộng Sản Liên Xô Thì Tan Rã Nhục Nhã Và Nghèo Đói

III/ Chế Độ Độc Tài Cộng Sản Tại Việt Nam Được Sống Còn Hay Bị Diệt Vong Không Phải Do Quyết Định Của Nhóm Cầm Đầu Đảng Cộng Sản Mà Là Tùy Thuộc Ý Chí Tranh Đấu Của Dân Tộc Việt & Chế Độ Cộng Sản Chuyên Chế Độ Quyền Chỉ Là Hạt Bụi Dơ Bẩn, Chỉ Là Một Dị Bào, Chỉ Là Tế Bào Ung Thư Sống Bám Trên Thân Thể Dân Tộc Việt & Sinh Mạng Dân Tộc Việt Là Vô Cùng Hệ Trọng & Mạng Sống Của Nhóm Cầm Đầu Đảng, Mạng Sống Của Những Phần Tử Cực Kỳ Phản Động Trong Đảng Quyết Chống Lại Sự Tiến Bộ Của Quốc Gia Dân Tộc Việt Nam, Chỉ Là Rác Rến, Cặn Bã

Đ/ Tư Tưởng Việt Và Tín Ngưỡng Việt - Chủ Thuyết Chính Trị Dân Tộc Quốc Gia Việt Nam Trong Quá Khứ Và Truyền Thống Để Kết Tinh Thành Sức Mạnh Trong Sự Tồn Tại Thời Nay - Chủ Thuyết Dân Quốc Việt

I/ Bốn Lần Nước Việt Bị Hán Thuộc Khiến Dân Việt Quá Điều Đứng Khổ Nhục Trăm Bề Và Đứng Trên Bờ Vực Của Sự Tuyệt Diệt & Nhưng Do Bản Năng Sống Còn Hết Sức Mãnh Liệt Cộng Với Ý Chí Quật Khởi Thật Kiên Cường Và Rất Anh Hùng Cho Nên Dân Việt Không Bị Giặc Tàu Đồng Hóa Để Trở Thành Dân Hán & Cội Nguồn Hình Thành Dân Tộc Xa Xưa Biểu Hiện Đặc Tính Độc Lập Và Tự Chủ & Cá Nhân - Gia Đình - Làng Xóm - Thị Tộc - Cộng Đồng - Xã Hội - Tinh Thần Cố Kết Liên Đới Xây Nền Móng Sống Còn Và Phát Triển Cho Dân Việt

II/ Tín Ngưỡng Việt - Đạo Tổ Tiên - Đạo Ông Bà - Nguồn Lực Tinh Thần Thiêng Liêng Ràng Buộc Mỗi Người Việt Cần Tu Thân Cầu Tiến Hoàn Thiện Cá Nhân Để Tranh Đấu Trong Cuộc Sống Và Cùng Hướng Đến Giống Nòi Việt Và Một Nước Việt Thống Nhất Vững Mạnh

Nhà Sáng Lập Chủ Thuyết Dân Quốc Việt Và Liên Minh Dân Việt Hành Động Vì Hiến Pháp Tự Do

A/ Lời Ngỏ

Kính thưa quý đồng bào!

Kính thưa những người Việt quan tâm đến hiện tình đất nước!

Dân ta hết bị thực dân Pháp bắt làm nô lệ thì lại đến Đảng Cộng Sản Việt Nam đè đầu cỡi cổ tiếp. Đó là chu kỳ vong thân làm tội mọi cho ngoại bang và nội thù đầy tủi nhục, uất hận, một giai đoạn lịch sử thật xấu hổ của dân Việt.

Phải khẳng định rằng, trong suốt chiều dài lịch sử gần 5.000 năm của dân Việt chúng ta, vinh quang cũng có, đắng cay tủi nhục cũng không thiếu, thì giai đoạn Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời và thống trị xã hội Việt bằng móng vuốt sắc nhọn lạnh lùng của loài cầm thú là một đại thảm họa cho dân tộc.

Tháng 8/1.858, thực dân Pháp liên kết với thực dân Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, mở đầu cho cuộc chiến xâm lược chiếm lấy Việt Nam. Chín năm sau, năm 1.867, họ chiếm gần trọn Miền Nam. Tới năm 1.884, khi triều Nhà Nguyễn suy yếu và bất lực, thực dân Pháp hoàn toàn đặt ách cai trị đen tối lên đầu dân tộc Việt.

Sau gần 100 năm(1.884-1.954) bị thực dân Pháp thống trị, thời điểm năm 1.954 đánh dấu một giai đoạn mới trong lịch sử nước Việt chúng ta.

Tháng 7/1.954, tại Miền Bắc, sau khi thoát khỏi gông cùm nô lệ của thực dân Pháp, đồng bào chúng ta lại tiếp tục rên xiết, khổ đau, nhọc nhằn dưới sự thống trị tuyệt đối của chế độ độc tài Cộng Sản.

Bản chất của chế độ Cộng Sản độc tài còn thâm hiểm, tham quyền, thực dân hơn cả thực dân Pháp. Vì thế cuộc sống của người dân trên đất Bắc dù được che đậy dưới danh nghĩa sống trong chế độ pháp quyền Xã Hội Chủ Nghĩa, nhưng thực chất không có dân quyền, không có quyền tự do, không có sự đảm bảo của bản hiến pháp đúng nghĩa.

Hiến Pháp Cộng Sản Việt Nam dù được ra đời ở thời điểm nào, dù có sửa đổi, dù mang tên gọi khác nhau, nhưng thực chất chỉ là công cụ của Đảng Cộng Sản để thống trị xã hội với bàn tay sắt hầu mang lợi lộc, quyền lực đến cho giai cấp cầm quyền, đó là những kẻ cầm đầu đảng và hệ thống cán bộ đảng viên từ xã ấp đến trung ương.

Tóm lại, Hiến Pháp Cộng Sản chỉ là cái bánh vẽ to tướng mà đồng bào Miền Bắc bị đảng bắt buộc phải đứng im mà chiêm bái, rồi nhai và nuốt vào, còn không thì bị trừng phạt nặng nề vì tội dám cả gan chống lại đảng, một giáo chủ bại não đại diện cho thế giới tội ác rất đáng ghê tởm, có quyền lực kiểm hãm sức sống dân tộc Việt và đưa đất nước vào vòng lệ thuộc ngoại bang Tàu.

Hiến Pháp Cộng Sản được hình dung bằng công thức sau:

**Đảng là vua chúa phong kiến u mê tái sinh, mộng mơ muốn nắm toàn quyền tuyệt đối miên viễn = bạo lực của công an côn đồ bằng đảng gây khiếp sợ cho dân chúng + sức mạnh quân đội phải tuyệt đối trung thành bảo vệ kho vàng của đảng.**

Nhiều người đã bỏ ra rất nhiều công lao để giải thích Chủ Nghĩa Marx-Lenin, nhiều người đã tốn hao nhiều thời giờ để tìm hiểu Chủ Nghĩa Cộng Sản.

Thật ra, qua những kinh nghiệm, không những của riêng dân tộc ta, mà còn là đại khổ nạn của nhiều nước trên thế giới khi bị Cộng Sản thống trị, đã chứng minh rằng Chủ Nghĩa Cộng Sản-chế độ Cộng Sản là sự kết hợp ở đỉnh cao của những hành vi lưu manh-xã hội đen cùng cực, với sự gian trá-xảo ngôn không còn ai có thể xảo ngôn-gian trá hơn được. Chỉ thế thôi.

Đảng và nhà nước Cộng Sản Việt Nam đã lưu manh-xã hội đen hóa guồng máy cai trị của họ. Những thành viên thừa hành lệnh truyền của nhóm cầm đầu đảng một cách vô tri, nhằm duy trì mãi mãi thiên đường đại hữu sản của nhóm cầm đầu, chỉ là thành phần thiếu năng phạm tội ác hình sự đối với dân tộc Việt.

Tại Miền Nam trong giai đoạn từ tháng 7/1.954 đến ngày 30/4/1.975, đồng bào chúng ta trải qua hai chế độ chính trị.

Thời Đệ Nhất Cộng Hòa có thể được tính từ sau tháng 7/1.954 đến ngày 1/11/1.963 khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị đảo chính.

Trong giai đoạn Đệ Nhất Cộng Hòa, Miền Nam vừa thoát khỏi sự cai trị của ngoại bang Pháp, lại vừa phải lo xây dựng lại hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội ở Miền Nam, đồng thời quan trọng hơn hết là phải đối phó với làn sóng xâm lăng do Hồ Chí Minh phát động với mục tiêu tối hậu là sớm đưa Miền Nam vào vòng lệ thuộc của đế quốc Cộng Sản gồm Liên Xô và Trung Cộng.

Thời gian Tổng Thống Ngô Đình Diệm nắm quyền ở Miền Nam, thì có bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa 26/10/1.956. Dù Hiến Pháp Đệ Nhất Cộng Hòa có giá trị pháp lý và khởi đầu xây dựng các quyền căn bản về sự tự do của người dân Miền Nam. Tuy nhiên trong giai đoạn này, quyền hành lại tập trung phần lớn vào tay gia đình họ Ngô Đình.

Sau cuộc đảo chính ngày 1/11/1.963, Miền Nam bị trải qua giai đoạn nhiều biến động ở thượng tầng quyền lực, mà những kẻ cầm quyền đa số là bậc Tướng lãnh. Nguyên nhân của sự xáo trộn chính trị nguy hiểm này là do tham vọng nắm quyền của cá nhân hay phe nhóm.

Tuy nhiên, quan trọng hơn tất cả là do quốc gia Miền Nam Việt Nam non trẻ không được vận hành bởi một bản Hiến Pháp Dân Chủ với sức mạnh luật pháp buộc những người mang tham vọng chính trị phải biết phục tùng tinh thần trọng pháp nhằm kiện toàn tổng lực đất nước chống lại cuộc chiến tranh xâm lăng hết sức nguy hiểm của Cộng Sản.

Đã có 6 bản Hiến Pháp tạm thời hay chính thức trong giai đoạn này, bao gồm:

1/ Hiến Ước Tạm Thời số 1 ngày 4/11/1.963.

- 2/ Hiến Ước Tạm Thời số 2 ngày 7/2/1.964.
- 3/ Hiến Chương Việt Nam Cộng Hòa ngày 16/8/1.964.
- 4/ Hiến Chương Lâm Thời ngày 20/10/1.964.
- 5/ Ước Pháp Tạm Thời ngày 19/6/1.965.
- 6/ Hiến Pháp ngày 1/4/1.967.

Khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu thành lập nền Đệ Nhị Cộng Hòa từ năm 1.967 cho đến ngày 30/4/1.975, Miền Nam Việt Nam đã có một bản Hiến Pháp tiến bộ hơn Miền Bắc Cộng Sản rất nhiều. Hiến pháp này tôn trọng các nguyên tắc dân chủ căn bản như đa nguyên chính trị, sinh hoạt dân chủ đa đảng, các quyền tự do cá nhân được tôn trọng, quyền tự do sáng tác văn học nghệ thuật, quyền tự do được hưởng sự giáo dục tôn trọng nhân bản và truyền thống dân tộc...

Thế nhưng, những nguyên tắc dân chủ trong thời Đệ Nhị Cộng Hòa đã thiếu điều kiện để trưởng thành và phát triển thêm nữa, do vì Đảng Cộng Sản Việt Nam liên tục đẩy mạnh cường độ chiến tranh xâm lược gây bất ổn định, liên tục phá hoại nặng nề tình hình an ninh cũng như đời sống chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa... ở Miền Nam. Vì vậy mà chính quyền Miền Nam phải dồn tổng lực tiềm năng cho cuộc chiến đấu bảo vệ nền tự do.

Kết cuộc lại, sau khi thực pháp dân Pháp ra đi vào năm 1.954, cho đến ngày 30/4/1.975, và rồi kéo dài trong giai đoạn Cộng Sản cai trị hiện nay, đất nước Việt Nam chúng ta vẫn chưa có hoàn chỉnh một bản Hiến Pháp Tự Do và tiến bộ để đẩy nâng người Việt Nam lên đúng vị trí của người dân là chủ thể của quốc gia dựa trên nền tảng các nguyên tắc dân chủ hiện đại vì nhân sinh nhân quyền.

## **B/ Mục Đích**

**Khôi Phục và Phát triển Nhân Quyền Việt Nam & Vận Động Trong Hiện Tại và Tương Lai Để Quốc Gia Việt Nam Tự Do Có Bản Hiến Pháp Tiến Bộ Dung Chứa Các Tầng Lớp Công Dân, Các Thành Phần Dân Tộc, Các Cộng Đồng Dân Cư Sống Chung Thanh Bình và Xây Dựng Phát Triển Nước Việt Giàu Mạnh:**



Sơ lược lại giòng vận động của lịch sử để nhắc nhở chúng ta thường xuyên rằng, động lực quan trọng thúc đẩy đất nước và dân tộc Việt Nam thoát khỏi sự nghèo nàn, chậm tiến, tình trạng vong nô, dân trí u u mê mê, chính là xã hội Việt phải được vận hành bởi một bản Hiến Pháp Tự Do mang đặc tính tiến bộ, khoa học, tinh lọc làm giàu văn hóa Việt, thích ứng kịp thời với đời sống văn minh, nhân bản, phú cường của xã hội nhân loại hiện nay.

Bi cảnh xã hội Việt hiện nay là, khi người dân nói đến các quyền tự do thật sự của chính bản thân mình thì bị chính quyền Cộng Sản ngăn cấm, ngay cả bị đánh đập, làm nhục, đàn áp, và tù đày khổ nhục. Còn khi chính quyền Cộng Sản luôn miệng tuyên truyền cho sự "tự do" thì lại bị người dân châm biếm và không quan tâm.

Chính trong tình hình như vậy, đồng bào chúng ta cần phải nói đến hai chữ tự do nhiều hơn. Tất nhiên quan trọng hơn hết là nỗ lực tìm cách biến đổi hai chữ Tự Do thành hiện thực đáng trân trọng trong xã hội Việt Nam.

Hiến Pháp Tự Do là phương cách hữu hiệu nhất để chữa trị căn bệnh ung thư nghiêm trọng của chế độ chính trị chuyên chế độc tài. Hiến Pháp Tự Do tạo nền tảng vững chắc cho mọi người Việt tham gia đóng góp và điều hành đất nước.

Và bản Hiến Pháp Tự Do phải được chung quyết bởi ý chí của toàn dân Việt thông qua cuộc trưng cầu ý dân, bình đẳng, tự do, và dân chủ.

Khi mọi người dân Việt có quyền tự do để sống xứng đáng và đóng góp một cách hữu ích cho xã hội thì sẽ tạo điều kiện cho động lực phát triển đất nước. Hiến Pháp Tự Do có trách nhiệm khai mở nguồn động lực rất quan trọng này bằng cách đề ra và bảo đảm, tôn trọng những quyền tự do cá nhân, quyền tự do của mọi công dân, không phân biệt đối xử với bất kỳ cá nhân, thành phần giai cấp nào trong xã hội.

Không như sự tự do trên giấy tờ, trên đầu môi chót lưỡi đầy gian xảo, lật lọng, mảnh khoke của chế độ Cộng Sản, Hiến Pháp Tự Do phải vạch ra đường hướng thực tế và hữu hiệu để xây dựng các định chế pháp luật hiệu quả trong guồng máy chính quyền.

Và hiển nhiên rằng phải có sự giám sát, góp ý tích cực của các định chế tư pháp độc lập với chính quyền, và của hệ thống xã hội dân sự vững mạnh trong quốc gia để bảo đảm sự thực hiện hiệu quả các giá trị nhân quyền được ghi trong bản Hiến Pháp Tự Do.

Việc khởi đi Dự Án Chính Trị này không phải là đầu tiên trong vòng hai thập niên qua, và cũng không phải là sau cùng.

Và trong vị thế của một công dân Việt hằng quan tâm đến hiện tình đất nước, cá nhân chúng tôi hết sức mong rằng đồng bào trong nước hay đồng bào còn lưu vong khắp nơi trên thế giới hãy vì sự tồn vong và công cuộc hưng thịnh dân tộc, quốc gia Việt Nam bây giờ và sau này, nên quan tâm đến sự vận động và hình thành cho việc ra đời bản Hiến Pháp Tự Do, dù đó là tư tưởng của cá nhân nào, hay của đoàn thể chính trị nào khởi xướng.

Ngay khi dân tộc Việt còn bị chế độ độc tài toàn kiểm thống trị thì nhu cầu vận động, hoạt động phổ biến ý nghĩa, và hình thành bản Hiến Pháp Tự Do thật gấp rút để nước Việt giành giật thời gian và mau hội nhập vào đời sống của nhân loại văn minh. Và vào lúc mà chế độ Cộng Sản chỉ còn là bóng ma quái ác của quá khứ, nhu cầu hình thành và luôn điều chỉnh Hiến Pháp Tự Do cho theo kịp với sự thay đổi cuộc sống là rất cần thiết.

Như thế bản Hiến Pháp Tự Do luôn vận động chung với giòng vận động lịch sử của dân tộc Việt, khi xét về sự hoạt động của xã hội thời hiện đại.

Việc khởi động và duy trì thường xuyên ý nghĩa cao đẹp của bản Hiến Pháp Tự Do nhằm để cuộc sống xã hội Việt luôn thăng tiến, tránh tư tưởng bảo thủ chỉ nghĩ đến lợi ích nhỏ nhen tụn mùn của phe nhóm, đảng phái, cuộc

đảng tranh, và óc lãnh tụ của cá nhân ích kỷ, coi cá nhân mình là quá quan trọng, chỉ muốn đặt mình, gia đình mình, phe đảng mình trên đầu quốc gia, dân tộc.

Liên Minh Dân Việt Hành Động Vì Hiến Pháp Tự Do có 3 ý nghĩa chính:

1/ Liên Minh là biểu tượng của sự tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, và cũng là một biểu tượng của quyền tự do chọn lựa hay bình vực các quan điểm chính trị khác nhau trong xã hội.

2/ Liên Minh là sự thể hiện quyền tự do bày tỏ quan điểm chính trị của ít nhất là một người, và nhiều nhất là sự thể hiện nguyện vọng chính đáng của một tập thể - một bộ phận gắn bó trong cộng đồng dân tộc Việt - về vấn đề quan trọng trong xã hội mà họ đang sống.

3/ Liên Minh được dự kiến là một tổ chức của nhiều người dân Việt được tập hợp thành đội ngũ từ sự tự nguyện hoạt động cho mục tiêu cao thượng, vì quyền lợi thực tế trong đời sống của mỗi công dân kết hợp với lợi ích cụ thể của cộng đồng, và cao nhất là vì quyền lợi lâu dài của dân tộc, quốc gia Việt Nam.

Khi nhiều người Việt, đại diện cho nhiều thành phần trong xã hội ngồi lại với nhau để thảo luận và thực hiện công việc đem đến lợi ích thực tế gần gũi cho chính bản thân cùng gia đình mình, cho tập thể, cộng đồng, xã hội thì mọi người đã hình thành một hình thức liên minh có sức mạnh quần chúng.

Một chương trình hành động chính trị mang lại điều hữu dụng cho nhiều người, hay đúng hơn là vì quyền lợi của từng cá nhân riêng lẻ, vì lợi ích của đa số người trong xã hội, thì đó là một liên minh quần chúng, liên minh của nhiều công dân trong quốc gia, liên minh của dân Việt, chứ không phải là một chính đảng riêng biệt.

Vì mục đích hướng đến những quyền lợi cụ thể của người dân nên sự kết hợp rất cao của Liên Minh Dân Việt Hành Động Vì Hiến Pháp Tự Do trong hiện tại và ở tương lai. Hiển nhiên rằng, không có ai muốn sống một cuộc đời nô

lệ làm tôi mọi cho một đảng cầm quyền bất tài mà tham ăn, và hầu như mọi người dân Việt trong nước Việt đều muốn hưởng được cuộc sống tự do thật sự đúng nghĩa và thực tế.

Chính vì mục đích của Liên Minh hướng đến cuộc sống thiết thực của những con người cụ thể, cho nên, nhiều cá nhân sẽ tự nguyện kết hợp hành động cho quyền lợi cá nhân mình và sẽ dẫn đến hành động cho xã hội.

Chính sự nhiệt thành yêu nước Việt sẽ là trung tâm thu hút đồng bào xuất thân từ nhiều thành phần, ở nhiều nơi, có các chính kiến khác nhau nhưng không hủy diệt lẫn nhau, ngồi lại với nhau để bàn thảo công cuộc kiến thiết nước Việt phú cường, nhân bản cho xứng đáng với công lao gần 5.000 năm dựng nước và giữ nước của tổ tiên chúng ta.

### C/ Chương Trình Hành Động Phối Hợp Vì Dân Sinh Dân Quyền & Vì Quốc Gia Phú Cường

Dưới đây, cá nhân chúng tôi chỉ nêu lên 4 hoạt động căn bản, chính yếu của chương trình, trong đó giáo dục là một hoạt động rất quan trọng cho xã hội Việt tiến bộ.

Tất nhiên trong xã hội Việt Nam tiến bộ, dân chủ, và văn minh được vận hành bởi bản Hiến Pháp Tự Do thì sẽ tạo tiền đề rộng mở để xây dựng các quyền tự do căn bản hết sức quan trọng như quyền tự do tư tưởng, quyền tự do học thuật, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do báo chí, quyền tự do lập hội đoàn, quyền tự do sinh hoạt chính trị.....

Đi liền theo đó là những chương trình dân sinh hữu ích khác cho mọi tầng lớp người dân như y tế, văn hóa, bảo hiểm, nông nghiệp, lâm nghiệp, các ngành kỹ nghệ đa dạng do tư nhân điều hành, hoạt động truyền hình và phát thanh do tư nhân điều hành, hoạt động ngân hàng tư nhân, bảo vệ môi trường thiên nhiên, đời sống công nhân, công nhân tự thành lập nghiệp đoàn, các dịch vụ tiền lương, luật hưu trí..

Trong phạm vi nhỏ hẹp, mỗi gia đình đều phải tự mình gánh lấy phần việc lo cho cuộc sống gia đình mình, phải xây dựng cho cái nhà cái cửa ổn định để mọi người thân trong nhà có nơi chốn sinh sống ăn ở an bình, và rồi có điều kiện phát triển sung túc giàu có.

Trong khung cảnh rộng lớn hơn, thì việc nước là việc chung của mọi người dân nên người dân nào cũng có quyền cũng như trách nhiệm bắt tay vào xây dựng căn nhà quê hương chung. Đất nước của người Việt thì người Việt phải chăm lo gìn giữ xây dựng chứ không có ai làm thay cho chúng ta.

Giữa cái nhà của riêng gia đình ta và đất nước chung của mọi người chúng ta thì tất nhiên ai cũng biết rõ đất nước là cực kỳ quan trọng. Bởi vì căn nhà của một gia đình sụp đổ thì hàng xóm, xã hội hay nhà nước nước sẽ giúp đỡ để gia đình đó xây lại căn nhà. Thế nhưng một khi căn nhà chung của chúng ta là đất nước Việt Nam bị tiêu vong do nội thù tiếp tay cho ngoại xâm cưỡng chiếm thống trị thì nhà riêng của từng người dân Việt đều bị giặc cướp phá tan nát và rồi mọi người phải ly hương trôi giạt bốn phương vì không còn tổ quốc.

## I/ Hiến Pháp

**Đặt Trên Nền Tảng Nhân Quyền Và Trọng Pháp & Được Quyết Định Bởi Ý Chí Phải Được Sống Tự Do Của Toàn Thể Người Việt & Mang Tính Chất Biểu Hiện Quyền Lực Chủ Thể Cao Nhất Của Các Cộng Đồng Dân Tộc Việt Nam Từ Quốc Nội Đến Hải Ngoại & Hiến Pháp Mang Giá Trị Quyền Lực Tối Thượng Của Hệ Thống Pháp Lý Trong Quốc Gia & Bản Hiến Pháp Tự Do Chứa Đựng Tính Chất Bất Hủy:**

Các học giả Việt Nam chuyên về luật học thời Việt Nam Cộng Hòa ở Miền Nam trước ngày 30/4/1.975, cũng như các học giả Việt Nam sau này sinh sống ở hải ngoại, cùng với các bậc trí thức trong nước quan tâm nhiều đến sự sống hiện nay của dân tộc và tương lai đất nước, đều có điểm chung then chốt khi nhận định về một bản hiến pháp tiến bộ, đó là: nhân quyền là trung tâm của hiến pháp.

Những triết gia nổi tiếng của Đông Phương thời cổ và các triết gia Tây Phương vào thế kỷ 17, 18 thấy rằng xã hội loài người được vận hành tốt hơn khi hiến pháp là trung tâm của bộ máy điều hành quốc gia.

Tuy nhiên, so với Đông Phương, các triết gia Tây Phương vào thế kỷ 17, 18 như Montesquier (1.689 -1.755) với tác phẩm nổi tiếng "L' Esprit des Lois" (Vạn Pháp Tinh Lý) bàn về tinh thần luật pháp, và Jean-Jacques Rousseau (1.712-1.778) với tác phẩm lừng danh là "The Social Contract" (Khế Ước Xã Hội hay Xã Ước) chú trọng và đề cao đến nhân quyền và cơ cấu phân quyền hợp lý - bình đẳng trong quốc gia nhằm tạo nền tảng cho dân chủ và pháp trị.

Và trong tình hình đất nước ta hiện nay, Hiến Pháp Tự Do là nền tảng quan trọng nhất của hệ thống pháp lý quốc gia để giúp Việt Nam vươn lên trong cộng đồng nhân loại.

Hiến pháp mới, sau thời kỳ Cộng Sản, đặt vấn đề tôn trọng quyền tự do của công dân lên hàng đầu, không phân biệt sắc tộc, tín ngưỡng, vùng miền, thành phần xã hội, nam nữ, giới tính, quan điểm chính trị.

Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

Hiến pháp mới tạo cơ hội cho mọi người dân vươn lên trong xã hội, sống một cuộc sống có ý nghĩa với quyền tự do cá nhân không bị nhà nước xâm phạm vô lý và thô bạo.

Chính quyền chỉ là phương tiện nằm trong tay của người dân, còn từng người dân và toàn thể dân tộc là mục đích tối hậu mà quốc gia phải nhắm đến để phục vụ một cách công bằng và thiện chí. Giữa phương tiện và mục đích thì mục đích quan trọng hơn, và quốc gia có thể sử dụng nhiều phương tiện khác nhau để phục vụ một cách tốt đẹp cho mục đích.

Người dân, dân tộc có trước chính quyền. Người dân, dân tộc là chủ thể quyền uy khai sinh ra chính quyền.

Người dân, dân tộc là bà mẹ, còn chính quyền chỉ là đứa con nằm trong vòng tay dạy dỗ, nuôi nấng của bà mẹ vĩ đại.

Trong một thời đại văn minh tiên bộ như ngày nay, người dân lập ra chính quyền bằng phương pháp bầu cử tự do để thay mặt họ điều hành công việc đất nước. Do vậy định chế nhà nước hay guồng máy công quyền không thể để bị lạm dụng bởi bất kỳ cá nhân, bất kỳ đảng phái nào. Chính quyền phải nằm dưới luật pháp và có bổn phận nghiêm chỉnh tuân thủ luật pháp để phục vụ cho quyền tự do của dân chúng.

Và để một nhà nước Việt Nam trong thời kỳ hậu Cộng Sản phải đứng nghĩa là một công cụ quyền lực thi hành hiến pháp, thì chính quyền (thuộc hành pháp) phải bao gồm những con người tài đức, coi việc phục vụ quyền lợi người dân, quyền lợi quốc gia là tối hệ trọng. Thế nhưng con người là tổng thể của trái-phải, lương thiện và bất lương, đạo đức và vô đạo, cho nên, bên cạnh hành pháp phải có lập pháp và tư pháp độc lập giám sát nghiêm minh các hoạt động của hành pháp.

Cách hành xử của một nhà nước văn minh, có giáo dục, là không bao giờ dùng côn đồ hay bạo lực đối phó với dân. Bất kỳ hành động đàn áp bằng bạo lực, dùng an ninh giả danh côn đồ lưu manh hay dùng xã hội đen, băng đảng để đánh đập dân, giở trò tồi bại với phụ nữ, tấn công người tu hành, đập phá chùa chiền, nhà thờ, thánh thất, phải bị nghiêm cấm và trừng trị đích đáng.

Một chính quyền mà dùng xã hội đen để đàn áp dân là một chính quyền của những tên lưu manh thất học, không xứng đáng nắm quyền, không xứng đáng ngồi trong các dinh thự cao lớn do tiền thuế của dân đóng góp, không xứng đáng thay mặt cho dân để giao tiếp với cộng đồng các quốc gia trên thế giới.

Hiến Pháp Tự Do soạn thảo ra các điều luật ngăn cấm nghiêm khắc chính quyền có hành động vô lễ đối với dân như đã nói trên.

Hiến pháp là tối thượng trong các định chế pháp luật của quốc gia và được đóng góp bởi ý chí của toàn dân.

Để có được một bản Hiến Pháp Tự Do thể hiện ý nguyện vươn lên trong phú cường, nhân bản của dân tộc Việt Nam, quốc gia chúng ta cần thành lập một Hội Đồng Lập Hiến để nghiên cứu và soạn thảo bản Dự Thảo Hiến Pháp Tự Do.

Hội Đồng Lập Hiến bao gồm các chuyên gia luật pháp trong nước có lý tưởng tự do, các chuyên gia luật pháp của cộng đồng người Việt hải ngoại, đại diện các tổ chức xã hội dân sự, đại diện các sắc tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, đại diện các tôn giáo, đại diện các nhóm hay tổ chức chính trị. Những cá nhân người Việt hoạt động độc lập, có quá trình tranh đấu cho công cuộc tự do, và đang sinh sống ở bất kỳ nơi đâu, luôn được mời gọi tham gia vào Hội Đồng Lập Hiến để góp ý xây dựng cho bản Hiến Pháp Tự Do.

Ngoài hai yếu tố nhân quyền, trọng pháp, thì yếu tố nổi bật để thúc đẩy xã hội Việt tiến lên, tiến lâu dài trên con đường dân chủ ổn định là Hiến Pháp Tự Do phải được thiết kế trên cái nền Tam Quyền Phân Lập: Lập Pháp, Hành Pháp, và Tư Pháp. Ba định chế quan trọng của quốc gia chúng ta phải đứng độc lập nhưng có trách vụ hỗ tương để giúp đất nước được điều hành tốt và tránh bất cứ sự lạm quyền nào.

Hành Pháp nắm quyền lực cai trị quốc gia, có thể là dưới hình thức Tổng Thống Chế hay Nội Các Chế (đứng đầu là Thủ Tướng), là do Hiến Pháp Tự Do qui định.

Chọn một hình thức nào để guồng máy Hành Pháp ổn định trong việc điều hành quốc gia, tránh những lỗi lầm của một nền dân chủ phôi thai như ở nước ta khi mà không ít người trong xã hội còn thiếu hiểu biết về luật học và hiến pháp. Tổng Thống Chế có ưu điểm hơn, tránh được xáo trộn không cần thiết trong một chế độ dân chủ mới bắt đầu triển khai như ở Việt Nam một khi Cộng Sản đã đã bị đào thải.



Lập Pháp nắm quyền lực làm ra luật, soạn các điều luật cho quốc gia dựa theo tinh thần Hiến Pháp Tự Do, theo dõi và kiểm tra Hành Pháp có tuân thủ luật pháp và Hiến Pháp Tự Do hay không. Quốc Hội hoặc Nghị Viện tiêu biểu cho Lập Pháp sẽ là một cơ chế gồm hai viện, Thượng Viện và Hạ Viện.

Để có được một cơ quan Lập Pháp tiêu biểu cho các thành phần chính trị đa dạng trong quốc gia, thể thức bầu cử cần được Hiến Pháp Tự Do qui định để các đảng nhỏ không bị chèn ép bởi các đảng lớn, và dù các đảng nhỏ chỉ chiếm một ít số phiếu bầu nhưng vẫn có ghế đại diện trong cơ quan Lập Pháp.

Những cá nhân hoạt động chính trị độc lập không thuộc đảng phái nào cần được Hiến Pháp Tự Do qui định và khuyến khích để cơ quan Lập Pháp có thêm nhiều tiếng nói đại diện cho nhiều thành phần, đặc biệt có thêm các tài năng chính trị trong cơ quan dân cử quan trọng này.

Còn Tư Pháp sẽ là ngành hoạt động độc lập không để Hành Pháp chi phối hay Quốc Hội lấn áp. Để có một ngành Tư Pháp vững mạnh thì các chuyên gia về luật học, những luật gia có kinh nghiệm cũng như hiểu biết nhiều về luật sẽ được xét cử để làm việc trong hệ thống Tư Pháp quốc gia.

Tư Pháp không bị chi phối bởi bất cứ ai, bất cứ điều gì, bất cứ tư tưởng gì. Tư Pháp sẽ dựa trên tinh thần Hiến Pháp Tự Do, các điều luật ghi trong Hiến Pháp để xét xử, để giải quyết các tranh chấp. Từ Tổng Thống, Thủ Tướng đến người dân bình thường, từ các chính đảng lớn đến một cá nhân hoạt động chính trị độc lập...đều bình đẳng trước pháp luật.

Tất nhiên, bản Hiến Pháp Tự Do sau khi đã được các đại diện thay mặt cho lương tri, đạo đức, trách nhiệm, ý chí muốn sống tự do của toàn dân chung quyết thì bản Hiến Pháp Tự Do phải sống chung với dân tộc trong tình trạng ổn định lâu dài. Không có bất kỳ đảng phái, nhóm vũ trang, các Tướng lãnh vô kỷ luật nào, hay cá nhân quyền thế nào có quyền lực xóa bỏ Hiến Pháp Tự Do để

viết lại bản hiến pháp mới nhằm phục vụ tham vọng chính trị cho họ.

Khi bản Hiến Pháp Tự Do ra đời và sau một thời gian được thi hành, vào lúc có nhu cầu điều chỉnh thì chỉ có thể tu chính, bổ sung - **chứ không phải bị xóa bỏ** - để luôn thích hợp với tiến bộ xã hội và đời sống của quốc gia dân tộc. Mỗi lần tu chính, các vị dân cử trong định chế Lập Pháp do dân bầu lên sẽ có quyền góp ý tu chính để bản Hiến Pháp Tự Do đầu tiên luôn giữ vững giá trị của nó theo thời gian.

Và cách thức tu chính cũng sẽ được Hiến Pháp Tự Do qui định cụ thể.

Mục đích này nhằm hủy diệt thẳng tay tất cả ý đồ đen tối của các phe nhóm chính trị bất hảo muốn xung hùng xung bá và đẩy cuộc sống dân tộc vào vòng lao đao nguy hiểm thông qua các cuộc đảo chính, binh biến hay thiết kế kiểu cai trị độc tài.

Tất nhiên, điều kiện tiên quyết cần có là ý thức hiểu biết chính trị của người Việt. Đặc biệt hơn cả, những cá nhân, thành phần tham gia hoạt động chính trị phải có ý thức tôn trọng Hiến Pháp Tự Do. Khi sự hiểu biết của mọi cá nhân trong xã hội được nâng cao thì không ai muốn nhân chìm đất nước mình vào thời kỳ hỗn loạn, trong đó bọn cướp ngạo ngược ngồi trên ngai vàng, hay là trở về thời kỳ tiền sử ăn lông ở lỗ.

## II/ Chính Trị

**Dân Tộc Việt Và Xã Hội Việt Được Hình Thành Trên Nền Móng Nhiều Thành Phần Đa Dạng, Do Vậy Cơ Cấu Chính Trị Quốc Gia Phải Đặt Trên Nền Tảng Đa Nguyên Đa Đảng & Quyền Tự Do Hoạt Động Chính Trị Là Một Trong Các Quyền Căn Bản Của Công Dân & Quyền Lực Chính Trị Của Quốc Gia Phải Được luân Phiên Thay Đổi Qua Tay Các Chính Đảng Để Dân Tộc Quốc Gia Được Phụng Sự Một Cách Tốt Nhất & Đối lập Chính Trị Là Sự Hiện Hữu Tất Nhiên Và Được Bản Hiến Pháp Tự Do Đề Ra Qui Định Về Sự Tồn Tại Cần Thiết Của Đối Lập Cũng Như Bảo Đảm Sự An Toàn Hoạt Động Cho Lực Lượng Đối Lập:**

Đã từ lâu, công luận thường kiêng dè, lánh xa, hoặc lo sợ chính trị, vì nơi đây được coi là môi trường không sạch, nơi dung túng sự tranh giành danh lợi, thủ đoạn mờ ám hại nhau, phe đảng đập đầu nhau để ăn tạp, một đầu trường đen tối hung hiểm đầy thù hận, máu, tiền...

Tất nhiên, nhiều người cũng thấy rằng dù môi trường này là không an toàn và rất phức tạp nhưng chính trị bao trùm trong đời sống xã hội và quốc gia. Những người không muốn dính líu tới chính trị thì cũng không thoát được ảnh hưởng của chính trị một cách trực tiếp hay gián tiếp.

Thí dụ như một ông công chức bình thường, có tâm tưởng an phận, ngày đi làm hai buổi rồi về chăm dạy con, sống hạnh phúc với vợ.

Tuy nhiên, những sinh hoạt và nhu cầu cần thiết khác trong đời sống hàng ngày của gia đình ông rất dễ bị chính trị chi phối, đó là tiền lương của ông lên hay xuống, giá xăng dầu tăng giảm thất thường, gạo lên giá, giá nhà cao quá nên mua không nổi, cái gì cũng bắt dân đóng thuế, cầu đường hư hỏng khó khăn cho việc đi lại, sinh hoạt học đường ảnh hưởng tốt hay xấu đến tinh thần con ông...

Tất cả những thứ này phần lớn có xuất xứ từ các chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, an ninh... của nhà nước. Và những chính sách cai trị đó lại do các đảng phái chung quyết thành luật tại Quốc Hội, hay một đảng cầm quyền độc đoán đưa ra. Do vậy, muốn hay không muốn, thích hay không thích, ghét hay thương, thì lĩnh vực chính trị đã tác động đến toàn bộ hoạt động xã hội, không chừa ra bất kỳ một ai.

Quan trọng hơn hết, là những người làm chính trị phải có cái tâm tốt để hình thành được các quan điểm vì lợi ích cộng đồng và xã hội.

Đề chắc chắn hơn, những thành phần ưu tú trong xã hội phải nghĩ đến việc định hình một khuôn mẫu chính trị

hay pháp chế vì nhân sinh để điều hướng hoạt động xã hội.

Muốn có khuôn mẫu chính trị tốt vì nhân sinh thì phải có những người với cái tâm tốt. Giữa khuôn mẫu chính trị hay thiết kế xã hội và con người có tương quan mật thiết lẫn nhau. Đây là mối tương quan nhân quả.

Những người gian ác lúc nào cũng nghĩ đến việc thành lập một guồng máy cai trị mà trong đó tạo điều kiện thuận lợi cho họ thâm tóm quyền lực quốc gia vào trong bàn tay họ hay phe đảng của họ. Và họ sẵn sàng, hết sức, hoạt động theo phương cách "cứu cánh biện minh cho phương tiện", có nghĩa rằng để đạt tới mục tiêu thì làm bất cứ việc gì, bất chấp đạo lý. Đây là cách sống, hành động của người Cộng Sản Việt Nam vì quyền lợi riêng tư. Và nó thống nhất từ người khai sinh ra đảng cho đến đảng viên u mê trong một chi bộ ấp. Một sự thống nhất của cái ác, từ tư tưởng đến hành động.

Còn những kẻ không phải Cộng Sản, nhưng có đầu óc kinh doanh chính trị thì cũng chỉ mơ tưởng đến quyền lợi cá nhân và gia đình họ, nên sẵn sàng đạp đổ người khác chứ không nghĩ đến quyền lợi dân tộc. Họ dùng môi trường chính trị là phương tiện để biện giải và thực hiện các mưu đồ bất chính. Đối với loại người này, thỏa mãn quyền lợi cá nhân, giá trị đồng tiền, lợi ích gia đình, danh tiếng hảo huyền là quan trọng hơn hết.

Họ không có thực tài, thực tâm. Họ chỉ có đầu óc gian trá, thủ đoạn. Họ có thể học thành tài, đỗ đạt bằng này bằng nọ, nhưng họ không dùng kiến thức để phục vụ xã hội. Trái lại họ dùng bằng cấp lương gạt công chúng để ăn cắp tiền của cộng đồng, rồi lại dùng tiền ăn cắp đó để thuê mướn đám lưu manh thất học dùng sức mạnh đe dọa, giết hại những đồng hương đồng bào nào có can đảm nói lên cái thói tính bất nhân của họ. Họ không phải là trí thức.

Đây cũng là thành phần cặn bã của cộng đồng, của xã hội, chen chân vào môi trường chính trị để làm hu đi cái chính danh, chính nghĩa của chính trị.

Để kèm chế, trừng phạt các cái xấu này, quốc gia phải có một bộ máy cai trị hợp lý, đó là một cấu trúc pháp lý tương đối hoàn chỉnh vì nhân sinh. Chúng ta gọi đó là bản hiến pháp tiến bộ. Chính nó sẽ định hình vững chắc và lâu dài cho nền tảng sinh hoạt chính trị dân chủ và tiến bộ, đặt nhân quyền, nhân sinh, dân quyền, dân sinh, quyền lợi quốc gia dân tộc, tinh thần trọng pháp làm tối ưu.

Nền tảng chính trị của nước Việt Nam sau thời kỳ Cộng Sản sụp đổ là một nền tảng chính trị tôn trọng sự đa dạng về thành phần, tôn giáo, ngành nghề, các địa phương, quan điểm kiến thiết quốc gia, sắc tộc. Không có sự phân biệt, hay tự phong đặc quyền về vai trò tối ưu của bất kỳ cá nhân nào, đảng nào, một học thuyết chính trị nào, hoặc một đảng có độc quyền và muốn nắm quyền lực mãi mãi.

Nắm quyền lực mãi mãi chỉ là hành vi tự phong vương tro trên trong đời sống chính trị thời đại nhân quyền, và đó cũng là sự suy nghĩ quá thấp kém của những người lợi dụng việc hoạt động chính trị là phương tiện để ăn cướp tài sản đất nước, làm giàu cho cá nhân, gia đình, phe đảng của họ. Dù họ biết rất rõ rằng, việc làm giàu đó là bất chính, là sống như vua chúa trên sự nghèo khổ của dân chúng, trên sự suy yếu nhục nhã của quốc gia, quốc thể. Chính sự vô đạo này của những con người mà đầu óc họ chỉ biết có quyền lợi vật chất cá nhân, cho nên vai trò cấp bách của Hiến Pháp Tự Do lại càng được nói đến.

Mọi công dân Việt Nam đều có quyền lập đảng và tham gia hoạt động của các đảng phái tùy theo khả năng, nhu cầu, và sở thích chọn lựa của họ. Hoặc người dân có quyền hoạt động chính trị trong tư thế độc lập không theo đảng nào.

Các đảng phái hay cá nhân hoạt động chính trị có quyền tự do phát biểu về các vấn đề liên quan đến chính trị đất nước, và họ có quyền tự do đề ra chương trình hoạt động chính trị của đảng họ hay của cá nhân. Các chương trình hoạt động chính trị này sẽ được công luận xét duyệt phê phán công bằng, nếu nó đáp ứng được với nhu cầu tiến bộ của đất nước thì nội dung lý thuyết chính

trị là hữu dụng và có giá trị cao. Đất nước Việt Nam hoan nghênh các sáng kiến chính trị nhằm phụng sự tốt đẹp cho dân tộc Việt.

Do các sai lầm của hiến pháp my dân, hiến pháp là công cụ nắm quyền tuyệt đối của Đảng Cộng Sản, cho nên các đảng phái trong thời kỳ hậu Cộng Sản phải phục tùng tuyệt đối hiến pháp.

Bất kỳ đảng phái nào, chỉ là đại diện quyền lợi của một thành phần, một tập thể con người trong xã hội chứ không thể mạo danh, hay tiếm quyền tự xưng là đại diện cho cả một dân tộc, đại diện cho cả nước. Đây là đại ngôn, xảo ngữ, không có tự trọng.

Mọi đảng phái phải nằm dưới luật pháp và phải bị xét xử bởi luật pháp quốc gia. Dưới đây xin tạm nêu lên vài trường hợp đảng phái bị luật pháp quốc gia xét xử: vi phạm đến quyền lợi của dân tộc như cầu kết với ngoại bang để làm hại đất nước, làm tay sai cho ngoại bang, dâng hiến lãnh thổ lãnh hải cho ngoại bang, lạm dụng đảng phái để ăn cắp tài sản của xã hội...

Các vi phạm pháp luật của các chính đảng sẽ bị xét xử bởi một hệ thống tòa án độc lập không bị chi phối bởi bất cứ đảng phái nào. Những tòa án này chỉ nghiêm chỉnh tuân thủ các nguyên tắc công bằng, vô tư của Hiến Pháp Tự Do.

Nền tảng chính trị mới sau thời kỳ Cộng Sản bị diệt vong là dựa theo qui định trong Hiến Pháp Tự Do. Hiến Pháp Tự Do đặt ra các điều luật tôn trọng đa nguyên đa đảng.

Nền tảng đa nguyên đa đảng xuất phát từ bản Hiến Pháp Tự Do sẽ hình thành một không gian chính trị lành mạnh không bị ô nhiễm bởi những tác nhân gây bệnh nguy hiểm như tệ nạn độc tài, tệ nạn gia đình trị, tệ nạn xôi thịt, tệ nạn kinh doanh chính trị, tệ nạn luôi biếng động não nhưng muốn làm lãnh tụ, thành phần bất hảo cặn bã ăn bám cộng đồng và xã hội thông qua các chiêu bài chính trị canh tân lương gạt.

Và cũng từ căn bản này, nhiều tài năng chính trị sẽ có cơ hội xuất hiện để đóng góp cho quốc gia chúng ta thêm hùng mạnh.

Để hình thành được một môi trường chính trị lành mạnh xứng đáng với tiềm năng của môi trường chính trị là nơi sinh ra quyền lực cai trị quốc gia thì ngoài nền tảng vững chắc là Hiến Pháp Tự Do, hệ thống bầu cử tự do, quyền tự do ứng cử và tự do bầu cử cũng là một định hướng then chốt.

Bầu cử tự do sẽ được Hiến Pháp Tự Do qui định cụ thể, mọi người dân đều có quyền đi bầu, có quyền tự do lựa chọn những người đại diện xứng đáng cho mình mà không bị áp lực chính trị nào.

Chính hệ thống tự do bầu cử sẽ tạo tiền đề tự do tranh cử của cá nhân, của đảng phái. Môi trường bầu cử tự do hình thành nên sinh hoạt đảng phái tự do.

Đảng nào thắng cử trong cuộc bầu cử tự do sẽ lên nắm chính quyền trong một hay hai nhiệm kỳ giới hạn theo luật pháp qui định.

Các đảng thất cử sẽ hoạt động trong không gian an toàn về chính trị do Hiến Pháp Tự Do bảo đảm nhằm hình thành một cơ cấu đối trọng, cân bằng chính sách điều hành quốc gia. Các tiếng nói vì quyền lợi quốc gia dân tộc rất có giá trị và họ được quyền tự do cất lên tiếng nói trên các diễn đàn hợp pháp do quốc gia và xã hội dành cho.

Vì thế diễn đàn bày tỏ các quan điểm chính trị khác với quan điểm của đảng cầm quyền, dành cho các đảng phái đối lập hoạt động là điều không thể thiếu.

Ngay cả các diễn đàn tự do ngôn luận dành cho hệ thống xã hội dân sự phát biểu, phê bình về các chính sách cai trị quốc gia và chính sách đối ngoại của đảng cầm quyền cũng được hình thành để quốc gia được xây dựng, phát triển trên nền tảng của nhiều sáng kiến, quan điểm khác nhau trong xã hội.

Tất nhiên, tất cả mọi công dân Việt Nam, ở độ tuổi trưởng thành là 18 tuổi, và cao tuổi hơn nữa, không phân biệt giới tính, không phân biệt thành phần xuất thân, đều có quyền tự do đóng góp ý kiến về môi trường chính trị. Quốc gia, Hiến Pháp Tự Do tạo ra nhiều diễn đàn phát biểu cho tất cả công dân.

Quốc gia là do dân tộc hình thành, và dân tộc là tập hợp đa dạng của nhiều cá thể công dân, nhiều cộng đồng dân cư. Do vậy, sự tồn vong-hung thịnh của quốc gia đều chi phối mạnh đến từng cá nhân hay cộng đồng dân cư, và sự thịnh-vong của quốc gia cũng có phần trách nhiệm của từng công dân. Khi đã gánh trách nhiệm, khi bị chi phối đến cuộc sống, thì từng công dân, từng cộng đồng dân cư có quyền đóng góp để xây dựng quốc gia luôn được tiến bộ.

Bất cứ một công dân Việt Nam nào đều có thể trở thành vị lãnh đạo quốc gia, lãnh đạo xã hội, lãnh đạo ngành Lập Pháp...không phân biệt họ thuộc thành phần nào, ở địa phương nào, theo đạo gì, theo đảng nào, một khi họ có tài năng, có đủ tuổi, có sức khỏe đảm trách công việc được giao, do luật pháp qui định.

Làm được như thế thì môi trường chính trị tự do và lành mạnh sẽ sản sinh ra nhiều tài năng lãnh đạo cho đất nước. Đây là vốn quý, tài sản quý mà chỉ có Hiến Pháp Tự Do mới có đủ khả năng khai mở để dân tộc Việt sử dụng kho tàng phong phú này làm giàu mạnh cho đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta.

### III/ Kinh Tế

**Đặt Trên Nền Tảng Tự Do, Tự Lực, Tự Hữu, Sáng Tạo, Giàu Mạnh & Dân Có Giàu Thì Nước Mới Mạnh & Muốn Quốc Gia Hùng Cường Để Khỏi Nhục Quốc Thể, Để Ngoại Bang Không Dám Uy Hiếp, Thì Chính Sách Kinh Tế Đúng Là Phải Chăm Lo - Tạo Điều Kiện Cho Người Dân Được Sống No Đủ Và Làm Ăn Giàu Có:**

Người dân Việt sống dưới sự cai trị của ngoại bang Pháp đã bị bóc lột, vắt cạn kiệt về thể xác và tinh thần. Đời sống của một quốc gia bị thực dân da trắng



thống trị khiến cho dân ta không có cơ hội ngóc đầu lên để định hướng cho một tương lai tốt đẹp có nhân phẩm.

Cái nghèo này đã càng nghèo thêm và lại khổ nhục khi thực dân Pháp ra đi và Cộng Sản nông cuồng kéo đến.

Trong hai mươi năm nội chiến Nam Bắc vì ý thức hệ, người dân Miền Nam có quá ít thời gian để làm giàu cho bản thân và đất nước. Bị một cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo do Cộng Sản Miền Bắc đẩy mạnh liên tục khiến hai thể chế Cộng Hòa ở Miền Nam tự do hầu như có rất ít điều kiện ổn định để đặt kế hoạch phát triển lãnh thổ Miền Nam một cách lâu dài.

Sau ngày 30/4/1.975, mang danh nghĩa là thống nhất và hòa bình, nhưng thực tế dân tộc chúng ta khởi đầu cuộc sống nô lệ mới mà chủ nhân ông tham lam-ích kỷ-lưu manh là Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Như thế trải qua thời kỳ dài từ năm 1.884 đến năm 2.015, đa số dân Việt vẫn còn sống ở mức nghèo khó. Và một chính quyền độc tài, với thành phần cầm đầu giàu có, tuy nhiên vẫn đi xin viện trợ hàng năm ở các quốc gia mà dân số và tài nguyên ít và kém hơn Việt Nam như Hàn Quốc, Singapour, Nhật, và các nước Bắc Âu... .

Điều này cũng xác quyết một cách vững vàng rằng chính sách kinh tế Xã Hội Chủ Nghĩa bị thất bại hoàn toàn. Nó đã bị phá sản một cách nhục nhã vì lý thuyết kinh tế không có giá trị thực tế, không đáp ứng được các nhu cầu cơm áo gạo tiền của dân chúng, và guồng máy điều hành kinh tế lại dốt nát và kiêu căng. Nó hoàn toàn không có lợi gì cho dân tộc chúng ta. Nó chỉ là công cụ làm giàu cho giai tầng thống trị gồm đám cầm đầu đảng, cán bộ đảng viên, và thành phần ăn bám theo chế độ.

Một nền kinh tế sao y bản chính về mặt lý thuyết không có giá trị khoa học của ngoại bang Liên Xô và Trung Cộng, chỉ được các "đỉnh cao trí tuệ" ở Hà Nội thêm bớt các từ ngữ như định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa..., khiến cho đất nước Việt Nam ngày nay là quốc gia rất đông

nhân lực, lãnh thổ rộng lớn, đồng ruộng tốt tươi, sông biển dài rộng mênh mông, nhưng lại không biết cách phát triển kinh tế cho nên cứ đi xin viện trợ, cứ đi vay mượn ngoại tệ, và tình trạng nợ công chồng chất không lối thoát.

Đây cũng là nỗi đau của dân tộc chúng ta, hết làm nạn nhân của thực dân Pháp, lại đến làm nạn nhân cho kẻ nội thù.

Mục tiêu làm cho dân giàu nước mạnh là nổi ưu tư không ngừng nghỉ trong tâm huyết những con dân Việt mang lý tưởng cao thượng phục vụ tha nhân.

Chấm dứt một chế độ chỉ giỏi sản xuất bánh vẽ và mỹ dân sẽ giúp cho người Việt có cơ hội góp phần sáng tạo của cá nhân mình vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế nước Việt.

Nước Việt Nam tự do có trách nhiệm tôn trọng các hoạt động kinh tế tư nhân, chính quyền chỉ đóng vai trò trung tâm điều tiết có giới hạn, với mục đích giúp đỡ, để nền kinh tế quốc gia không bị khủng hoảng. Kinh tế thị trường tự do nhưng chống nạn độc quyền của nhóm người hay cá nhân muốn biến guồng máy kinh tế quốc gia thành phương tiện phục vụ cho cá nhân hay phe nhóm họ.

Nền kinh tế tự do tạo điều kiện cho mọi người dân có tinh thần sáng tạo để phát triển sản xuất, vừa làm giàu cho cá nhân và gia đình họ, vừa làm giàu cho xã hội theo đường hướng dân có giàu thì nước mới mạnh.

Hiến Pháp Tự Do phải đưa ra những qui định, điều luật tiến bộ để giúp cho mọi công dân Việt có cơ hội làm giàu hợp lý, hợp pháp và không trái với đạo đức truyền thống của người Việt chúng ta.

Khi dân có giàu thì nước mới mạnh. Và khi Việt Nam đã hùng cường thì mới có khả năng tăng cường quốc phòng để bảo vệ biên giới lãnh thổ, lãnh hải của chúng ta trước các mối nguy cơ tiềm ẩn hay lộ diện xuất phát từ kẻ thù truyền kiếp ở Phương Bắc tràn xuống.

Chính sách kinh tế tự do có nội dung tôn trọng nhân sinh thì phải nhắm đến mục tiêu số một là vì lợi ích của dân, và vì sự phú cường của quốc gia. Phải chú trọng và bảo vệ quyền tư hữu của mọi cá nhân trong xã hội. Khi công dân có quyền tư hữu, họ sẽ hăng say sáng tạo, vì biết chắc rằng, sự sáng tạo đó sẽ mang lại lợi ích cho cá nhân và gia đình họ. Chính quyền không có quyền cướp đi sự sáng tạo cùng với các kết quả thu hái được từ sự sáng tạo của các công dân.

Chính vì đề cao quyền tư hữu của mọi cá nhân trong xã hội cho nên sẽ giúp kinh tế quốc gia có điều kiện tốt để phát triển.

Tất nhiên quốc dân đồng bào rất cần các chuyên gia kinh tế của cộng đồng người Việt hải ngoại cùng với các kinh tế gia trong nước có khả năng ngồi lại họp bàn thảo luận để vạch ra hướng phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam đặt trên căn bản tôn trọng quyền tư hữu, tự do kinh doanh, quyền sáng tạo, và quyền thụ đắc kết quả của sự sáng tạo.

Trong môi trường kinh tế mà nhà nước chỉ đóng vai trò điều phối, còn vai trò trung tâm hoạt động then chốt phải dựa trên sự đóng góp của doanh nghiệp tư nhân.

#### IV/ Giáo Dục

**Kiến Thức Không Bị Đóng Khung Bởi Một Chế Độ Chính Trị Cường Quyền Là Chất Liệu Quan Trọng Để Xây Dựng Xã Hội Dân Chủ Tiên Bộ & Giá Trị Đóng Góp Thực Tế Của Sự Hiểu Biết Cho Xã Hội Thì Cần Thiết Hơn Bằng Cấp Cao Chỉ Để Treo Tường Làm Dáng & Kẻ Nào Đi Học Để Làm Quan Thì Chỉ Là Người Tầm Thường Có Đầu óc Chưa Phát Triển, Còn Đi Học Để Làm Người Lương Thiện Và Có Lòng Ái Quốc Thì Mới Là Bậc Trí Dững Đáng Kính Trọng:**

Có thực mới vực được đạo. Bần cùng sinh đạo tặc. Phú quý sinh lễ nghĩa. Biền học mệnh mông... Những danh ngôn có từ ngày trước đã tổng kết được kinh nghiệm sống của tiền nhân chúng ta về giá trị đạo đức của người sống trong xã hội. Điều này vừa thực tế lại vừa sâu sắc. Chỉ cho chúng ta thấy cần phải nỗ lực hơn

trong việc giáo dục các thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay và sau này.

Tất nhiên sự kiện trong đời sống xã hội nhân loại không bao giờ tuyệt đối. Những quốc gia giàu mạnh, tôn trọng nhân quyền, tôn trọng các nguyên tắc dân chủ trên thế giới ngày nay vẫn có những khiếm khuyết trong nhân cách của con dân họ. Thế nhưng xã hội họ vẫn tốt gấp ngàn lần cái chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, vừa nghèo đói lại vừa ngu dốt.

Chính sách giáo dục của Cộng Sản Việt Nam là dạy cho dân u mê để họ dễ cai trị, và từ đó đả kích quyền ngược ngạo trên đầu cả xã hội để thỏa sức làm giàu bất chính một cách tham lam. Chính vì Cộng Sản quá dốt và giáo điều ngu mê mà lại cao ngạo cho nên họ luôn luôn và rất sợ dân học, dân biết được nhiều, giỏi, tài năng hơn họ.

Một đường hướng giáo dục khai trí - nhân bản - đạo đức - phải là các sáng kiến tổng hợp của mọi người Việt trong và ngoài nước. Dân tộc chúng ta hiện nay có mấy triệu người Việt sinh sống ở rải rác trên năm châu bốn biển. Đây là một mỏ vàng cho dân tộc để làm giàu cho tri thức các thế hệ trẻ Việt Nam.

Một nền giáo dục nhân bản - khai trí giúp cho tuổi trẻ Việt Nam có cơ hội mở rộng kiến thức, định hình được chỗ đứng của dân tộc Việt trong cộng đồng quốc tế. Sự nhân bản trong nền giáo dục mới giúp cho thế hệ trẻ biết cách sống khiêm cung vì mình và vì người.

Học chữ để tiếp nhận kiến thức khoa học kỹ thuật, mở mang sự hiểu biết về cuộc sống, xã hội. Và học làm người để trở thành người có đầu óc lương thiện, có nhân cách tốt, biết yêu gia đình, biết yêu nước, biết cư xử nhân ái với đồng bào đồng loại.

Một đường hướng giáo dục tốt thì phải tìm cách khai phóng năng lực cá nhân, tạo điều kiện để cá nhân tự do tiếp cận nhiều nguồn thông tin đa dạng để họ suy nghĩ và chọn lọc thông tin đúng có giá trị nhằm rèn luyện

nhân cách cá nhân tốt, đồng thời có khả năng đóng góp cho sự tiến bộ của cộng đồng, và xã hội.

Về chi tiết thì hệ thống giáo dục phải chú ý tới cả ba cấp chính là tiểu học, trung học, đại học. Nên có luật cưỡng bách giáo dục đến bậc trung học để giúp mọi người dân thoát nạn mù chữ và có căn bản tương đối về kiến thức phổ thông trước khi ra đời hay chọn học nghề để mưu sinh hoặc tiếp tục bậc đại học. Và nhà nước phải phát triển kinh tế sung túc để có ngân quỹ tài trợ đời sống cho học sinh tiếp tục đến trường khi thực hiện luật cưỡng bách giáo dục.

Ngoài vai trò nhà nước trong ngành giáo dục, luật pháp cũng nên khuyến khích vai trò tư nhân trong việc mở trường đào tạo học sinh ở các cấp. Chương trình giáo dục của tư nhân có sự tham khảo của ngành giáo dục công lập. Và tư nhân khi mở trường đào tạo học sinh cũng có quyền đóng góp ý kiến về cách đào tạo của nhà nước.

Cái chính trong việc góp ý lẫn nhau này là để ngành giáo dục Việt Nam luôn được đổi mới và tiến bộ. Và học sinh không những được tiếp nhận rộng về kiến thức căn bản mà còn có khả năng tranh đua với học sinh nước ngoài.

Cách thức giáo dục còn phải chú ý tới việc giúp học sinh tự rèn luyện khả năng, tránh lối học nhồi nhét thuộc lòng từng chữ, từng câu, làm kìm hãm sự suy luận cá nhân. Đọc sách phải có óc phán đoán, phân tích, suy nghĩ, phê phán coi nội dung sách đúng sai chỗ nào, chứ không phải đặt lòng tin tuyệt đối vào tác giả của cuốn sách. Cũng tránh luôn lối giáo dục nặng về bằng cấp địa vị mà không có thực học và thực tài.

Khoa học là môn học rất cần thiết để giúp các em học sinh mở ra tầm nhìn về sự tìm kiếm tri thức. Khoa học cũng là động lực giúp cho thế hệ trẻ có óc tò mò, mạo hiểm, và có điều kiện tìm hiểu, khám phá thiên nhiên, sáng tạo kỹ thuật. Một quốc gia có nhiều trí thức vững vàng về khoa học kỹ thuật, có nhiều nhân tài về lĩnh

vực chuyên môn này thì sẽ có nguồn vốn quý để phát triển đời sống xã hội.

Quan điểm giáo dục thực tế là chỉ cho học sinh thấy rằng trường học kết hợp với trường đời. Kiến thức mà học sinh tiếp nhận được ở trường học mới chỉ là một nửa, mới chỉ là giá trị lý thuyết trong sách vở. Kiến thức ở trường đời cũng quan trọng, vì đây là giá trị thực tế chứ không mơ hồ. Như thế kết hợp việc học đi đôi với hành.

Một học sinh sau khi được học các kiến thức về xã hội và khoa học kỹ thuật ở trường học, cần phải trải qua kinh nghiệm sống để làm giàu thêm kiến thức căn bản của họ. Điều này vừa rất có ích cho cuộc sống cá nhân họ trong gia đình nhỏ, lại vừa hữu dụng cho họ trong công việc tại cơ quan tư nhân, cơ quan công quyền, và trong các định chế cộng đồng, xã hội, quốc gia.

Lỗi giáo dục này tránh được các con mọt sách hay các tay lý thuyết suông, chỉ biết có kiến thức mà không chú trọng đến thực tế cuộc sống vốn rất đa dạng và biến chuyển không ngừng.

Xã hội do Cộng Sản Việt Nam tạo dựng trong hơn 61 năm tại Miền Bắc và 40 năm qua ở Miền Nam đang suy đồi đạo đức quá mức. Do chỉ chú trọng đến việc bám giữ quyền lực miên viễn nên những kẻ cầm đầu Đảng Cộng Sản chủ trương làm hư hỏng nhân cách con dân Việt để họ dễ sai khiến, nắm đầu.

Không ít người Việt thuộc những thế hệ đang sống trong lòng xã hội tù ngục Cộng Sản, một khi đã không còn giữ được nhân cách, chỉ biết tiền là tối thượng, địa vị xã hội và sự giàu có là nấc thang đo lường đạo đức con người, đạp trên đầu nhau để sống, gian xảo với nhau để tồn tại trước bộ máy canh chừng, đàn áp và gây chia rẽ của chế độ công an trị, là miếng đất thật màu mỡ cho bọn độc tài khát máu lên ngôi vĩnh cửu.

Đây là gánh nặng cho các nhà giáo dục Việt Nam trong tương lai sau khi chế độ Cộng Sản bị chôn sâu vào lòng đất lạnh im lìm ngàn năm. Nhưng tất cả chúng ta phải

cùng nhau góp bàn tay vào làm - vì không còn con đường nào khác - để gìn giữ phẩm chất người Việt Nam, để dân tộc chúng ta vẫn sống còn và thăng tiến trong tương lai.

**D/ Nhận Diện Quê Hương Chúng Ta - Việt Nam Trong Giòng Xoáy Lịch Sử - Một Việt Nam Nhược Tiểu Bên Cạnh Quyền Lợi Của Các Cường Quốc & Dân Việt Nuôi Chí Lập Nước Việt Mới Trong Khung Cảnh Tự Do Giàu Mạnh Để Thu Hồi Và Bảo Vệ Sự Toàn Vẹn Lãnh Thổ Lãnh Hải Quốc Gia**

**I/ Cộng Sản Việt Nam Quá Sai Lầm Khi Tôn Thờ Một Cách Giáo Điều Một Chủ Nghĩa Ngoại Lai Tước Đoạt Quyền Lợi Dân Tộc & Cộng Sản Tự Phong Vương Phong Đế Khi Đặt Mạng Sống Đảng Trên Đầu Sinh Mạng Dân Tộc Việt & Nhóm Cầm Đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam Là Tác Nhân Ngụy Hiểm Gây Nên Cuộc Chiến Tranh Xâm Lược Miền Nam Tự Do & Đây Là Thủ Phạm Hình Sự Mang Tội Ác Hủy Diệt Sinh Lực Dân Tộc Việt Trong Hai Mươi Năm Chiến Tranh Ý Thức Hệ:**

Trong suốt chiều dài gần 5 ngàn năm lập quốc và dựng nước thì thế kỷ 20 là khoảng thời gian tạo nên một ấn tượng đen đậm rất khó phai mờ trong tâm trí người Việt hiện tại và các thế hệ sau này khi đọc lại sử Việt.

Giữa thế kỷ 19 kéo dài đến gần giữa thế kỷ 20, nước ta sống trong vòng nô lệ gần 100 năm dưới gông cùm cai trị của thực dân Pháp. Từ nỗi nhục do hèn kém, nỗi đau trong tim của hòn vong quốc, vào đầu những năm 1.900, có rất nhiều người Việt thuộc thế hệ trước đây đã dấn thân lên đường cứu nước. Và cũng trong thời điểm suy tàn của thực dân Pháp đã nổi lên hai khuynh hướng chính trong cuộc tranh đấu giải thể guồng máy thống trị của Pháp, đó là: Cộng Sản, và người Quốc Gia.

Thế giới con người vào lúc này đang phát triển một cấu trúc xã hội mới đó là Chủ Nghĩa Tư Bản Tự Do. Tuy nhiên trong tiến trình đi lên để đáp ứng nhu cầu tiến bộ cho cuộc sống của nhân loại, hình thức tổ chức xã hội này vẫn phải có những khiếm khuyết của nó. Nhưng so với cấu trúc tổ chức xã hội Quân Chủ Tập Quyền mà nhân loại phải gánh chịu từ mấy ngàn năm qua thì Chủ

Nghĩa Tự Bản Tự Do vẫn có những ưu điểm rất tốt để loài người được sống xứng đáng.

Những khiếm khuyết phải có của Chủ Nghĩa Tự Bản Tự Do trong cuộc sống đa dạng và phức tạp lại được những người không ưa thích nhắm vào để khai thác mặt xấu, hoặc nhân cơ hội đó để họ khai sinh quan điểm chính trị - kinh tế mới, hay tham vọng hơn là phê phán cái xấu của Tự Bản để đề ra một hình thái xã hội khác, với suy luận chủ quan của họ là tốt nhất, đồng thời phải đánh đổ xã hội Tự Bản bằng cuộc cách mạng đổ máu.

Nổi bật hơn hết trong số những người bất mãn chế độ Tự Bản vào thế kỷ 19 là Karl Marx và Friedrich Engels. Những hoạt động cướp chính quyền bất hợp pháp tại nước Nga do Lenin tiến hành vào gần cuối năm 1.917 được coi là đỉnh điểm của hoạt động biến ý tưởng của Marx vào giữa thế kỷ 19, thành hiện thực sai lầm đáng kinh hãi cho nhân loại.

Một số người và vài tổ chức chính trị ở Việt Nam trong cơn khát nước của thời kỳ chống thực dân Pháp, khi tiếp xúc với tư tưởng Cộng Sản và cái thành trì đầu tiên của nó là Liên Bang Xô Viết do Đảng Cộng Sản Liên Xô làm chủ nhân ông, đã vui mừng hơn hờ quá đỗi, coi đó là thành công vĩ đại của loài người. Và họ cũng quá chủ quan khi cho rằng nó sẽ như liều thuốc quý hiếm để chữa trị căn bệnh nô lệ thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam.

Hồ Chí Minh là người nổi bật nhất trong hành trình đi tìm đường cứu nước bằng mọi giá dù phải nhiễm chất độc chính trị rồi đẩy dân tộc và quốc gia vào vòng khổ lụy - nhục nhã mới. Do vì tham vọng chính trị của cá nhân quá lớn mà sức hiểu biết thì lại nông cạn, nên chỉ biết sao chép, copy tư tưởng của người ngoại chủng.

Động lực của họ Hồ lúc đầu là đi tìm đường cứu nước và giải thể chế độ thực dân Pháp tại Việt Nam. Cũng không loại trừ chuyện đi là để tìm việc làm kiếm sống ở xứ người. Tuy nhiên, trong động lực tiên khởi cũng đã tiềm tàng dụng mưu tranh đoạt quyền lãnh đạo chính quyền và quyền lực cai trị đất nước.



Các hoạt động của Hồ Chí Minh tại Trung Hoa năm 1.925 với bí danh Lý Thụy đã bán tin cho thực dân Pháp bắt nhà ái quốc Phan Bội Châu, thực hiện hành vi tàn ác và bí mật khi ra tay thanh toán những người hoạt động chính trị theo quan điểm Quốc Gia trong khoảng thời gian năm 1.938-1.945, rồi kéo dài cho đến lúc nắm quyền thống trị trên toàn Miền Bắc năm 1.954, cho thấy rõ dụng mưu chứa ác tâm này của Hồ Chí Minh.

Chính những người khai sinh ra hệ tư tưởng Cộng Sản cũng không có khả năng xét đoán các tác hại do tư tưởng này gây ra cho cuộc sống nhân loại. Bởi vì cần phải có thời gian chứng thực, và đầu óc của họ vẫn bị giới hạn, vì họ đâu thể biết được cái gì sẽ diễn ra trong xã hội loài người sau khi họ chết.

Vì thế một thanh niên như Hồ Chí Minh, không có học nhiều, lại tìm đến nước Nga Sô Viết để mong vay mượn tư tưởng và thế lực ngoại bang để mang về Việt Nam đánh Pháp và xây dựng đất nước thì làm sao biết và hiểu được hết các tai ương do chủ thuyết Cộng Sản gây nên.

Sức hiểu biết của con người là giới hạn so với xã hội rất phức tạp và vũ trụ mênh mông, huyền bí. Tuy nhiên, người khôn hơn loài vật vì có đầu óc tính toán và biết được sự hợp đoàn của nhiều khối óc trong xã hội bao gồm nhiều thành phần đa dạng. Đa nguyên là cội nguồn hợp thành cấu trúc xã hội loài người. Đây là sự thật. Đây là thực tế. Thế nhưng những người cầm đầu phong trào Cộng Sản tại Việt Nam trong thời kỳ sơ khai đã không khôn ngoan như thế.

Một giòng xoáy lịch sử đã đẩy nước ta vào vòng khốn quẫn mới khi thực dân Pháp trong cơn bạo bệnh đang hấp hối trên vùng đất Đông Dương mà họ từng sống huy hoàng với vị thế chủ nhân ông tàn độc.

Giòng xoáy đó mang tính chất địa chính trị khi thiên nhiên đặt nước ta nằm bên cạnh một đất nước quá lớn và dân quá đông nhưng lại nghèo đói triền miên, giặc nổi

lên như nấm sau cơn mưa, và những kẻ cầm quyền không bao giờ từ bỏ giấc mộng bá quyền, đó là Trung Hoa.

Trung Hoa lại nằm sát cạnh một đế quốc rất chuyên chế, độc quyền hơn nền Quân Chủ Tập Quyền của các thế kỷ xa xưa, mới tượng hình sau năm 1.917, đó là Liên Bang Sô Viết.

Những người muốn làm cuộc cách mạng lật đổ chế độ phong kiến vương quyền quá hủ bại tại Trung Hoa đã có điều kiện tiếp cận với Liên Bang Sô Viết. Mục đích ban đầu của cuộc cách mạng tại Trung Hoa là dân chủ - dân sinh, nhưng về sau đã đổi màu thành chuyên chế phong kiến tập quyền dưới bàn tay lèo lái của những người cầm đầu Cộng Sản Trung Hoa. Và với uy thế của nước lớn đông dân, những người cầm đầu cuộc giành chiếm quyền lực chính trị bằng bạo lực Cộng Sản tại Trung Hoa đã được các đồng chí tại nước Nga nhìn họ bằng cặp mắt kiêng dè hơn.

Và vì thế một dây chuyền mắt xích đã được hình thành trong sự lây lan của đường lối Cộng Sản Quốc tế vào thời đó. Và Việt Nam chỉ là vệ tinh thật bé nhỏ mà đế quốc Liên Sô giao lại cho Đảng Cộng Sản Trung Hoa dẫn dắt về đường lối, đào tạo nhân sự, điều hướng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam đi vào khuôn phép của hệ thống trật tự mới, lấy Chủ Nghĩa Cộng Sản là nền cho ổ dịch bệnh sinh sôi.

Đường lối của Cộng Sản Hồ Chí Minh lại đẩy Việt Nam vào vòng nô dịch mới hết sức nguy hiểm, ghê rợn hơn thời đất nước ta bị cai trị bởi bàn tay thực dân Pháp.

Đây là mầm mống, là nguyên nhân đẩy Việt Nam rớt sâu vào vòng lệ thuộc ngoại bang về tư tưởng dẫn tới những hệ quả cực xấu khiến cho xã hội Việt Nam còn nghèo đói, mất tự do, người vẫn sống trong cảnh con vật loay hoay đói khát kiếm miếng ăn hàng ngày, người thay trâu kéo cày trên đồng như hiện nay.

Chính sách cải cách ruộng đất trên đất Bắc làm đổ máu khắp nông thôn Miền Bắc là sự sai lầm mà Hồ Chí Minh

và Đảng Cộng Sản không bao giờ biết được khi tập tành làm mò theo cái cách ruộng đất ở Liên Xô và Trung Cộng. Và khi đã biết, đã thấy, cũng không dùng tay hồi hận vì chuyện đã nhúng tay vào máu giết hại đồng bào mình còn tàn độc hơn thực dân Pháp.

Mô hình xã hội khép kín, bung bít mọi thông tin khác với thông tin của đảng, biến người dân hoàn toàn thụ động, sợ hãi dưới sự kiểm soát của chế độ công an trị tại Miền Bắc sau khi đất nước bị chia đôi năm 1.954 là một tội ác thứ hai có phạm vi nghiêm trọng mà Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam gây nên cho dân tộc chúng ta.

Cũng chính vì đi theo Cộng Sản nên Hồ Chí Minh đưa đất nước rơi vào tình trạng chia đôi vào tháng 7/1.954. Trong suốt hai mươi năm sau đó, hai Miền Nam Bắc đã chìm sâu trong cuộc nội chiến tương tàn đẫm máu nhất lịch sử dân tộc chúng ta.

Hơn 5 triệu người, kể cả thường dân hai Miền và binh lính hai Miền đã bị thương, mất tích, và ngã xuống trên mọi nẻo đường quê hương chỉ vì ý định và hành động điên dại muốn biến tư tưởng Cộng Sản thành hiện thực trên đất nước ta, đó là phải "giải phóng Miền Nam", phải thống nhất đất nước dưới lá cờ Đảng Cộng Sản.

Nếu không có Cộng Sản trên đất Bắc thì không có cuộc chiến tranh "giải phóng" Miền Nam. Nếu không có cuộc chiến tranh xâm lược cuồng ngu và hết sức vô lý này thì hàng triệu thanh niên nam nữ Miền Bắc đã không bị Đảng bắt đi bộ đội, bỏ gia đình, làng xóm để vào Nam gây chiến tranh và chết tan xác oan uổng dưới bom đạn Mỹ.

Và nếu không có guồng máy chiến tranh xâm lược do Hồ Chí Minh phát động nhắm vào Miền Nam thì gần triệu thanh niên nam nữ Miền Nam đã không bị chính quyền Miền Nam động viên hay bắt lính hoặc tự nguyện xung phong vào quân đội để phòng chống lại cuộc xâm lược hung bạo cuồng ngông.

Đề rồi tuổi trẻ tài hoa của hai Miền Nam Bắc thay vì ôm sách đến trường để được quốc gia đào luyện tài năng cống hiến cho xã hội Việt Nam thì lại bị đẩy ra chiến trường bắn giết nhau tạo nên bi cảnh nổi da xáo thịt rừng rợn.

Đau đớn thay cho dòng giống Việt đã bị hóa thân thành vật đại thụ nạn cho ngoại bang Liên Xô và Trung Cộng kể từ khi Hồ Chí Minh du nhập tư tưởng Cộng Sản và thiết lập định chế Cộng Sản trên đất nước chúng ta.

**II/ Trong Cuộc Chiến Bảo Vệ Miền Nam Tự Do, Các Vị Lãnh Đạo Hoa Kỳ Đã Thiếu Hiểu Biết Về Văn Hóa Lịch Sử Việt Nam & Giới Lãnh Đạo Hoa Kỳ Ngạo Mạn Coi Thường Đồng Minh Việt Nam Cộng Hòa & Thế Nhưng, Khi Xét Về Phương Diện Nội Lực Thì Mỹ Là Một Quốc Gia Trọng Pháp, Tôn Trọng Các Nguyên Tắc Dân Chủ, Tôn Trọng Nhân Quyền, Và Quyền Sáng Tạo Của Công Dân & Đây Là Một Trong Những Yếu Tố Giúp Mỹ Vẫn Giữ Vị Thế Siêu Cường Số Một Trên Thế Giới Ở Hiện Tại Và Trong Nhiều Thập Niên Nữa & Còn Để Quốc Cộng Sản Liên Xô Thì Tan Rã Nhục Nhã Và Nghèo Đói:**

Tại Miền Nam, một nửa quê hương thân yêu của chúng ta cũng bị cuốn xoáy theo giòng lịch sử bất hạnh cho cả dân tộc Việt.

Vị Hoàng Đế cuối cùng của triều đại phong kiến Nhà Nguyễn là Bảo Đại đã bị mất quyền lực vào năm 1.945. Sau đó gần 10 năm, ông trở thành một lá bài cho thực dân Pháp trong cuộc chiến với Cộng Sản Hồ Chí Minh.

Đầu năm 1.954, ông Ngô Đình Diệm từ hải ngoại về nước, và vị thế chính trị nổi bật của ông trong giai đoạn mới của lịch sử đã làm lu mờ vai trò lãnh đạo vốn đã phai nhạt của cựu Hoàng Bảo Đại.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm khai mở nền Đệ Nhất Cộng Hòa ở Miền Nam Việt Nam trong bối cảnh Pháp đi và Mỹ đến.

Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt vào tháng 8 năm 1.945, thế giới phân thành lưỡng cực với sự đối đầu giữa hai siêu cường, Mỹ đại diện cho thế giới Tự Do,

và Liên Xô là đầu đàn cho khối Cộng Sản quốc tế. Cuộc Chiến Tranh Lạnh bắt đầu từ đó. Và Việt Nam nhược tiểu và đói nghèo lại trở thành một trong các điểm nóng xung đột dữ dội giữa hai hệ tư tưởng này, do vì sự lây lan hết sức nguy hiểm của dịch bệnh Cộng Sản tại Miền Bắc.

Đúng là tai họa giáng xuống đầu dân tộc Việt, vừa thoát khỏi họa thực dân Pháp, chưa kịp hoàn hồn tinh trí và tận dụng nhân tài vật lực để kiến thiết lại đất nước trên mọi mặt của cuộc sống thì dân ta phải hứng chịu tiếp theo cái khổ nạn quá lớn của chiến tranh ý thức hệ, của cuộc chiến tranh xâm lược, của cuộc chiến tranh Nam Bắc tương tàn.

Thời điểm cuộc Chiến Tranh Lạnh đang ở độ nóng từng phần tại một số khu vực trên thế giới, trong đó có Việt Nam, hàng ngũ đầu đàn của khối Cộng quốc tế là Nga-Hoa vẫn đang gấn bó vì quyền lợi (của thành phần cầm đầu đảng), và Mỹ thấy Pháp không còn khả năng điều phối cuộc chiến tranh chống Cộng ở Miền Nam Việt Nam, nên họ quyết định dấn sâu hơn vào cuộc chiến tranh này với vai trò quốc gia lãnh đạo dù bề ngoài là Đồng Minh của chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Trong một thập niên cầm quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm ở Miền Nam từ năm 1.954 đến năm 1.963, thì Hồ Chí Minh sau khi củng cố lực lượng ở Miền Bắc tạo sức mạnh tuyệt đối cho hệ thống đảng trị chuyên chính, đã ngày càng quyết liệt cuồng tín hơn trong chiến lược phải xâm lăng thôn tính Miền Nam cho bằng được dù phải hy sinh hàng triệu thân xác thanh niên nam nữ cũng như dồn hết tài nguyên của đất Bắc cho cuộc chiến tranh này.

Đứng trước làn sóng xâm lăng bất kể tổn hại nhân tài vật lực của Miền Bắc cộng với sự viện trợ dồi dào của hai đàn anh Cộng Sản là Liên Xô và Trung Cộng, Đồng Minh của Miền Nam là Hoa kỳ phải có chiến lược đối phó tương thích nhằm giữ vững tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Á.

Do tình hình chiến tranh xâm lược nên lãnh thổ Miền Nam tự dung trở thành một tiền đồn chống Cộng của thế giới!!! Thế rồi hàng triệu thân xác trẻ trung tràn trẻ sinh lực của thanh niên nam nữ hai Miền Nam Bắc lại trở thành bìa thịt người cho mục tiêu của súng đạn thế giới, của các siêu cường Tự Do và Cộng Sản, nhằm bắn và oanh tạc tự do. Cũng chỉ vì tham vọng ngu si của HỒ Chí minh mà ra.

Chiến tranh lan rộng hết sức ác liệt là do nguyên nhân như vậy. Và hậu quả đi liền là môi trường thiên nhiên đất nước ta bị cày nát bởi bom đạn, đại pháo, hỏa tiễn do ngoại bang cung cấp cho guồng máy chính quyền hai Miền.

Môi trường xã hội nhân sinh cũng bị tác hại nặng nề bởi chiến tranh phi nghĩa.

Tại Miền Nam người dân sống thấp thỏm lo sợ quanh năm suốt tháng, tinh thần luôn bị khủng bố vì sự tàn bạo chết chóc của chiến tranh xâm lược leo thang tăng mạnh từng ngày.

Còn trên đất Bắc, do phải dồn hết nhân lực trai tráng lên đường vào Nam gây chiến tranh xâm chiếm, nên đồng ruộng thiếu người canh tác, thế rồi ông bà lão không còn sức lao động và trẻ con chưa đến tuổi lao động phải làm thay cho các nam nữ đã bị đảng cưỡng buộc tham gia vào hàng ngũ bộ đội.

Mỹ đến giúp Miền Nam chống Cộng nhưng Mỹ vẫn muốn tỏ thái độ của một siêu cường trong cuộc chiến bằng cách thể hiện vai trò lãnh đạo, và guồng máy cai trị ở Miền Nam chỉ là phụ thuộc trong sự điều phối của Mỹ.

Đây là sự ngạo mạn của người Mỹ, coi thường đồng minh Việt Nam Cộng Hòa. Thái độ này cũng nói lên sự thiếu hiểu biết về văn hóa, lịch sử Việt Nam của những người lãnh đạo nước Mỹ.

Quan điểm hành xử này không phải chỉ có trong một thập niên cầm quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, mà còn kéo dài qua đến nền Đệ Nhị Cộng Hòa, cũng như quyết

định đơn phương ký thỏa ước với Trung Cộng, và ép buộc Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu của Việt Nam Cộng Hòa phải ký Hiệp Định Hòa Bình Ba Lê năm 1.973.

Bản Hiệp Định này là một bước chuẩn bị cho Mỹ thoái lui khỏi chiến trường Việt Nam, và đạt được một quyền lợi trên phạm vi chiến lược quốc tế là tạo sự phân cách giữa Nga - Hoa, kéo Trung Cộng về thế đồng minh tạm thời với Mỹ.

Mỹ đến Miền Nam vì quyền lợi của Mỹ. Và Mỹ rút khỏi Miền Nam cũng vì lợi và quyền của Mỹ.

Việt Nam Cộng Hòa là một quốc gia nhược tiểu, lệ thuộc phần lớn viện trợ từ bên ngoài, nên không có quyền quyết định số phận của mình trong bàn cờ chính trị thế giới.

Trong cuộc họp báo với đồng bào Việt Nam hải ngoại năm 1.990 trên đất Mỹ, 15 năm sau khi rời khỏi Miền Nam, cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu thừa nhận việc điều hành guồng máy chính quyền Miền Nam tùy thuộc rất nhiều vào viện trợ của Mỹ. Không có hoặc giảm viện trợ thì coi như tác hại đến sự tồn vong của chính quyền.

Miền Bắc Cộng Sản cũng không thoát khỏi số phận chu hầu cho ngoại bang. Đánh chiếm Miền Nam. Tiền ở đâu? Vũ khí ở đâu? Hồ Chí Minh và Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản phải ký bao nhiêu thỏa ước vừa lộ vừa ngầm với Liên Xô và Trung Cộng để được viện trợ trong hơn hai mươi năm?

Vì chọn Chủ Nghĩa Cộng Sản và muốn thành lập một thể chế Cộng Sản trên đất Bắc và sau này là trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, Hồ và Đảng Cộng Sản tự nguyện làm con cờ nô lệ hèn kém trong ván cờ Xã Hội Chủ Nghĩa, để đẩy đất nước và dân tộc Việt vào vòng đao binh hết sức phi lý và vô đạo.

Khi phân tích thêm về vị thế Đồng Minh Mỹ ở Miền Nam Việt Nam Tự Do, và các ngoại bang Liên Xô, Trung Cộng ở Miền Bắc Việt Nam Cộng Sản, chúng ta nhận thấy rằng, đất nước và chính quyền Mỹ mang bản chất tự do, người

dân sống với thể trạng được hưởng các quyền tự do căn bản, định chế nhà nước có tam quyền phân lập, tôn trọng các nguyên tắc dân chủ tiến bộ của thời đại hiện nay.

Đây là nguồn sức mạnh tiềm tàng thật phong phú bên trong của quốc gia Mỹ mà Liên Xô và Trung Cộng còn rất lâu mới có được, hoặc sẽ mãi mãi không bao giờ có, nếu Cộng Hòa Liên Bang Nga (trước đây là Liên Xô) và Trung Cộng không biết cách xây dựng các định chế dân chủ, tôn trọng quyền tự do của công dân họ. Đây cũng là bài học rất giá trị cho nhiều quốc gia trên thế giới ngày nay, khi không biết tạo điều kiện cho nhân lực tài năng quốc gia có cơ hội phát triển tốt đẹp.

Mỹ vô trách nhiệm bỏ rơi đau đớn chiến hữu chung trận tuyến với họ - Miền Nam tự do - vào tháng 4 năm 1.975, Miền Nam mất, nhưng Mỹ không sụp đổ, mà còn tiếp tục phát triển các thành tựu xã hội vượt bậc trên nền tảng tôn trọng tự do nhân quyền, tiếp tục đóng vai trò siêu cường số một trên thế giới hiện nay.

Vì sự cuồng tín u mê, Liên Xô và Trung Cộng chưa vội bỏ rơi Miền Bắc trong cuộc chiến tranh xâm lược Miền Nam. Nhưng các quan thầy của Hà Nội cột chặt chế độ toàn trị vào vòng lệ thuộc tư tưởng, lệ thuộc kinh tế, quan hệ thầy trò, chủ tớ.

Sau đó một thời gian là 15 năm, hệ thống đế quốc Liên Bang Xô Viết tan vỡ, chứng tỏ nó không có nền tảng xã hội bền vững như Mỹ.

Còn Trung Cộng tuy chưa sụp đổ, nhưng tự thân chế độ bóc lột này đã sản sinh làn sóng ngầm ngầm bất mãn trong xã hội đầy phân cách giàu nghèo, mà đại bộ phận người dân là nghèo khổ, còn cán bộ đảng là giai cấp chủ nhân ông và tha hồ tham nhũng, sa đọa, trụy lạc.

Một điều hệ trọng khác là chính sự tôn trọng quyền tự do cá nhân nên xã hội Mỹ đã tạo điều kiện tốt cho tài năng ở mọi thành phần xã hội có cơ hội phát triển. Dù không hoàn hảo tuyệt đối, thế nhưng sự trọng dụng tài



năng có nguồn gốc chủng tộc khác nhau trên đất Mỹ vẫn là tấm gương tốt để nhiều xã hội khác phải học theo.

Chỉ xét trên mặt kỹ thuật internet, một mạng lưới thông tin toàn cầu nổi bật nhất hiện nay. Nhờ có tự do nên người Mỹ mới khám phá và đẩy mạnh sự phát triển mạng thông tin toàn cầu giúp cho thế giới nâng cao sự phát triển trên nhiều mặt. Và cũng vì tôn trọng quyền tự do nên xã hội Mỹ mới khai sinh ra các tập đoàn internet khổng lồ như Google, và mạng xã hội lôi cuốn hàng tỉ người trên địa cầu sử dụng ngày nay là Facebook.

Liên Xô và Trung Cộng chỉ là những nước bắt chước, đi sau Mỹ, chứ làm gì có khả năng sáng tạo ra các lợi ích thiết yếu cho xã hội loài người như vậy. Đã thế, đặc biệt là Trung Cộng, vừa hưởng thụ các thành quả do Mỹ sáng tạo, lại dùng các thành quả này để củng cố chế độ độc tài sắt máu và khai thác nó để gây rối cho thế giới, như tổ chức các cuộc tấn công mạng, ăn cắp thông tin bí mật về quân sự, kinh tế của Mỹ...

Và cũng chính mạng thông tin toàn cầu đã giúp rất nhiều cho người Việt trong và ngoài nước tranh đấu cho một nước Việt Nam thoát khỏi sự cai trị chuyên chế của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

**III/ Chế Độ Độc Tài Cộng Sản Tại Việt Nam Được Sống Còn Hay Bị Diệt Vong Không Phải Do Quyết Định Của Nhóm Cầm Đầu Đảng Cộng Sản Mà Là Tùy Thuộc Ý Chí Tranh Đấu Của Dân Tộc Việt & Chế Độ Cộng Sản Chuyên Chế Độc Quyền Chỉ Là Hạt Bụi Dơ Bẩn, Chỉ Là Một Dị Bào, Chỉ Là Tế Bào Ung Thư Sống Bám Trên Thân Thể Dân Tộc Việt & Sinh Mạng Dân Tộc Việt Là Vô Cùng Hệ Trọng & Mạng Sống Của Nhóm Cầm Đầu Đảng, Mạng Sống Của Những Phần Tử Cực Kỳ Phản Động Trong Đảng Quyết Chống Lại Sự Tiến Bộ Của Quốc Gia Dân Tộc Việt Nam, Chỉ Là Rác Rến, Cặn Bã:**

Cuộc chiến tranh xâm lược Miền Nam đã qua đi với một thời gian dài, 40 năm, gây ra hậu quả đáng kinh là cả hai Miền Nam Bắc phải sống trong ngục tù nghèo đói và ngu dốt của Cộng Sản.

Thất bại của Miền Nam tự do lại càng chứng tỏ sự nô lệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với ngoại bang Liên Xô, đặc biệt hiện nay là Tàu Cộng.

Thế nước ta hiện nay trong bối cảnh chính trị quốc tế đã khác nhiều so với thời điểm thập niên 1970.

Sau nhiều thập niên bắt dân Trung Hoa đổ công sức xương máu xây dựng đế quyền cho Đảng Cộng Sản Trung Hoa, hiện nay Trung Cộng bắt tay thực hiện giấc mộng làm bá chủ trên trường quốc tế một cách ngạo mạn. Họ cuồng tưởng nên lượng định thấp hay không muốn thấy sự tiến bộ cộng với nhiều hệ quả tốt đẹp của các nguyên tắc dân chủ đang phát triển mạnh ở Phương Tây, và sức mạnh liên kết của cộng đồng quốc tế.

Bài học thất bại nhục nhã đáng kinh hãi của nhà độc tài Hitler khi xây dựng đế chế facist Quốc Xã Đức vào cuối thập niên 1930 và đầu những năm 1940, dường như không hiển hiện trong tầm nhìn của giới cầm đầu Bắc Kinh ngày nay.

Tại Hoa Đông, Trung Cộng gây hấn với Nhật và Hàn Quốc.

Tại Hoa Nam, đặc biệt là vùng Biển Đông, dựa vào sự lệ thuộc hèn yếu của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Trung Cộng đã nuốt hoàn toàn Hoàng Sa và đang từng bước chiếm trọn quần đảo Trường Sa.

Khối ASEAN trong khu vực qua các biến chuyển quan trọng này đã chứng tỏ họ chỉ là một liên minh có tính chất hình thức, rời rạc, chỉ mạnh miệng qua các tuyên bố khi kết thúc hội nghị, mà Trung Cộng không khó để tạo áp lực chính trị, ly gián hay mua chuộc từng quốc gia riêng rẽ bằng quyền lợi kinh tế.

Trung Cộng có thái độ hung hăng, hiếu chiến, coi thường Việt Nam là do thái độ khiếp nhược của nhóm người cầm đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam. Và từ bối cảnh căng thẳng nguy hiểm này, đã đặt dân tộc Việt Nam trước một quyết định dứt khoát, nếu phục tùng Trung

Cộng giống như bộ máy Đảng Cộng Sản Việt Nam thì dân ta sẽ bị cai trị bởi ngoại bang Tàu.

Các nhà tranh đấu cho tự do dân chủ ở trong nước, cũng như nhiều chuyên viên về vấn đề lịch sử biên giới Hoa-Việt ở trong nước và hải ngoại sau thời gian tìm hiểu, nghiên cứu đã đi đến sự đồng nhất là Cộng Đảng Hà Nội đã nhượng bộ, cắt đất, cắt biển cho Tàu Cộng trong suốt quá trình dài từ khi họ lập đảng cho đến lúc thâm tóm trọn quyền lực vào tay của hơn chục người trong Bộ Chính Trị.

1/ Vào năm 1941, khi được lệnh của quan thầy Liên Xô với sự đồng ý tiếp tay của Trung Cộng, Hồ Chí Minh đã về lại Việt Nam và ở vùng biên giới Hoa-Việt để thành lập các căn cứ địa. Tại khu vực Hồ trú ngụ cùng với ban tham mưu làm việc, đã có hình thức hoạt động chuyển nhượng đầu tiên về đất biên giới.

Theo thỏa thuận không chính thức lúc đó, đường xe lửa của Tàu được cho phép đi vào vùng biên giới Việt Nam, và ga xe lửa cuối cùng trên tuyến đường xe lửa này nằm lún vô sâu 500m trên phần đất Việt Nam, có địa phương bị lún sâu khoảng 1km.

Theo lập luận của Cộng Sản Tàu lúc đó thì để tuyến đường xe lửa (tàu hỏa) của Trung Cộng vào sâu lãnh thổ biên giới Hoa-Việt như vậy có lợi cho các hoạt động của Hồ. Bởi vì, mỗi khi bị thực dân Pháp tấn công, Tàu sẽ báo động đó là phần đất Tàu, thì Pháp buộc phải dừng tay, không muốn gây hấn. Đây là cái cớ để che chở cho Hồ và Cộng Đảng lúc còn non yếu, chưa mọc nanh mọc vuốt.

Tại khu vực biên giới Hoa-Việt bị lún sâu này, vào năm 1941, Tàu cung cấp giúp đỡ cho các hoạt động xây dựng lực lượng Cộng phi của Hồ tại Bắc Việt Nam. Thời điểm này dù Mao Trạch Đông chưa cướp được quyền lực trên toàn thể Hoa Lục, tuy nhiên, Cộng Đảng Tàu đã xây dựng nhiều căn cứ chống quân đội của Tưởng Giới Thạch tại nhiều nơi.

Đến năm 1979, khi xảy ra chiến tranh biên giới Việt-Cam Bốt, Tàu Cộng binh vực cho chủ hầu là Khmer Đỏ nên đánh qua biên giới và chiếm lấy luôn vùng đất mà Hồ thỏa thuận tạm thời vào năm 1.941.

2/ Ngày 14/9/1958, thừa lệnh của Hồ, Phạm Văn Đồng trong vị thế Thủ Tướng của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đã ký Công Hàm công nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Cộng.

Bản văn của Phạm Văn Đồng sau này có nhiều cách giải thích khác nhau, nhất là về phía chính quyền Cộng Sản Việt Nam. Thế nhưng trong hoàn cảnh lúc đó, với cương vị lãnh đạo nhà nước, Phạm Văn Đồng lại đưa ra tuyên bố mập mờ gây khó hiểu cho công luận, nhất là làm lợi cho chiến lược bành trướng lãnh thổ lãnh hải của ngoại bang, là một hành động yếu kém và rất thiếu hiểu biết, cần phải bị phê phán nặng lời.

Vào thời điểm này, hai miền Nam Bắc đã chia đôi theo Hiệp Định Geneve ngày 20/7/năm 1954, và quần đảo Hoàng Sa có vị trí ngoài khơi tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, còn Trường Sa có vị trí ngoài khơi tỉnh Khánh Hòa-Nha Trang, cả hai quần đảo đều thuộc lãnh hải của Việt Nam Cộng Hòa.

Do vì đầu óc lệ thuộc ngoại bang cũng như coi ngại vàng- quyền lực chính trị là trên hết, nên Hà Nội muốn làm vui lòng Trung Cộng, và sẵn sàng nhường cả vùng Biển Đông cho họ một cách tùy tiện, không đếm xỉa gì đến nội dung bản Hiệp Định Geneve, và cũng chẳng màng đến công luận của dân chúng hai miền.

3/ Ngày 19/tháng 1/năm 1974, hải quân Trung Cộng mở chiến dịch đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa do hải quân Việt Nam Cộng Hòa đang trấn giữ. Thời điểm này đang ở đỉnh cao của cuộc chiến tranh xâm lược do Miền Bắc tiến hành đánh vào Miền Nam.

Tàu Cộng chờ nước đục thả câu nhân lúc Mỹ đã rút lực lượng quân sự ra khỏi Miền Nam, và Miền Bắc đang dồn sức xâm chiếm Miền Nam, cùng lúc đó Miền Nam đang suy yếu do Đồng Minh Hoa Kỳ cắt gần hết viện trợ quân sự-

kinh tế, nhanh chóng đánh chiếm luôn quần đảo Hoàng Sa là thượng sách theo mưu kế thâm hiểm ngàn đời của đầu óc bành trướng Đại Hán.

Hà Nội tự khóa mồm trước sự kiện này, do vì mục tiêu chính của Cộng Đảng là phải chiếm Miền Nam bằng mọi giá, dù cho phải mất đất, mất biển về tay Tàu. Huống chi lúc đó, Tàu Cộng còn đang viện trợ cho Hà Nội đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lăng mở rộng quyền bính.

3/ Ngày 14 Tháng 3 năm 1988, hải quân Trung Cộng tiến đánh và chiếm lấy bãi đá Gạc Ma thuộc quần đảo Trường Sa.

4/ Tháng 2/năm 1995 Tàu Cộng lại cho hải quân đánh chiếm bãi đá Vành Khăn cũng thuộc Trường Sa.

Chế độ Cộng Sản độc tài đã không kiên quyết cho lực lượng hải quân đánh trả, và cũng không có kế hoạch lâu dài để lấy lại biển đảo của tổ quốc. Trái ngược với tinh thần hung hăng-hiếu chiến-cuồng sát khi đánh chiếm Miền Nam, cùng đồng bào dân tộc với họ.

5/ Hội Nghị Thành Đô diễn ra tại thành phố Thành Đô, trung tâm tỉnh Tứ Xuyên, ở vùng Tây Nam Trung Hoa trong hai ngày 3-4/tháng 9/năm 1990:

Xung đột giữa Hà Nội với Bắc Kinh từ năm 1.979 vì vấn đề Cam Bốt đã có cơ hội khép lại khi Hội Nghị Thành Đô diễn ra.

Nhiều người cho rằng vấn đề Hà Nội đưa bộ đội qua xâm lược và chiếm đóng Cam Bốt được bàn nhiều ở Hội Nghị Thành Đô.

Trung Cộng muốn Hà nội phải rút quân khỏi Cam Bốt để Bắc Kinh tái lập ảnh hưởng bao trùm tại xứ này.

Đối với chế độ độc tài Hà Nội, trường hợp họ bị mất ảnh hưởng bao gồm quyền lợi kinh tế, chính trị...tại Cam Bốt là quá nhỏ so với mất chế độ toàn trị ở Việt Nam.

Chính vì thế, bối cảnh sụp đổ hàng loạt các nước Cộng Sản trên thế giới vào cuối thập niên 1980 và đầu thập niên 1990 là nguyên nhân quan trọng nhất thúc đẩy các kẻ cầm đầu Cộng Đảng đang bối rối và rất lo lắng như Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười, Hoàng Bích Sơn, Đinh Nho Liêm phải vội vàng đến Thành Đô tham dự Hội Nghị hầu mong tìm một sinh lộ.

Hơn 10 người trong Bộ Chính Trị - chú không phải ý kiến đồng thuận của toàn thể dân tộc Việt - đã quyết định dựa vào vào Tàu Cộng để sống còn bất cứ mọi giá, kể cả giá nhường đất nhường biển cho ngoại bang. Sau sự kiện bí mật tại Hội Nghị Thành Đô đã sinh ra các hệ lụy ô nhục mà nhóm cầm đầu đảng tại Hà Nội là thủ phạm chính yếu.

Hiệp Định Phân Định Biên Giới Trên Đất Liền ký kết ngày 30/12/1999, và Hiệp Định Phân Định Lãnh Hải Trong Vịnh Bắc Bộ ký kết 25/12/2000 chỉ là một phần nhỏ trong chiến lược của Hà Nội quyết chí bám vào Bắc Kinh để được sống sót.

6/ Hiệp Định Phân Định Lãnh Thổ Trên Bộ ký kết ngày 30/12/1999:

Nội dung Hội Nghị Thành Đô diễn ra trong mờ ám, quyết định tham dự hội nghị và ký kết với ban lãnh đạo Bắc Kinh hoàn toàn do sự chủ động và tùy tiện của Bộ Chính Trị. Các nhân vật như Hoàng Bích Sơn, Đinh Nho Liêm, và Hồng Hà khi đến Thành Đô tham gia hội nghị cũng chỉ trong tư cách tháp tùng vì không phải là ủy viên Bộ Chính Trị.

Vì thế các hệ quả xấu đi liền sau đó nhiều năm cũng nằm trong bí mật. Do sống trong môi trường bóng tối từ lúc chào đời đến khi sắp chết, không bao giờ mình bạch với người dân trong nước mặc dù luôn tự miệng gán ghép, tự phong cho dân là làm chủ đất nước, những người cầm đầu Cộng Đảng Hà Nội đã, đang, và sẽ không bao giờ công bố cho người dân Việt biết họ đã làm mất bao nhiêu đất trên biên giới phía Bắc khi ký kết Hiệp Định Biên Giới Trên Đất Liền năm 1.999.

Theo con số của những người Việt tranh đấu cho dân chủ và những người quan tâm đến hiện tình đất nước, hiệp định này đã nhường cho phía Trung Cộng khoảng từ 700km vuông đến 1.000km vuông, các cao điểm có vị trí chiến lược trên tuyến biên giới cũng mất về tay Trung Cộng, đặc biệt là Ải Nam Quan lịch sử giờ đây cũng nằm trên phần đất Trung Cộng.

7/ Hiệp Định Phân Định Lãnh Hải Trong Vịnh Bắc Bộ ký kết ngày 25/12/2000.

Công Ước Pháp-Thanh ký kết năm 1.887 để phân chia ranh giới lãnh thổ giữa Bắc Việt và Trung Hoa khi nước ta bị thực dân Pháp chiếm. Đây là cơ sở pháp lý tương đối khoa học đã có trước các hiệp định biên giới được ký giữa Hà Nội và Cộng Sản Tàu. Khi so sánh với hiện trạng Công Ước Pháp-Thanh, vùng lãnh hải của Việt Nam trong Vịnh Bắc Bộ đã bị mất đi 10% tức là bị phân chia theo tỷ lệ 45/46. Thời kỳ ký và thực thi Công Ước Pháp-Thanh vào giai đoạn triều Nhà Nguyễn, lãnh hải của ta so với Trung Hoa trong Vịnh Bắc Bộ có tỷ lệ là 62/38.

8/ Vụ xâm lược của giàn khoan HD-981:

Vào tháng 5/2014, Trung Cộng đã ngang ngược di chuyển giàn khoan tối tân HD-981 vào sâu trong thềm lục địa của hải phận nước ta, và định vị hoạt động tại đó gần hai tháng 15 ngày.

Ngoài việc tuyên bố chung chung và cho các tàu nhỏ chạy vòng quanh để bị tàu chiến Trung Cộng bắn nước vòi rồng, guồng máy độc tài Hà Nội đã không làm gì hơn.

Người dân Việt theo dõi sát từng ngày biến động này đã chán nản, kinh ngạc vì đường lối chính trị nhu nhược, khiếm hèn của một bộ máy cường quyền rất lưu manh-xã hội đen-hung bạo khi đàn áp dân.

Hành động kẻ trên của nhóm cầm đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam không khác gì câu chuyện nhục nhã của Mạc Đăng

Dung quì gói dâng đất, nộp mình cho Tàu năm xưa để bảo vệ ngai vị cho dòng họ Mạc.

Mạc Đăng Dung sau khi thấy nhà Hậu Lê suy yếu nên tiến hành việc soán ngôi. Ông Xung là Mạc Thái Tổ tháng 6/năm 1527.

Trong cuộc chiến tranh chấp quyền lực với hậu duệ nhà Hậu Lê do Tướng Nguyễn Kim phục dựng, để gìn giữ quyền lợi riêng, Mạc Đăng Dung tìm cách thần phục Tàu (nhà Minh).

Cuối năm 1540, Mạc Đăng Dung và một số quân thân đi đến ải biên giới, và tự trói mình xin hàng. Trong tờ biểu xin hàng giặc có 3 điểm, điểm thứ hai nói đến việc họ Mạc tự nguyện giao nộp đất Việt cho Tàu gồm 2 đô Như Tích, Chiêm Lăng và 4 động Tư Lãm, Kim Lạc, Cổ Sâm, Liễu Cát.

Chuyện xưa và nay không khác gì, chỉ vì thương quá cái ngai vàng mà trở nên lú lẫn, quên đi tiền nhân và tổ quốc. Đây là hạng người vong ân, bội nghĩa, bội tín. Đây là loại người quên gốc, quên nguồn. Chỉ khi nào họ đập đầu vào đá mà thành tâm sám hối, quyết lòng tu sửa, rồi mặc áo dân thường mà xin chịu tội trước quốc tổ quốc dân, thì dân tộc Việt mới nhìn nhận họ là đồng bào cùng chung một giống nòi Việt.

Thách thức do Tàu Cộng áp đặt trước mặt dân tộc Việt Nam phải được dân Việt giải quyết bằng sức mạnh truyền thống và sự đồng tâm của cả một dân tộc chứ không thể tin vào sự ngu mê quá đáng của nhóm cầm đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Điều đầu tiên là người Việt phải can đảm thay đổi chế độ hiện nay, bằng hệ thống chính trị dân chủ - đa đảng - pháp trị.

Trong suốt thời gian mấy thập niên cầm quyền độc đoán, nhóm cầm đầu Đảng Cộng Sản đã chứng tỏ cho dân tộc Việt thấy rằng họ không bao giờ nhượng bộ quyền lợi đảng cho quyền lợi tổ quốc Việt và dân tộc Việt. Họ luôn coi đảng của họ trên hết, trước hết. Họ đứng trên



đầu dân tộc, họ đạp trên đầu tổ quốc để mà tồn tại một mình.

Do vậy chỉ có thể có 1% sự sám hối ăn năn trong nhóm cầm đầu đảng đối với tội đại ác của họ gây ra cho dân Việt. Nói đến 1% này là vì những kẻ cầm đầu đảng là người. Nếu họ không phải là người thì 1% nhân tính đó không bao giờ xuất hiện.

Đứng trước sự quyết định lớn nhất, hệ trọng nhất trong lịch sử hiện đại là cứu dân thoát khỏi họa xâm lăng-bành trướng-thôn tính của Tàu Cộng thì Đảng Cộng Sản tham quyền đã chọn đi với Tàu Cộng để giữ đảng mà đành tâm-quyết chí bỏ dân Việt qua một bên, thiêu đốt cuộc sống, tương lai của cả dân tộc chúng ta.

Đối với dân tộc, nếu theo đảng thì mất nước mất dân, và loại trừ đảng thì còn dân còn nước còn tương lai, và nhiều cơ hội xây dựng một quốc gia cường thịnh. Không có thái độ trung lập. Không có vị thế đứng giữa. Không có sự lựa chọn nào khác. Sự lựa chọn của đảng không phải là sự lựa chọn của dân. Hai thực thể này không có chung một con đường đi tới.

Mặc dù trong lòng rất chán ghét, căm hận, thế nhưng dân ta hiện nay chưa đủ can đảm đồng tâm quyết chí đứng lên đánh đổ bộ máy cai trị của Cộng Đảng là vì sự đàn áp vô nhân tính của bộ máy công an trị và quân đội bảo vệ đảng.

Cạnh đó là sự phân hóa tâm lý như chia rẽ, hãi sợ, an phận, luôn hiện diện trong suy nghĩ và hành động của đại bộ phận người dân. Đây là hậu quả tất nhiên từ một bộ máy đàn áp mà Đảng Cộng Sản gian manh dày công hình thành và điều khiển để bảo vệ chế độ bất công của họ.

Giữa sự hãi sợ của nhiều người dân Việt đối với guồng máy công an trị kết hợp với băng đảng lưu manh côn đồ do đảng nâng niu nuôi dưỡng và sự hãi sợ của nhóm cầm đầu đảng về một cuộc nổi dậy khắp nơi của toàn dân thì nỗi hãi sợ của nhóm cầm đầu đảng rất lớn và kéo dài triền miên khi cứ tiếp tục bám quyền làm vua, nó gây

một áp lực tâm lý, một sự khủng hoảng tinh thần cực lớn trong lòng nhóm cầm đầu đảng.

Vào thế kỷ 13 khi quân viễn chinh Mông Cổ chưa chinh phạt được Bắc Kinh nơi đám vua chúa nhà Tống nhu nhược quá đỗi đang run sợ ngày đêm thì người chiến binh Mông Cổ, trong suốt cuộc trường chinh chiếm đoạt thế giới, họ coi lưng ngựa là nhà, là giường, không lo ngại gió sương mưa nắng.

Thế nhưng sau 40 năm chiếm được Bắc Kinh, xóa bỏ triều đại Tống và thành lập triều đại Nguyên thì người Mông Cổ trở nên nhu nhược, đến độ không nhảy được lên lưng ngựa để phi nước đại. Gái đẹp, rượu ngon, thức ăn thừa mứa, cung vàng điện ngọc, nệm ấm chăn êm, tiền bạc danh vọng đã làm cho người chiến binh Mông Cổ mỗi gỏi lưng còng, tinh thần trở nên u mê vì ăn nhậu say sưa, chơi bời đồi trụy quá đáng.

Nhóm đặc quyền đặc lợi trong đảng cầm quyền hiện nay ngày càng giàu có, đủ đờn dâm đảng, ăn sung mặc sướng, vợ con họ đi Tây, đi Tàu, đi Mỹ. Họ trở nên hèn nhát vì lo sợ của cải cướp được của quốc gia dân tộc sẽ bị tịch thu, bị biến mất một khi người dân lật đổ chế độ độc tài.

Vì thế nhóm cầm đầu đảng quyết liệt dùng công an côn đồ đánh đập, đàn áp rồi bỏ tù dân, những người can đảm đứng lên đòi cuộc sống tự do. Họ dùng bạo lực để cai trị dân và khiến cho dân luôn lo sợ. Đây chỉ là cách họ che giấu cái tâm lý bất an và nỗi hãi sợ không ngừng về một ngày rất gần là dân không còn hãi sợ các trận đòn thù của bọn công an băng đảng lưu manh nữa.

Ngày đó là ngày tiêu vong nhục nhã của một chế độ Cộng Sản độc tài bất nhân cuồng trị.

Ngoài áp lực của sự bất mãn trong lòng của nhiều thành phần, các giai tầng xã hội, ngay cả số lượng đảng viên Cộng Sản cấp tiến, luôn đề nặng lên chế độ, bộ máy cầm quyền độc tài còn phải gánh chịu hậu quả từ guồng máy kinh tế suy yếu do chính họ tạo ra.

Một nền kinh tế không lối thoát, chỉ đi xin viện trợ, đi vay mượn về nuôi dưỡng guồng máy thống trị sâu mọt, tham nhũng, hại dân. Đảng không có một chính sách kinh tế vì dân, họ sao chép nguyên bản chính sách kinh tế của Chủ Nghĩa Marx-Lenin mà không hiểu chính sách kinh tế đó như thế nào. Khi nó bộc lộ sự bất lực, không đáp ứng kịp và đủ so với nhu cuộc sống của xã hội thì họ lại điều chỉnh, điều chỉnh, và tiếp tục điều chỉnh như vá rồi lại vá một chiếc áo rách nát.

Cộng Sản dùng chính trị độc đoán chuyên quyền và kinh tế quốc doanh thâm tócm để hỗ trợ guồng máy cai trị của họ, thì nay chính hai lĩnh vực rất kém lành mạnh này đang đưa họ vào cuối đường hầm không ánh sáng. Thế nhưng bản chất gian manh và ngoan cố đã thấm sâu vào máu, não của nhóm cầm đầu Đảng Cộng Sản.

Sự tồn tại hay tan rã của Đảng Cộng Sản Việt Nam là do quyết định của chính người dân Việt Nam chứ không tùy thuộc vào cái suy nghĩ chủ quan về sự bám quyền làm vua chúa hết đời này tới đời sau của Đảng Cộng Sản. Như thế Đảng Cộng Sản còn ngồi trên đầu dân, đập vào mặt dân để làm mưa làm gió là do trách nhiệm của dân chưa đủ sức đánh bại họ.

Dân tộc chúng ta đang sống trong giai đoạn hiện nay cũng phải chịu trách nhiệm nặng nề trước lịch sử, phải bị thế hệ kế tiếp phê phán không tiếc lời vì sự uơ hèn của chúng ta không lật đổ nhanh chế độ Cộng Sản độc tài để nhanh chóng phục hồi đất nước.

Tội lỗi này là trọng tội đại bất kính đối với tiền nhân, tổ tiên Việt. Dân tộc chúng ta hiện nay đã sống không xứng đáng với sự hy sinh tranh đấu và xương máu tiền nhân cũng như bao anh hùng liệt nữ đã đổ xuống trên mảnh đất Việt để gìn giữ non sông chúng ta tươi đẹp và rộng lớn như ngày nay.

Càng để Đảng Cộng Sản sống còn được ngày nào để họ ngông nghênh hoành hành trên thân xác quê hương Việt thì tội lỗi của dân tộc Việt càng nặng thêm ngày ấy đối với ông bà tổ tiên.

Tất nhiên nhiều người trong chúng ta đã hiểu rằng một dân tộc sống hèn nhát khiếp sợ chỉ biết quì gối khom lưng cúi đầu câm miệng trước sự lộng hành quá đỗi của cái ác, cái bất nhân, cái vô đạo thì chắc chắn không thể có chỗ đứng xứng đáng trong xã hội nhân loại ngày nay.

Một dân tộc đã không có đủ khả năng xây dựng đất nước mình đang sống thì làm sao vươn đến đẳng cấp, vị thế một dân tộc có khả năng đóng góp vào cuộc sống tiến bộ của cộng đồng nhân loại.

Dân tộc chúng ta kém như thế thì đừng trách sao các dân tộc đang hưng thịnh và có nhiều đóng góp vào tiến trình xây dựng cuộc sống nhân loại tốt hơn đã ngó chúng ta bằng cặp mắt ái ngại, lo lắng, và dĩ nhiên là không coi trọng, kính phục. Do vì đất nước chúng ta thường mang gánh nặng, đem nhiều vấn đề không tốt đến cho cộng đồng các quốc gia trên thế giới này.

Chọn cách đánh bại chế độ Cộng Sản Việt Nam như thế nào là quyết định chung cuộc của người dân Việt. Vì sự tham tàn của Cộng Sản tác hại đến cuộc sống của từng người dân Việt, từng gia đình và ảnh hưởng đến toàn thể sự tiến bộ của xã hội Việt. Giải thể, đánh bại, lật đổ chế độ Cộng Sản bằng phương cách hòa bình hay bạo lực là trách nhiệm và bổn phận của dân tộc chúng ta.

Trách nhiệm trọng đại và cao cả này của dân tộc được chia xẻ đến từng người dân Việt ở khắp nơi, từng gia đình người Việt, từng nhóm người Việt, từng tổ chức hội đoàn.

Sự sống của dân tộc Việt là vô cùng hệ trọng. Sinh mạng của 90 triệu dân Việt bao gồm mấy thế hệ thanh niên, thanh nữ, trẻ già, tuổi thơ đang sống trên đất nước Việt Nam là tối thượng. Bất cứ quyền lợi của thế lực ngoại bang nào, bất cứ quyền lợi của phe đảng hay tập đoàn chính trị nào bên trong phần đất quê hương Việt Nam, đều phải nằm bên dưới sự sống và sinh mạng của dân Việt.

Sự sống của Đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ là hạt bụi nhỏ, loại dị bào, loài tế bào gây ung thư nguy kịch trên thân thể dân tộc Việt.

Dân tộc Việt không thể chết để nhường sự sống cho Đảng Cộng Sản Việt Nam. Huống chi sự sống của Đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ là sự trương sinh của đồ rác rến, rác rưởi, cặn bã thì đâu cần thiết để tồn tại trong xã hội Việt Nam.

Trong lịch sử hào hùng bất khuất của dân tộc Việt, khi ngoại xâm kéo đến và dùng cường lực để chiếm đóng nước ta, bắt dân tộc ta sống trong thân phận vong quốc, vong nô, thì để đối lại, dân tộc ta không thể đối thoại, không quì xuống van xin năn nỉ, không ngồi yên bó tay chờ chết, không câm miệng chờ họ đồng hóa rồi tiêu diệt, trái lại chỉ có một phương cách hữu hiệu nhất, danh dự nhất, uy lực nhất là tập trung sức mạnh của toàn dân tộc để đánh bại ngoại xâm, xua đuổi chúng chạy xa khỏi bờ cõi nước Việt.

Trong tình thế Việt Nam ngày nay, Đảng Cộng Sản Việt Nam dùng bạo lực để chiếm chính quyền và đã-đang dùng bạo lực công an trị để bám lấy quyền lực cai trị quốc gia. Đã vậy, nhóm cầm đầu đảng lại nhường đất, nhường biển cho Tàu Cộng để nuôi chí đại dựa vào Đại Hán ngoại xâm để tiếp tục cầm quyền bính.

Đây là hành động cực kỳ phản bội, cực kỳ kiên quyết chống phá lại tổ quốc và dân tộc Việt Nam.

Tình thế này hết sức nguy hiểm cho dân tộc Việt. Trước đây, chỉ có ngoại xâm Trung Hoa mà dân tộc ta phải cần nhiều thời gian, cần rất nhiều sự hy sinh máu xương để đánh bại họ. Nay có sự cấu kết chặt chẽ của kẻ nội thù là nhóm cầm đầu Cộng Sản tại Hà Nội với chủ nghĩa bành trướng Đại Hán.

Đứng trước mỗi nguy rất lớn này, dân tộc Việt phải kiên định đi theo bước chân tiền nhân trước đây mà không có sự lựa chọn nào khác, đó là phải dùng tổng lực dân tộc để đánh bại chế độ phản dân bán nước, và quyết tâm đánh sụp âm mưu xâm lược của Trung Cộng.

Đây là chính nghĩa đại cuộc tranh đấu vì tự do dân chủ của dân tộc chúng ta hiện nay. Và đại cuộc này cần đến sự đóng góp của rất nhiều bàn tay, khối óc người dân Việt ở khắp nơi, không phân biệt thành thị hay nông thôn, không phân biệt trí thức hay nông dân, không phân biệt trẻ hay già, không phân biệt nam hay nữ.

Mỗi một cá nhân, mỗi một gia đình, mỗi một nhóm, tổ chức, cộng đồng đều có quyền và bổn phận gánh vác, chia sẻ hành động chính nghĩa này của đại cuộc dân tộc dưới bất cứ hình thức.

Khi một cá nhân, nhóm người, cộng đồng dân cư thực hiện hành động thể hiện chính nghĩa đại cuộc dân tộc để làm suy yếu bộ máy thống trị, và rồi tạo điều kiện liên kết sức mạnh ở các địa phương để tiến đến giai đoạn giải thể Đảng Cộng Sản cầm quyền bất nhân, thì hành động đó là vì lợi ích cao nhất của cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ. Tất nhiên được các thành phần khác của dân tộc Việt hoan nghênh, ủng hộ và noi theo bước đi vì đại nghĩa này.

Một khi không còn thể chế độc tài Cộng Sản thì dân Việt sẽ chọn thể chế dân chủ đa nguyên đa đảng.

Bằng thể chế này, dân tộc Việt mới đủ sức mạnh đối phó trường kỳ với tham vọng lâu dài của Trung Cộng đang lấn biển, lấn đất của chúng ta. Đừng bao giờ nuôi ảo vọng về lòng tốt của một cường quốc. Đừng bao giờ ỷ lại vào sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế. Trước nhất là chúng ta phải tự giúp, tự cứu chúng ta. Trước nhất, quốc gia chúng ta phải ổn định, vững mạnh rồi hãy nói chuyện hợp tác song phương với các quốc gia khác.

Sau khi đã tạo thể đứng vững chắc trong lãnh thổ Việt Nam, một chính quyền Việt Nam dân chủ phải hình thành thể chiến lược hợp tác quân sự hay liên minh quân sự với các cường quốc trong khu vực như Nhật, Úc, Ấn Độ, Nam Hàn, đặc biệt là với Mỹ để xây dựng tiềm năng quân sự quốc phòng cho đất nước chúng ta. Song song đó, Việt Nam cũng cần phải hình thành thể trận ngoại giao

liên minh với các nước trong khu vực và trên thế giới để tạo thế đứng độc lập cho Việt Nam.

Một quốc gia Việt Nam tự do, tiến hành quan hệ giao tiếp với cộng đồng các quốc gia trong khu vực và quốc tế bằng tư thế độc lập có chủ quyền, có thể chế dân chủ ổn định, có nền kinh tế tự túc, tự cường không lệ thuộc ngoại viện.

Chỉ có một thể chế chính trị tự do dân chủ, Việt Nam mới triển khai được thế mạnh của toàn dân tộc, mới cho các cường quốc khu vực và thế giới thấy khả năng của Việt Nam trong các mối quan hệ quân sự-kinh tế-ngoại giao song phương hay đa phương. Và như thế, cộng đồng chính trị quốc tế mới tôn trọng vị thế của ta, mới thỉnh cầu chúng ta đóng góp vào công việc của quốc tế trong tư thế một quốc gia mạnh.

Các sáng kiến về chiến lược quân sự, quốc phòng để bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải, chủ quyền của dân tộc chỉ có điều kiện phát triển tốt trong môi trường chính trị dân chủ. Và các công dân Việt Nam có lòng ái quốc sẽ yên tâm đóng góp khả năng mà không sợ bị bịt miệng, ám hại, lấn áp bởi thể chế độc tài đảng trị lúc nào cũng chỉ nghĩ đến quyền lợi của đảng họ một cách ích kỷ.

Tuy thế giai đoạn lịch sử đen tối đau buồn vẫn chưa buông tha cho dân Việt.

Cho đến nay, năm 2.015, Việt Nam chúng ta vẫn chưa thoát khỏi gọng kềm của giòng lịch sử cuốn xoáy.

Sự ngu mê của nhóm cầm đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam đã quá mức báo động.

Một sai lầm rất tai hại của những người lãnh đạo chính trị là thiếu tầm nhìn. Và quốc gia dân tộc chúng ta phải gánh hết mọi tai họa đau thương này.

Cần nhận diện lịch sử. Cần nhận diện sự thật. Những người Việt hôm nay, và những thế hệ trẻ Việt ngày mai phải thấy đây là bài học rất giá trị có chứa máu và nước mắt của dân tộc chúng ta.

Người Việt chúng ta đã mất quá nhiều, tuy nhiên vẫn còn nhiều thời giờ để làm lại. Cái nguy hiểm nhất là ngồi yên bó tay than thân trách phận để chúng kiến sự diệt vong trong đau đớn và nhục nhã.

Dân tộc Việt có cả một kho tàng văn hóa, tư tưởng, truyền thống, đạo đức từ nhiều ngàn năm qua để nuôi dưỡng tinh thần, ý chí dân tộc chúng ta sống còn đến ngày nay.

### Đ/ Tư Tưởng Việt - Chủ Thuyết Chính Trị Dân Tộc Quốc Gia Việt Nam Trong Quá Khứ Và Truyền Thống Để Kết Tinh Thành Sức Mạnh Trong Sự Tồn Tại Thời Nay - Chủ Thuyết Dân Quốc Việt

#### I/ Bốn Lần Nước Việt Bị Hán Thuộc Khiến Dân Việt Quá Điều Đứng Khổ Nhục Trăm Bề Và Đứng Trên Bờ Vực Của Sự Tuyệt Diệt & Nhưng Do Bản Năng Sống Còn Hết Sức Mãnh Liệt Cọng Với Ý Chí Quật Khởi Thật Kiên Cường Và Rất Anh Hùng Cho Nên Dân Việt Không Bị Giặc Tàu Đồng Hóa Để Trở Thành Dân Hán & Cội Nguồn Hình Thành Dân Tộc Xa Xưa Biểu Hiện Đặc Tính Độc Lập Và Tự Chủ & Cá Nhân - Gia Đình - Làng Xóm - Thị Tộc - Cọng Đồng - Xã Hội - Tinh Thần Cổ Kết Liên Đới Xây Nền Móng Sống Còn Và Phát Triển Cho Dân Việt:

Tìm về cội nguồn dân tộc chúng ta để biết được chuỗi quá khứ nỗ lực tranh đấu vươn lên không ngừng của tiền nhân Việt để tồn tại trước thiên nhiên bao la và huyền bí, cũng như phải đối phó với sức mạnh ngoại xâm Phương Bắc luôn mong muốn đồng hóa rồi diệt vong dân tộc Việt.

Hướng về cội nguồn lịch sử dân tộc cũng là để khẳng định người Việt chúng ta luôn là người Việt, luôn tự trọng và hãnh diện về dòng giống của ta. Từ đó phải biết đứng vững trên đôi chân của chính chúng ta trong thời đại mà sức mạnh của kỹ thuật tiên tiến, áp lực quân sự, và văn hóa ngoại bang có khả năng hạn chế hay tìm cách hủy hoại sự tồn tại và công cuộc phát triển của giống nòi Việt.



Tìm về cội nguồn hình thành trong buổi ban mai của nền văn minh dân Việt để giữ vững và làm giàu bản sắc riêng của dân tộc chúng ta khi tiếp nhận và tinh lọc các sắc thái văn hóa bên ngoài trong thời đại toàn cầu hóa.

Khi hướng về quá khứ lịch sử dân tộc chúng ta để mọi người dân Việt biết và hiểu được về sự hình thành của dòng giống Việt, từ đó biết và hiểu được cả một chiều dài lịch sử nhiều ngàn năm như vậy đã đúc kết nên tư tưởng của dân tộc Việt. Tư tưởng Việt mang đậm nét nhân bản, hòa bình, vị tha, yêu quý gia đình, ái quốc, thương dân, ưa chuộng cái mới và tiến bộ, luôn muốn cho dân tộc được phát triển trong cộng đồng nhân loại.

Theo truyền thuyết và dã sử thì một guồng máy nhà nước Việt Nam đầu tiên có tổ chức cơ cấu cai trị hoàn chỉnh, có một xã hội đoàn kết các bộ tộc và phát triển quốc gia trên nền tảng nông nghiệp khởi đầu vào năm 2879 trước Tây Lịch.

Kinh Dương Vương (Lộc Tục) là người có công sáng lập thể chế cai trị quốc gia lần đầu tiên của dân tộc Việt Nam với quốc hiệu là Xích Quỷ, đặt kinh đô tại Hồng Lĩnh, nay thuộc Ngàn Hồng, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Kinh Dương Vương mất tại Bắc Ninh. Hiện nay tại tỉnh Bắc Ninh vẫn còn lăng và đền thờ Kinh Dương Vương.

Chữ xích theo cách giải thích trong tự điển Hán-Việt của Tác Giả Đào Duy Anh thì ngoài nghĩa là đồ, còn có nghĩa là mở mang ra. Và chữ quý có nghĩa là lạ lùng hay chồng chất nhiều lớp.

Các truyền thuyết và dã sử nói về thời kỳ lập quốc của Kinh Dương Vương vào năm 2879 trước Tây Lịch được Sử Gia Ngô Sĩ Liên ủng hộ trong tác phẩm sử học của ông. Sử Gia Ngô Sĩ Liên tuân lệnh Vua Lê Thánh Tông (1442-1497) soạn bộ sử cho nước nhà, và sau đó hoàn thành bộ sử nổi tiếng của Việt Nam là Đại Việt Sử Ký Toàn Thư năm 1479.

Tuy nhiên tác phẩm sử liệu rất giá trị và danh tiếng của dân tộc chúng ta mãi hơn 200 năm sau, vào năm

1.697 dưới đời Vua Lê Hy Tông, mới được phát hành chính thức trong xã hội sau mấy lần tu bổ và điều chỉnh.

Nếu chọn thời điểm khai mở nước Việt năm 2879 trước Tây Lịch theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư ghi chép thì tính đến năm 2015, lịch sử phát triển xã hội Việt Nam đã có chiều dài là 4894 năm.

Trước giai đoạn Sử Gia Ngô Sĩ Liên khoảng 200 năm, một bộ sử danh tiếng khác được Sử Gia Lê Văn Hưu (1230-1322) viết và soạn vào đời Nhà Trần có tên gọi: Đại Việt Sử Ký. Bộ sách Đại Việt Sử Ký được hoàn thành năm 1272 dưới đời Vua Trần Thánh Tông. Tất nhiên vì ra đời trước, nên bộ Đại Việt Sử Ký cũng là nguồn tham khảo quý giá cho Sử Gia Ngô Sĩ Liên khi ông bắt tay soạn bộ sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư.

Trong bộ sách Đại Việt Sử Ký, Sử Gia Lê Văn Hưu chọn thời điểm năm 207 trước Tây lịch, lúc Triệu Đà thành lập nước Nam Việt, để làm điểm mở đầu cho bộ sử của ông. Vì ông nhìn nhận vương triều do họ Triệu lập ra là một phần trong lịch sử Việt Nam.

Quan điểm cá nhân chúng tôi cho rằng thời điểm năm 207 trước Tây Lịch là lúc đất nước chúng ta rơi vào vòng Hán Thuộc Lần Thứ Nhất, khi Triệu Đà, một viên Tướng đời Tần của Trung Hoa mang quân Tàu đánh bại An Dương Vương Thục Phán và chiếm lấy nước ta.

Triệu Đà (257-137, trước Tây Lịch) sinh tại huyện Chân Định, quận Hằng Sơn đời Nhà Tần (huyện Chính Định tỉnh Hà Bắc ngày nay); và mất tại Phiên Ngung, Quảng Châu. Hiện nay tại tỉnh Hà Bắc-Trung Hoa vẫn còn tượng thờ Triệu Đà.

Nếu tính thời điểm đầu tiên trong giòng sử Việt là vào năm 207 trước Tây Lịch theo cái nhìn của Sử Gia Lê Văn Hưu thì chiều dài phát triển của xã hội và quốc gia Việt tính đến năm 2015 là 2222 năm.

Cho dù khởi đi trên truyền thuyết và dã sử hay khởi đi từ thời gian bị Hán Thuộc Lần Thứ Nhất thì trong suốt

chiều dài phát triển đến thế kỷ thứ 13, và sau đó vào thế kỷ 15, dân tộc chúng ta mới chính thức có hai bộ sử biên niên thật giá trị ghi lại công đức thật cao dày trong chặng đường lập quốc và cứu nước của tiền nhân.

Sau đó còn có các bộ sử khác do nhiều học giả, sử gia Việt Nam biên soạn vào đời Chúa Trịnh Sâm với bộ Đại Việt Sử Ký Tục Biên (năm 1775), và đời Nhà Nguyễn có bộ Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục được soạn vào giữa thế kỷ 19.

Thực tế này cho thấy sự phát triển chữ viết (Hán và Nôm) ở nước ta, và ngành lịch sử Việt Nam đi sau cũng như chậm hơn sự phát triển văn hóa, văn minh Việt Nam.

Người Việt ghi lại trong sách sử hay qua truyền khẩu nói rằng tổ tiên dân Việt xuất xứ từ truyền thuyết "Con Rồng Cháu Tiên" hay "Trăm Trứng Nở Trăm Con". Truyền thuyết này dựa vào câu chuyện cổ nói Vua Lạc Long Quân là Rồng kết nên chồng vợ với Bà Âu Cơ là Tiên, sau sinh ra một cái bọc chứa đựng trăm trứng. Từ đó hình thành nên dòng giống Việt, và người Việt thường gọi với nhau một cách đậm đà tình nghĩa ruột thịt là đồng bào, người cùng chung một bọc mà ra.

Bên cạnh truyền thuyết dã sử này của người Việt, các sử gia Trung Hoa khi tìm về các tài liệu cổ thì nhận thấy rằng vào khoảng 1.000 năm trước Tây Lịch có các giống dân Việt sống ở phía Nam Trung Hoa thuộc vùng Quảng Đông, Quảng Tây, ... và Bắc Việt Nam ngày nay.

Họ gọi chung nhóm dân tộc này là Bách Việt, bách đây có nghĩa là 100, còn chữ Việt có nghĩa là vượt qua, vượt lên. Trong các dân tộc Bách Việt này thì có giống dân Lạc Việt phần lớn cư trú trên vùng đất thuộc Bắc Việt Nam ngày nay.

Chữ Lạc trong ngôn ngữ của người Việt cổ có nghĩa là nước. Điều này cũng phù hợp với đời sống của tổ tiên chúng ta thời xưa chỉ phụ thuộc vào nông nghiệp, ruộng lúa làm ra hạt gạo quý giá thì rất cần nước.

Từ đó mà sinh ra các danh từ như Lạc Điền, Lạc Dân, Lạc Hầu, Lạc Tướng, Lạc Vương (Hùng Vương). Cách giải thích chữ Lạc như vậy là dựa theo công trình nghiên cứu về văn hóa cổ Việt Nam của các học giả người Việt.

Và hầu như các dân tộc thuộc nhóm Bách Việt khi sống gần dòng giống Hán, một dân tộc đông nhất tại Trung Hoa, thì họ đã bị tận diệt hay bị Hán hóa. Riêng giống dân Lạc Việt đã bị cai trị bởi người Hán nhưng vẫn giữ được cội nguồn. Và danh từ Việt Nam để chỉ đến một dân tộc Việt thống nhất ở phía Nam Trung Hoa.

Các truyền thuyết và dã sử Việt Nam cùng với sự khảo sát của những học giả Trung Hoa khi nói về thời kỳ Hồng Bàng và nhóm người Bách Việt thì có chung một điểm là không giải thích được một cách khoa học về nguồn gốc phát sinh ra triều đại Kinh Dương Vương hay xuất xứ của giống dân Lạc Việt ở Miền Bắc Việt Nam.

Tất nhiên không phải tự nhiên ở trên trời rơi xuống một Kinh Dương Vương với định chế nhà nước sơ khai có quốc hiệu xích Quỷ. Và cũng không phải dùng một cái với thuật hô biến thì trên lãnh thổ Bắc Việt ngày xưa có sẵn một giống dân Lạc Việt.

Một cách hợp lý theo tiến trình suy luận và khoa học có chứng minh nhiều thuyết phục thì trước thời đại Kinh Dương Vương lập quốc phải có sự hiện diện của các bộ tộc người Việt cổ với đời sống sinh hoạt chưa có tính hợp quần cao.

Khi mang các lập luận và công sức tìm kiếm của một số học giả và sử gia Trung Hoa trước đây để đối chiếu lại với các công trình khảo cổ khoa học của người Pháp trong thời họ chiếm đóng nước ta thì thấy khai mở một vùng ánh sáng về cội nguồn xa xưa của dân tộc chúng ta trước đây hàng chục ngàn năm độc lập với dân tộc Hán tại Trung Hoa.

Có sự khác nhau về khoảng cách rất xa giữa hiệu quả tìm kiếm của học giả Trung Hoa, và các nhà khoa học về địa chất và khảo cổ học của Pháp. Trong khi người

Trung Hoa chỉ nghiên cứu về sự hiện diện của các dân tộc Bách Việt độ 1000 năm trước Tây Lịch, còn người Pháp đi xa hơn rất nhiều, ngược giòng về quá khứ xa xưa tới thời điểm hơn 2 chục ngàn năm trước Tây Lịch.

Sự hình thành và phát triển của cư dân Việt cổ (Lạc Việt) tức tổ tiên chúng ta trên vùng đồng bằng Bắc Phần và Bắc Trung Phần đã có từ lâu khi khảo sát về mặt khoa học nhân chủng, di vật cổ, khảo cổ học.

Các dữ liệu về mặt khoa học khảo cổ được công bố rất lâu sau giai đoạn có sử viết. Vào những thập niên đầu của những năm 1900, vài người Pháp làm việc cho chính quyền thực dân Pháp tại Việt Nam có quan tâm đến khảo cổ học liên quan đến các nền văn minh cổ của Việt Nam trên vùng lãnh thổ Bắc Việt đã thực hiện các công trình khảo cứu và tìm thấy nhiều chứng cứ về sự hình thành và tồn tại của cộng đồng người Việt Cổ.

Một nhà khảo cổ học được biết nhiều qua các công trình tìm kiếm các nền văn hóa cổ, đặc biệt khai quật được di tích Văn Hóa Hòa Bình tại Việt Nam, là bà Madeleine Colani (1866-1943) làm việc tại Viện Viễn Đông Bác Cổ. Viện này được thành lập năm 1900, đây là trung tâm nghiên cứu của chính quyền thực dân Pháp về nền văn minh Đông Phương, chính yếu về mặt khảo cổ tại các quốc gia thuộc địa của Pháp ở Đông Dương lúc đó như Việt Nam, Lào, Cam Bốt.

Cách đây hàng chục ngàn năm, lãnh thổ Bắc Việt Nam đã có người sinh sống trên các vùng đất chạy dài từ Lạng Sơn, Cao Bằng, Phú Thọ, vùng biển Quảng Ninh, và rồi xuống đến Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị. Đây là các địa bàn cư trú của những người Việt cổ xưa.

Đó chính là tổ tiên của chúng ta. Tổ tiên người Việt đã quây quần sinh sống rất thô sơ như hái lượm hoa quả trong rừng núi để tồn tại.

Dựa theo những tài liệu khoa học về khảo cổ của người nước ngoài, đặc biệt là của các nhà khoa học Pháp, và các tài liệu được người Việt trong và ngoài Việt Nam quan tâm đến văn hóa, lịch sử Việt đã bỏ công ghi

chép, biên soạn lại thì các nền văn hóa cổ ở Việt Nam được phân chia theo thời gian phát triển của nền văn minh.

Sự phân chia này sắp xếp từ thấp đến cao, từ sơ khai, hoang dã chỉ biết dùng hai bàn tay để lượm, nhặt trái cây hoa quả trong cuộc sinh tồn, cho đến lúc biết chế biến công cụ bằng đá, bằng cây, bằng gốm, bằng đồng, sắt, đồ trang sức, ngày một mỹ thuật, tinh vi.

Một cách tổng quát, sự phân định như sau: Hậu Kỳ Thời Đại Đồ Đá Cũ diễn ra ở cột mốc 23 ngàn năm trước Tây Lịch, Thời Đại Đồ Đá Mới hiện diện 12 ngàn năm trước Tây Lịch, Thời Đại Đồ Đồng Đá có trước Tây Lịch độ 3 ngàn năm, Trung Kỳ Thời Đại Đồ Đồng hiện diện vào khoảng 1.500 năm trước Tây Lịch, Hậu Kỳ Thời Đại Đồ Đồng có khoảng 1 ngàn năm trước Tây Lịch, và thời gần nhất với nền văn minh hiện nay là Thời Đại Đồ Sắt có trước Tây Lịch độ 7 trăm năm.

Vào giai đoạn gọi là Hậu Kỳ Thời Đại Đồ Đá Cũ có 3 nền văn hóa:

1/ Văn Hóa Ngườm hiện diện vào khoảng 23 ngàn năm trước Tây Lịch. Danh từ: Ngườm, có nguồn gốc từ một địa phương thuộc tỉnh Thái Nguyên - Bắc Việt.

Giai đoạn này, tổ tiên chúng ta đã biết tổ chức cuộc sống quây quần bên nhau để tương trợ dưới hình thức thị tộc, những người trong dòng họ, một dạng cộng đồng đầu tiên trong xã hội loài người.

Sự liên kết đầu tiên này giữa các cá nhân trong cùng họ cũng cho thấy người Việt cổ thể hiện các nỗ lực tranh đấu nhằm tìm cách thỏa mãn nhu cầu sinh tồn. Ngày nay chúng ta nói rằng, hành động liên kết đó là bước chuẩn bị đi vào một tiến trình dài lâu của sự qui tụ để hình thành xã hội sơ khai.

2/ Văn Hóa Sơn Vi xuất hiện và tồn tại trong khoảng thời gian từ 20 ngàn năm đến 12 ngàn năm trước Tây Lịch.

3/ Và nền Văn Hóa Soi Nhụ hiện diện trong khoảng thời gian từ 18 ngàn năm đến 7 ngàn năm trước Tây Lịch.

Việc đặt tên đi sau các nền văn hóa cổ ở Việt Nam thường dựa theo tên địa phương hay một địa điểm như núi, sông, ngôi làng... mang tính chất đặc trưng, nơi mà các nhà khảo cổ khám phá được những di vật, di cốt, di tích còn sót lại từ ngày xa xưa.

Khởi đầu Thời Đại Đồ Đá Mới, đáng chú ý là nền Văn Hóa Hòa Bình.

Nhiều di vật cổ xưa của các cộng đồng dân cư người Việt cổ được tìm thấy trong các hang động thuộc tỉnh Hòa Bình - Miền Bắc Việt Nam có trước Tây Lịch khoảng 12 ngàn năm. Thời kỳ này cũng đánh dấu bước phôi thai của nền văn minh nông nghiệp lúa nước với sự canh tác thô sơ bằng sức người và với những công cụ rất thô thiên tự sáng tạo cách đục đá, đẽo đá hay bằng tre, cây.

Thời kỳ này người Việt cổ đã biết dùng lửa để nấu ăn. Cuộc sống như vậy đánh dấu sự tạm ổn định về mặt lương thực khi các cá nhân trong gia đình cùng nhau sản xuất.

Cũng trong thời kỳ của nền Văn Hóa Hòa Bình, có trước Tây Lịch 12 ngàn năm, tổ tiên chúng ta bắt đầu tiến bộ trong cách tổ chức cuộc sống, biết thuần hóa các loại cầm thú hoang dã thành gia súc trong nhà như bò, chó, gà với mục đích phục vụ cho cuộc sống được thêm tiện lợi.

Tổ tiên chúng ta lúc đó đã dựa theo các địa hình thiên nhiên để trú ẩn. Và rồi dần dần biết tạo nơi cư trú bằng các vật liệu tìm được từ thiên nhiên như cây, tre. Thức ăn cũng đã thay đổi từ trái cây hoa quả trên rừng đến việc tìm kiếm các món ăn từ biển như cua, sò, ốc...

Từ nền Văn Hóa Hòa Bình, người Việt cổ đã từ từ đi qua các nền văn hóa cổ khác đánh dấu cuộc sống tiến dần đến chỗ chuẩn bị cho sự hoàn thiện về hình dáng con

người, về nơi trú ẩn, về các công cụ sử dụng phục vụ cho đời sống hàng ngày, về cách tổ chức đời sống cá nhân, liên kết giữa các cá nhân...

Bước quan trọng hơn trong cả một quá trình tiệm tiến, đó là tổ tiên chúng ta biết sống quây quần thành từng làng hay những làng lớn hơn. Đây là sự liên kết của từng cá nhân trong một đại gia đình, và các đại gia đình kết tụ tạo thành sự hợp quần của cộng đồng, một tiền đề khai mở sự hình thành các cộng đồng lớn hơn sau này như bộ tộc, và tiến đến thành lập nhà nước sơ khai. Tất nhiên phải cần sự phát triển với độ dài gần mấy ngàn năm.

Thế nhưng đó là sự định hình phôi thai của xã hội Việt Nam với cái nền tảng vững chắc-tự hào-hãnh diện cho sự tồn tại và phát triển sau này của dòng giống Việt.

Không phải tự nhiên mà có được một thời đại Hồng Bàng (nghĩa là cao, rộng, lớn) bao gồm Kinh Dương Vương (Lộc Tục), Lạc Long Quân (Sùng Lãm), và Vua Hùng Thứ Nhất mở đầu cho thời kỳ 18 đời Hùng Vương có quốc hiệu là Văn Lang. Văn Lang cũng là tên của một bộ lạc, một quận, và được chọn làm kinh đô trong thời kỳ Hùng Vương Thứ Nhất, con cả của Lạc Long Quân.

Những kết quả khoa học tìm kiếm được dựa trên các di vật, di cốt xa xưa chứng tỏ rằng, tổ tiên ông bà chúng ta sống còn và vươn lên trong những điều kiện khắc nghiệt khi so sánh sự hiểu biết của con người lúc đó là nhỏ bé, thấp kém với sự bao la và bí ẩn của thiên nhiên vây chung quanh đời sống.

Và sự phát triển nền văn minh độc đáo nhất của tổ tiên chúng ta trong Thời Đại Đồ Sắt là nền Văn Hóa Đông Sơn diễn ra trước Tây Lịch độ 700 năm. Thời điểm này cũng trùng khớp vào sự hình thành nhà nước quân chủ tập quyền đầu tiên của người Việt với thời đại Hồng Bàng, khi xét trên phương diện khoa học lịch sử.

Trong thời kỳ Văn Hóa Đông Sơn (lấy tên từ ngôi làng Đông Sơn, gần sông Mã, tỉnh Thanh Hóa) tổ tiên chúng ta



đã biết chế tạo các dụng cụ bằng đồng tiên bộ hơn nhiều so với công cụ bằng đá xưa kia. Dụng cụ bằng đồng phục vụ cho cuộc sống hàng ngày, cho sản xuất nông nghiệp, và ngay cả chế tạo vũ khí để bảo vệ bản thân, bảo vệ sức mạnh cộng đồng. Cạnh đó, tổ tiên chúng ta cũng đã tổ chức xây thành đắp lũy, như thành Cổ Loa (Đông Anh-Hà Nội) do An Dương Vương Thục Phán kiến tạo.

Đây là một bước tiến dài so với thời gian trước chỉ cư trú trong các kiến trúc đơn giản, rời rạc, không qui mô vững chắc, và thiếu tập trung.

Công cuộc khai quật trong thế kỷ 20 cho thấy nhiều mũi tên bằng đồng được chế tạo sắc xảo, vừa mỹ thuật lại có sức công phá mạnh đáng sợ khi đánh nhau ngoài chiến trường thời triều đại An Dương Vương Thục Phán trong cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, khi viên Tướng Triệu Đà của dân tộc Hán ở Phương Bắc kéo xuống muốn thôn tính lãnh thổ các bộ tộc Việt.

Và độc đáo nhất trong Văn Hóa Đông Sơn là công cuộc phát hiện, khai quật được nhiều trống đồng. Cách chế tạo trống, cách trang trí, chạm khắc trên mặt trống, thân trống chúng tỏ tổ tiên ta khéo léo đôi bàn tay, thông minh trí óc trong việc khai thác kim loại đồng và pha chế hợp kim.

Thành quả kỹ thuật chế tác trống đồng đã xác nhận rõ ràng sự tiến triển của đời sống người Việt cách Tây Lịch độ 700 trăm năm là phong phú về văn hóa, lễ hội, tập quán, tín ngưỡng.

Trống còn được đánh lên âm âm vang vọng giữa ba quân khi chuẩn bị tiến công hay đang đối đầu với giặc Phương Bắc. Tiếng trống trận thúc giục một cách hùng tráng còn cho thấy tổ tiên ta đã thể hiện nghệ thuật nuôi dưỡng hùng tâm chiến đấu, cổ vũ tinh thần quân sĩ, gìn giữ tinh thần dân tộc quật khởi khi phải chiến đấu chống ngoại xâm bảo vệ bờ cõi đất nước Việt.

Khi kết hợp truyền thuyết, dã sử và khảo sát trên phương diện khoa học khảo cổ thì giống nòi Việt Nam

chúng ta đã có điểm xuất phát từ năm 2879 trước Tây Lịch, và còn lùi xa về quá khứ khoảng thời gian gần 20 ngàn năm.

Sự tích tụ nhiều ngàn năm như vậy đã kết tinh trong bản chất người Việt các đặc điểm riêng biệt của một giống dân cần cù, độc lập, sẵn sàng kiên trì đối phó với thiên nhiên để giành lấy sự tồn tại cho chính bản thân dân Việt.

Và như vậy cũng chưa đủ để nói lên sự hình thành và phát triển của một dân tộc vững mạnh có cả một quá khứ lâu dài. Đức tính hợp quần, các cá nhân trong gia đình biết kết đoàn sống chung trong đại gia đình, và các gia đình biết tạo sức mạnh để hợp thành các thị tộc, rồi bộ lạc, và tiến đến xây dựng sự liên kết các bộ tộc.

Điểm cao nhất trong tiến trình kiến trúc xã hội Việt thời cổ là cho ra đời một nhà nước quân chủ tập quyền do Kinh Dương Vương sáng lập với các định chế, bao gồm nhiều bộ tộc, nắm quyền lực chính trị để cai trị vương quốc Việt với các trật tự xã hội ổn định.

Kết quả xây dựng được cuộc sống cộng đồng, vương quốc Việt là thành tựu có được từ một thời gian rất dài, một tiến trình tiệm tiến có điểm xuất phát từ chục ngàn năm về trước, và diễn ra khi dân tộc Việt sống trong độc lập chưa bị giặc Phương Bắc xâm lăng và biến thành thuộc quốc.

Năm 207 trước Tây Lịch là năm khởi đầu cho sự vong quốc và vong thân của dân tộc chúng ta. Nhưng khi lấy cột mốc này so sánh với các thời điểm hình thành và phát triển của cội nguồn Việt Nam thì điểm mốc bị Bắc Thuộc xuất hiện rất trẻ non so với tuổi trưởng thành của cả một dân tộc Việt Nam.

Đây là điểm căn bản tối quan trọng để lý giải một cách hùng hồn rằng, vì sau hơn 1.000 năm bị Bắc Thuộc, dân Việt chúng ta vẫn sống còn và hiên ngang đi tiếp trên con đường kiến quốc cho đến tận ngày nay.

Điểm lại các cột mốc lịch sử, chúng ta thấy ông bà tổ tiên Việt Nam đã tỏ rõ hùng khí như thế nào trước dã tâm thâm độc của ngoại bang Trung Hoa.

Trong quá khứ, chưa tính thời gian đất nước ta bị Đảng Cộng Sản Việt Nam cai trị, thì Việt Nam đã 4 lần bị giặc Tàu xâm lược, rồi đặt nền thống trị với thâm mưu đồng hóa biến dân ta thành dân Hán thuộc và biến nước ta thành quận huyện của họ.

1/ Thời kỳ Hán Thuộc Lần Thứ Nhất từ năm 207 trước Tây Lịch đến năm 40 Tây Lịch. Tổng cộng thời kỳ này có tới 246 năm. Trong giai đoạn này có cuộc khởi nghĩa anh dũng của Hai Bà Trưng nổi lên ở Bắc Ninh. Sau khi Hai Bà điều động nghĩa binh ra uy lực dũng mãnh đánh đuổi Thái Thú Tô Định chạy về Tàu, đất nước ta được sống trong tự chủ từ năm 40 đến năm 43.

Trong cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (Trung Trắc là chị, Trung Nhị là em) có nhiều nữ tướng tham gia và dưới quyền thống lĩnh của Hai Bà. Sự kiện này chứng minh nước Việt có nhiều nhân tài thời đó và đầy lòng yêu nước Việt.

Sau khi đánh bại quân Hán, Hai Bà xưng Vương, và đặt kinh đô tại Mê Linh phía Tây Bắc Hà Nội ngày nay. Hành động chính trị này biểu hiện ý chí tự chủ cao độ của người lãnh đạo quốc gia. Sự kiện này cũng thể hiện Hai Bà muốn tiếp tục con đường mà các Vua Hùng và An Dương Vương Thục Phán đã minh định vào thời kỳ trước: Nước Nam là quốc gia độc lập, có một dân tộc bất khuất sống riêng ở một cõi trời, và có những bậc cai trị nhiều hùng tâm.

Dù rằng, khoảng thời gian 200 năm trước Tây Lịch ở nước ta chưa có sử viết, nhưng chắc chắn là các thế hệ người Việt sống trong giai đoạn nước Âu Lạc bị Triệu Đà xâm chiếm vẫn còn những ký ức tươi rói về thời vàng son của nền độc lập tự chủ của 18 đời Vua Hùng và Thục Phán An Dương Vương.

Và các ký ức, những câu chuyện kể đã được các gia đình người Việt lưu giữ trong sinh hoạt gia đình, dòng họ,

bộ tộc, và rồi ngấm ngấm lan truyền rộng khắp trong xã hội Việt bị Tàu cai trị.

Chính những ký ức, kỷ niệm, những chuyện truyền khẩu như vậy là nguồn chất liệu thật tốt và rất phong phú để nuôi dưỡng tinh thần tranh đấu vươn lên để tồn tại và tiến triển cho nòi giống Việt Nam một khi có cơ hội.

Từ năm 207 trước Tây Lịch cho đến năm 40 Tây Lịch tuy là một khoảng thời gian dài nhưng nó vẫn chưa đủ sức dập tắt nguồn sống của một dân tộc thông minh đã trưởng thành lâu đời và có cả một quá khứ độc lập đáng tự hào.

Thời điểm Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa đánh đuổi giặc ngoại nhân Hán cho thấy rằng sinh lực tồn tại - quyết quật khởi của dân Việt là rất bền chí, đáng khâm phục.

2/ Thời kỳ Hán Thuộc Lần Thứ Hai kéo dài gần 500 năm, từ năm 43 đến năm 541 Tây Lịch. Trong thời kỳ này có cuộc nổi dậy của bậc nữ lưu trẻ tuổi nhưng nuôi chí lớn và tài giỏi hơn người là Bà Triệu (Triệu Thị Trinh người tỉnh Thanh Hóa, 225-248).

Cuộc khởi nghĩa diễn ra vào năm 248, năm Bà Triệu mới có 23 tuổi, và chỉ kéo dài được vài tháng thì bị quân xâm lược Tàu đàn áp tàn bạo không nương tay khiến Bà Triệu thua trận và phải tự sát cho tận lòng với vận nước đang bị giặc dày xéo như chỗ không người.

Thời gian diễn ra cuộc khởi nghĩa của vị anh thư họ Triệu sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng trong vòng hai trăm năm. Do thế, hình ảnh và dư âm của hào khí hùng tráng cuộc nổi dậy diễn ra năm 40 qua truyền miệng vẫn còn đọng trong tâm tư và tiềm thức dân Việt, và chắc chắn rằng cũng đã ảnh hưởng nhiều đến tư tưởng yêu nước và quyết đứng lên đánh giặc cứu nước của Bà Triệu lúc sinh thời.

Trong suốt gần 500 năm, 5 thế kỷ - một thời gian quá dài, bị giặc Tàu cai trị mà dân ta chỉ có một cuộc nổi

dậy do một phụ nữ rất trẻ tuổi, và có tính cương trực, có ý chí, đứng lên lãnh đạo.

Thời kỳ đau thương này không phải nước ta đã hết trai tráng, đàn ông, nhưng đất nước hiếm có những người nam chí khí, mang lý tưởng, dám dấn thân đứng lên mưu việc lớn cứu nước. Thành phần nhu nhược, tầm thường, chỉ biết an phận, trù mèn co rút sống cho bản thân, sống cho qua ngày thì thời nào cũng có.

Thậm chí có kẻ nổi giáo cho giặc ngoại xâm. Cũng không thiếu người có học, có bằng cấp cao, nhưng mang thân đàn ông luôn núp kín sâu dưới quần giặc, làm móng vuốt, làm gián điệp cho giặc để hại người yêu nước, góp tay với giặc làm suy yếu và tiêu diệt công cuộc tranh đấu cho tự do và độc lập của dân tộc.

Thế nhưng, cuối thời kỳ Hán Thuộc Lần Thứ Hai này, lịch sử cha ông chúng ta đã ghi thêm một điểm son rất hãnh diện với cuộc khởi nghĩa của người anh hùng Lý Bí hay Lý Bôn(503-548), sinh quán tại Sơn Tây - Bắc Việt.

Vào năm 541, khi giặc Tàu đã suy yếu, do chính sự tại Trung Hoa nhiễu nhương; trung ương thì tham tàn, đời trụy, bại liệt; dân chúng thì nghèo khổ kêu than không thấu trời cao, giặc nổi lên nhiều như ong bay ra khỏi tổ. Nhân cơ hội ngàn vàng này, anh hùng Lý Bí đã phát cờ khởi nghĩa, kêu gọi dân chúng nổi lên đánh đuổi ngoại xâm Tàu đầy hung hiểm để quyết chí giành lại quyền tự chủ cho dân Việt.

Người anh hùng dân tộc Lý Bôn đã chọn đúng thời cơ nổi dậy. Giặc suy yếu, ta thì hưng phấn tràn đầy sinh lực, lại chưa chán niềm hy vọng mãnh liệt được sống trong một nước Việt tự chủ không có bóng dáng ngoại nhân Tàu tham lam. Và cuộc khởi nghĩa thành công huy hoàng.

Dù thời kỳ vàng son trong vị thế độc lập của Nhà Tiền Lý với quốc hiệu Vạn Xuân không kéo dài được lâu, chỉ 58 năm kể cả giai đoạn của Việt Vương Triệu Quang Phục, và Hậu Lý Nam Đế nắm quyền.

Tuy nhiên giai đoạn quật khởi do người anh hùng Lý Bôn khởi xướng đã đốt cháy lên ngọn lửa ái quốc rùng rục nóng cho toàn thể dân tộc Việt trong đêm trường nô lệ giặc Hán. Đây được coi là luồng sinh khí rất phấn khởi cho dân Việt sau hàng trăm năm chán chường bị ngoại bang đè đầu cỡi cổ.

Và thời tự chủ của anh hùng dân tộc lý Bôn cũng nuôi dưỡng sự tự hào cho dân Việt rằng, người Việt dù khi yếu thế và bị ngoại bang thống trị nhưng trong lòng mãi mãi nuôi cảm hờn chờ một ngày có cơ hội quyết chí vùng dậy rửa quốc hận, thu lại giang sơn, đánh cho bọn xâm lược một trận khiếp vía kinh hồn phải rủ nhau 3 chân 4 cẳng chạy trốn chết về đất tổ của chúng.

Hành động xung đột năm 544 - Lý Nam Đế - của anh hùng Lý Bôn cũng cho Trung Hoa thấy rằng, Việt Nam là một nước nhỏ nhưng kiêu hùng, rạng rỡ, vẫn có Hoàng Đế cai trị chứ không riêng gì Trung Hoa to lớn mới có đế hiệu. Và rằng Việt Nam và Trung Hoa là hai thực thể quốc gia ngang nhau, Việt Nam không bao giờ là một thuộc quốc của Trung Hoa, chứ đừng nói đến chuyện Việt Nam bị thôn tính diệt vong để trở thành một quận huyện của Tàu.

Hành Động xung đột của anh hùng Lý Bôn thật khí phách, thể hiện bản lĩnh can trường của người lãnh đạo chính trị của quốc gia Việt Nam trước hiểm họa xâm lược của giặc Phương Bắc thâm hiểm tham lam.

3/ Thời kỳ Hán Thuộc Lần Thứ Ba kéo dài 303 năm, từ năm 602 đến năm 905. Trong giai đoạn vong quốc đen tối này, dân tộc ta có hai cuộc nổi dậy đánh Tàu. Cuộc khởi nghĩa thứ nhất xảy ra vào năm 713 do Mai Thúc Loan lãnh đạo. Ông sinh ở Nghệ An . Người anh Hùng Mai Thúc Loan sau xưng là Mai Hắc Đế. Thời kỳ độc lập ngắn ngủi này kéo dài được 10 năm. Ông mất vào năm 722.

Cuộc khởi nghĩa thứ hai do người anh hùng dân tộc Phùng Hưng phát cờ. Anh hùng Phùng Hưng người Đường Lâm - Sơn Tây. Cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo đã xảy ra vào khoảng các năm 766 - năm 779, đến năm 791 thì ông chiếm được thành Đại La (Hà nội) và đuổi quân Tàu về

nước. Thời gian tiến hành cuộc kháng chiến chống Tàu kéo dài gần 20 năm. Anh hùng Phùng Hưng về sau được suy tôn là Bồ Cái Đại Vương.

Thời kỳ cai trị của người anh hùng Phùng Hưng và con ông là Phùng An chỉ kéo dài không được 10 năm. Do giặc Đường hung bạo và luôn muốn đè bẹp dân tộc ta làm nô lệ cho Tàu và xóa bỏ sự hiện hữu của quốc gia chúng ta. Vì thế khi họ thấy dân tộc Việt có người lãnh đạo nổi dậy liền bày mưu sâu tính kế độc để mang quân trở lại lần nữa, tìm cách đánh bại và giành lại sự thống trị.

Vào giai đoạn của hai vị anh hùng dân tộc Mai Thúc Loan và Phùng Hưng, sử Việt không có nhiều dữ kiện chính xác về năm sinh, năm mất, thời gian khởi nghĩa đánh quân xâm lược Tàu...Tuy nhiên điểm quan trọng nhất mà cá nhân chúng tôi viết ra ở đây là tinh thần tranh đấu chống ngoại xâm hết sức đáng kính phục của tiền nhân chúng ta để cho dân tộc chúng ta được sống còn trong độc lập, tự chủ và vinh quang ngẩng đầu lên.

Hơn 100 năm sau, lúc Trung Hoa lại rơi vào loạn lạc, tranh bá đồ vương, một truyền thống đậm nét tương tranh dữ dội một cách ác độc của người Hán, thì một vị anh hùng khác của đất Việt là Khúc Thừa Dụ(?-907) người Hải Dương đã nhân cơ hội giặc cai trị suy yếu và trở thành hèn nhát nên tìm cách chiếm quyền.

Thời gian cai trị ngắn(905-907) và chưa xưng vương hay đế hiệu, tuy nhiên người anh hùng Khúc Thừa Dụ đã mở đường tự chủ cho dân Việt. Và giai đoạn ngắn sau đó, những người đi sau ông đã có cơ hội giành lại nền độc lập thật sự cho nước ta, đặc biệt là bậc đại anh hùng Ngô Quyền(898-944)lãnh đạo quân dân Việt đánh đại bại quân xâm lược Nam Hán trên giòng sông Bạch Đằng lưng danh kim cổ.

Trong vòng 4 thập niên đầu thế kỷ thứ 10 với sự nổi dậy của Khúc Thừa Dụ và sau đó là Ngô Quyền(xung vương năm 939) chúng tỏ sự trưởng thành của dân Việt về tinh thần độc lập tự chủ. Sự thành công của hai người anh hùng có thanh danh lưng lầy nói trên đã khai mở thời

kỳ hết sức huy hoàng cho nước Việt với các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Nguyễn.

Tinh thần can trường bền bỉ này khẳng định giặc Tàu đã đại thất bại khi vô cùng cuồng ngông và ngạo mạn định tiêu diệt sức sống của dân Việt cũng như thẳng tay xóa sổ lãnh thổ Việt Nam.

4/ Thời kỳ Hán Thuộc Lần Thứ Tư chỉ có một thời gian hết sức ngắn là 20 năm từ năm 1.407 đến năm 1.427. Nền cai trị của giặc ngoại xâm đã bị người anh hùng áo vải đất Lam Sơn- Thanh Hóa là Lê Lợi nổi lên đánh đổ một cách thảm hại và nhục nhã ê chề. Từ đó chấm dứt sự cai trị của giặc Phương Bắc. Tuy thế **họ không bao giờ và không bao giờ** từ bỏ ý định lấn chiếm đất và lãnh hải của chúng ta.

Thời điểm khởi nghĩa của người anh hùng Lê Lợi, dân tộc chúng ta đã tích lũy được rất nhiều về kinh nghiệm tranh đấu chống ngoại xâm của tiền nhân, cũng như phát triển về dân số và trưởng thành nhiều về nhận thức chung là phải xây dựng nền tự chủ, cũng như định hình vững chắc cho quốc gia Việt Nam riêng biệt ở phía Nam Trung Hoa, và vì thế ngoại xâm không thể trú đóng hoành hành ngang ngược trên đất nước ta quá lâu như 3 thời kỳ Hán Thuộc trước đó.

Phân tích về từng thời kỳ bị Hán Thuộc và các cuộc nổi dậy giành độc lập tự chủ của dân tộc Việt, chúng ta thấy rằng: Khi nước ta bị ngoại nhân Triệu Đà chinh phục năm 207 trước Tây Lịch cho tới khi anh hùng Lý Bôn dựng cờ khởi nghĩa năm 541 Tây Lịch, tổng cộng là 748 năm, nhưng chỉ có 4 cuộc khởi nghĩa lớn của các bậc đại chí như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bôn, và Dạ Trạch Vương Triệu Quang Phục. Như vậy, tính trung bình trong khoảng thời gian 200 năm mới có một cuộc khởi nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa của Triệu Quang Phục sau năm 541, tuy nhiên vì gắn liền với sự nghiệp bảo vệ quyền tự chủ độc lập từ thời Lý Nam Đế nên cá nhân chúng tôi cũng đưa vào giai đoạn này.



Sau thời kỳ đất nước Việt có mỹ danh là Vạn Xuân do Lý Nam Đế Lập ra và Triệu Việt Vương từ năm 544 đến 602 thì trong thế kỷ thứ 8, dân tộc chúng ta chứng kiến hai cuộc nổi dậy của hai vị anh hùng dân tộc là Mai Thúc Loan(713) và Phùng Hưng(791). Nhịp độ nổi dậy trong 100 năm của thế kỷ thứ 8 nhiều hơn thời kỳ từ hai vị Trưng Nữ Vương đến anh hùng Lý Bôn.

Và đầu thế kỷ thứ 10, năm 905, tức chỉ sau cuộc khởi nghĩa của anh hùng Phùng Hưng khoảng hơn 100 năm, đất nước ta lại chứng kiến sự trỗi dậy bất khuất kiên cường của người anh hùng Khúc Thừa Dụ. Và từ đó đến khi anh hùng dân tộc Ngô Quyền giành quyền độc lập tự chủ dài lâu cho đất nước Việt(năm 939), chỉ trong vòng có 3 thập niên.

Dẫn giải khoảng thời gian các cuộc khởi của những bậc anh thu, anh hùng nước Việt trong hơn 1.000 năm nước ta bị giặc Tàu thống trị cho thấy rằng, dù các cuộc khởi nghĩa ít hơn so với thời gian bị trị quá dài, tuy nhiên dân tộc ta vẫn âm ỉ giữ sức đề kháng chống ngoại xâm, chứ không bị tắt lịm trước sức mạnh thống trị hết sức dã man của giặc Tàu.

Sự kiện có quá ít cuộc nổi dậy so với một thời gian rất dài gót giày của giặc Tàu đập mạnh trên đầu dân Việt, đè nặng trên quê hương chúng ta, có thể do nguyên nhân lúc đó dân tộc chúng ta có dân số ít, nhân tài không nhiều, và cũng có rất nhiều người dân cam chịu sống thụ động, yên thân trước sự áp bức hống hách của ngoại bang.

Tổng cộng qua 4 thời kỳ bị Hán thuộc, đất nước chúng ta bị sống trong gông cùm của quân xâm lược Phương Bắc là 1.067 năm trường. Thật là quá khủng khiếp. Chắc hẳn dân tộc ta là một trong các dân tộc hiếm hoi trên thế giới bị ngoại bang xâm chiếm và thống trị một thời gian quá lâu như vậy.

Cũng thật là may mắn và kỳ diệu, hơn 1 ngàn năm sống trong nhà tù vong quốc, vong thân, thế mà dân tộc ta không bị đồng hóa và bị tiêu diệt để trở thành dân Hán

như sự thiết tha mong đợi của bầy giặc Tàu xâm lược hung hiểm.

Trong sự may mắn và kỳ diệu đó, không thể không nói đến ý chí tranh đấu cho sự sinh tồn của dân Việt là vĩ đại trên thế giới này.

**II/ Tín Ngưỡng Việt - Đạo Tổ Tiên - Đạo Ông Bà - Nguồn  
Lực Tinh Thần Thiêng Liêng Ràng Buộc Mỗi Người Việt  
Cần Tu Thân Cầu Tiên Hoàn Thiện Cá Nhân Để Tranh Đấu  
Trong Cuộc Sống Và Cùng Hướng Đến Giống Nòi Việt Và  
Một Nước Việt Thống Nhất Vững Mạnh:**

Lãnh thổ, lãnh hải, cuộc sống xã hội của dân tộc Việt Nam không những bị ngoại bang xâm lược bằng sức mạnh quân sự, trong suốt chiều dài lập quốc và dựng nước, mà còn có nhiều nền văn hóa và tôn giáo bên ngoài thâm nhập vào bằng các hình thức khác nhau, ôn hòa có, áp đặt cũng có.

Thế nhưng, dân tộc tính của người Việt Nam vừa luôn chống cự quyết liệt với bạo lực của ngoại xâm để tồn tại, lại vừa biết mềm dẻo thích nghi, tinh lọc cái hay của ngoại nhân để làm giàu cho cuộc sống tư tưởng của dân tộc nhưng vẫn giữ bản sắc riêng của chúng ta.

Tổng duyệt lại những giòng tư tưởng, các tín ngưỡng bên ngoài đi vào Việt Nam trong thời gian gần 2 ngàn năm qua, hay nội sinh tại nước ta trong đầu thế kỷ 20, chúng ta ghi nhận có những điểm chính sau.

Những tôn giáo như Phật Giáo Đại Thừa, Khổng Giáo, Lão Giáo, 3 tôn giáo này được gọi là Tam Giáo, đã hiện diện trong đời sống tín ngưỡng người Việt từ lâu. Phật Giáo Đại Thừa còn được gọi là Bắc Tông hay Cổ Xe Lớn, xuất hiện từ thế kỷ thứ nhất Công Nguyên (Tây Lịch), có nhiều tại Trung Hoa, Nhật, Triều Tiên.

Các tôn giáo khác như Thiên Chúa Giáo La Mã, Tin Lành; và những tôn giáo nhỏ hơn như Islam, Phật Giáo Tiểu Thừa (hay Nam Tông còn được gọi là Cổ Xe Nhỏ hoặc phái chính thống, có nhiều tại Miến Điện, Thái Lan, Cam

Bồ-t.) cũng đã đến Việt Nam trong vài thế kỷ gần đây hoặc vào đầu thế kỷ 20.

Riêng hai tín ngưỡng Cao Đài Giáo, Phật Giáo Hòa Hảo là do người Việt khai sinh bên trong lãnh thổ Việt Nam vào đầu thế kỷ 20, và nội dung lý thuyết đạo có phần chịu ảnh hưởng từ các tôn giáo ngoại nhập.

1/ Phật Giáo được Đức Siddhartha Gautama (563-480 trước Tây Lịch) thành lập ở Đông Bắc Ấn Độ (thuộc quốc gia Nepal hiện nay). Học thuyết trung tâm là "Kiếp" (Karma). Những lời dạy căn bản của Đức Phật chứa đựng trong "Tứ Diệu Đế" bao gồm Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế, Đạo Đế".

"Tứ Diệu Đế" cho rằng tất cả sự tồn tại đều đau khổ, nguyên nhân của đau khổ là dục vọng, thoát khỏi khổ đau là Niết Bàn, và Niết Bàn chỉ đạt tới thông qua Bát Chánh Đạo gồm Chính Kiến, Chính Tư Duy, Chính Ngữ, Chính Nghiệp, Chính Mệnh, Chính Tinh Tiến, Chính Niệm, Chính Định.

Phật Giáo ngày nay lan rộng khắp Châu Á và cả thế giới, nhiều người Phương Tây tìm hiểu và theo đạo.

Có hai hình thức Phật Giáo tại Việt Nam, Phật Giáo Đại Thừa và Phật Giáo Tiểu Thừa. Phái Đại Thừa đầu tiên truyền bá từ Trung Hoa vào vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ Việt Nam bị Trung Hoa xâm lược và cai trị, phát triển mạnh thời Nhà Lý ở thế kỷ 11, và tiếp tục là giáo phái Phật Giáo có đông tín đồ nhất ở VN.

Trong khi đó Phật Giáo Tiểu Thừa từ Ấn Độ tới vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Miền Nam VN, sau thời gian phái Đại Thừa thâm nhập xã hội VN. Hiện nay đồng bào ở đồng bằng sông Cửu Long phần đông theo Phật Giáo Tiểu Thừa.

2/ Khổng Giáo hay Nho Giáo do Đức Khổng Tử sáng lập. Đức Khổng Tử có tên là Khuu tự Trọng Ny, người Nhà Chu nước Lỗ (551-479 trước Công Nguyên). Ông từng làm quan nước Lỗ, bắt đầu chí bèn đi chu du các nước, thời đó Trung Hoa bị phân liệt thành nhiều nước nhỏ. Về sau

ông trở về nước Lỗ soạn lại Kinh Thi, Kinh Thư, định Kinh Lễ, Kinh Nhạc, phê bình Kinh Dịch, làm Kinh Xuân Thu, học trò có hơn 3.000 người.

Nho theo nghĩa chữ Hán là cao lớn, người rõ cả thiên văn địa lý. Ngày nay chữ nho có nghĩa là người có học thức. Nho giả là người theo Nho Giáo.

Tác Giả Nguyễn Hiến Lê nhận xét về Đức Khổng Phu Tử trong tác phẩm Sử Trung Quốc như sau:

“Ông chủ trương vua phải là người có tài, đức; ngôi vua không truyền cho con mà truyền cho người hiền như Nghiêu truyền cho Thuấn, Thuấn cho Vũ; nhưng thời ông, sự truyền tử đã có từ lâu đời, không thể bỏ được; ông chỉ có thể cải thiện chế độ, đào tạo những kẻ sĩ có tài, để giúp bọn quý tộc và lần lần thay họ mà trị nước.

Những kẻ sĩ đó đều được tuyển trong dân chúng, và từ Hán, Đường trở đi, chế độ quân chủ Trung Hoa có tính cách sĩ trị, không còn giai cấp quý tộc cha truyền con nối nắm hết các chức vụ lớn ở trong triều, ngoài quận nữa. Đó là một tiến bộ rất lớn, người phương Tây phải khen”.

Theo Đài VOA của Hoa Kỳ thì vào đầu tháng 8/năm 2014, chính quyền Trung Cộng đã thành lập được 440 Học Viện Khổng Tử và 646 lớp học về Khổng Tử ở tại Mỹ và nhiều nơi trên thế giới. Các cơ quan văn hóa này hoạt động theo chỉ thị của Bộ Chính Trị Trung Cộng.

Khi Cộng Sản Trung Hoa mới chiếm được chính quyền vào năm 1949, Mao Trạch Đông từng chỉ trích, chê bai Khổng Tử. Tư tưởng Khổng Tử đại diện cho nền quân chủ tập quyền. Tư tưởng Cộng Sản đại diện cho thể chế độc tài đảng trị tuyệt đối. Quân chủ tập quyền thống trị xã hội bằng một dòng họ, lấy tư tưởng Khổng Giáo nền tảng. Cộng Sản độc tài thống trị xã hội bằng một hệ thống đảng trị chuyên quyền và lấy chủ nghĩa Marx-Lenin làm nền tảng.

Đối với Đảng Cộng Sản Trung Hoa, tư tưởng, chủ thuyết Cộng Sản dành cho họ cơ hội bằng vàng để biện giải cuộc chiến đấu đổ xương đổ máu hầu tranh giành cho bằng được quyền lực quốc gia. Sau khi nắm được quyền lực, đầu óc bảo thủ, mà cũng là bản chất của con người, chỉ nghĩ đến ngai vị khiến những người lãnh đạo đảng vẫn luôn tự coi họ là Hoàng Đế dù không xưng ra công khai.

Đảng Cộng Sản, chủ nghĩa Cộng Sản là sự kết hợp tuyệt đối lạc hậu giữa quân chủ tập quyền ngày xưa và hệ thống đảng trị hiện đại.

Chủ trương cho thành lập các học viện và lớp học về Khổng Tử chỉ là một phương cách muốn gây ảnh hưởng của Trung Cộng ra thế giới bên ngoài với ảo tưởng rằng họ là đại cường, là vương, là bá, ở trên đầu loài người hiện nay. Tuy nhiên còn lâu nền văn hóa của Trung Cộng mới gây sự chú ý, chứ khoan nói đến chuyện thâm nhập được vào các xã hội tiến bộ tôn trọng nhân quyền, dân chủ, quyền tự do cá nhân, quyền sáng tạo đóng góp nhiều ích lợi cho xã hội.

Hành động của Trung Cộng cho xây dựng Học Viện Khổng Tử ở nhiều nơi trên thế giới cũng chỉ là ảo vọng của những kẻ cuồng tưởng.

3/ Lão Giáo được Lão Tử (Ngài có tên gọi là Đam) thành lập vào thế kỷ thứ 6 BC (trước Công Nguyên), đồng thời với Đức Khổng Tử. Khái niệm trung tâm và mục tiêu là Đạo (có nghĩa là con đường), bộ sách quan trọng nhất là Đạo Đức Kinh. Khác với triết lý dẫn thân hành động cứu đời của Khổng Giáo, Lão Giáo nhấn mạnh tới sự chiêm nghiệm nội tâm, chủ trương thuyết "Vô Vi" tức không hành động mà để cho sự việc diễn tiến theo hướng tự nhiên của nó.

Khổng Giáo và Lão Giáo là hai triết thuyết chính của tư tưởng Trung Hoa. Giống như Khổng Giáo, Lão Giáo vừa mang tính chất tư tưởng vừa mang tính tôn giáo.

4/ Jesus (Jesus Christ hay Jesus Nazareth) là nhân vật trung tâm của Thiên Chúa Giáo, một người Do Thái, con

của Bà Mary, sống tại Palestine vào lúc khởi đầu thế kỷ thứ nhất Công Nguyên. Vào khoảng năm 28-30 Công Nguyên, Đức Jesus Nazareth hướng dẫn một sứ mệnh thuyết giáo và chữa lành bệnh (với tường thuật huyền diệu) được mô tả trong Kinh Tân Ước, và rồi bị bắt giữ, bị đóng đinh trên Thập Tự Giá.

Những người theo đạo xem Đức Jesus Nazareth là Chúa Cứu Thế và con của Thượng Đế, và niềm tin về sự tái sinh của Jesus Christ từ cõi chết như được ghi chép trong Sách Phúc Âm (4 quyển sách đầu tiên trong Kinh Tân Ước) trở thành một giáo điều trung tâm của Thiên Chúa Giáo.

Thiên Chúa Giáo ngày nay là tôn giáo được truyền bá rộng rãi nhất trên thế giới với hơn một tỉ người theo. Đạo này bị phân chia thành nhiều học phái và giáo phái, các phân chia chính là Thiên Chúa Giáo La Mã, Tin Lành, và Chính Thống Giáo Phương Đông.

Đầu tiên những người theo Đạo Thiên Chúa là tín hữu một giáo phái Do Thái, những người tin rằng Ngài Jesus Nazareth là Chúa Cứu Thế (hay Christ). Phần lớn nhờ vào cố gắng của Thánh Tông Đồ Paule (Thánh Paule), nên đạo nhanh chóng trở thành tổ chức độc lập, chính yếu là những người không phải Do Thái.

Thánh Tông Đồ chỉ dùng để nói đến 12 người đệ tử đầu tiên của Chúa Jesus, nhưng Thánh Paule không thuộc 12 vị đệ tử đầu tiên, về sau từ ngữ này để chỉ những nhà truyền giáo.

Đầu thế kỷ thứ nhất của Công Nguyên, Thiên Chúa Giáo trải qua những cuộc ngược đãi trong đế quốc La Mã, mặc dù không có cơ sở pháp lý rõ ràng về điều này, cho tới khi có sự thống trị của Hoàng Đế Decius (năm 250 Công Nguyên). Khoảng thế kỷ thứ 3 Công Nguyên, Thiên Chúa Giáo được truyền bá khắp đế quốc La Mã. Trong năm 313, Constantine chấm dứt sự ngược đãi. Và trong năm 380, Theodosius I công nhận Thiên Chúa Giáo là quốc giáo.

Còn ở Việt Nam, lúc khởi đầu vào thế kỷ 16, Thiên Chúa Giáo được truyền vào xã hội thông qua các đoàn truyền giáo. Và sau này được củng cố ảnh hưởng khi Việt Nam bị Pháp cai trị.

Thực dân Pháp khuyến khích truyền bá Thiên Chúa Giáo vì họ nghĩ điều này có thể cân bằng với ảnh hưởng Phật Giáo trong xã hội Việt Nam, và chủ trương của thực dân cũng là để ủng hộ cho văn hóa Phương Tây. Nhà truyền giáo Alexandre De Rhodes đã tạo ra hệ thống chữ viết sử dụng mẫu tự La Tinh, sau này trở thành Quốc Ngữ của Việt Nam.

5/ Cao Đài là một tôn giáo được thành lập vào năm 1.926 ở Miền Nam VN trong thời Pháp Thuộc. Ông Phạm Công Tắc (1.890-1.959) là một trong những người sáng lập đạo. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc phải sống lưu vong tại Nam Vang-Cam Bốt năm 1.956 vì tình hình chính trị ở Miền Nam. Ông mất tại Nam Vang năm 1.959.

Cao Đài là một kiểu mẫu Phật Giáo cải cách với những nguyên tắc dựa trên Khổng Giáo, Đạo Giáo, và Thiên Chúa Giáo. Đạo Cao Đài được phổ biến ở nông thôn Nam Việt Nam. Trải qua nhiều thăng trầm của sự diệt đạo nhưng Cao Đài ngày này vẫn phát triển đức tin ra nhiều nơi trên thế giới.

6/ Người sáng lập Đạo Phật Giáo Hòa Hảo là Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ sinh ngày 25 tháng 11 năm Kỷ Mùi (1920) tại làng Hòa Hảo, tỉnh Châu Đốc, một tỉnh giáp biên thù Việt-Cam Bốt.

Đạo được thành lập năm 1939 tại làng Hòa Hảo, Tân Châu, tỉnh Châu Đốc.

Hiện nay rất nhiều đồng bào sinh sống ở Miền Tây Nam Phần theo Đạo Hòa Hảo và trong lòng luôn kính trọng Đức Thầy đã bỏ công lớn sáng lập đạo.

Hai giáo phái nổi tiếng như Phật Giáo Hòa Hảo và Cao Đài là hai tôn giáo được khai sinh bên trong lãnh thổ Việt Nam.

Xét qua sự thành lập các tôn giáo lớn và lâu đời trên thế giới, cũng như cuộc đời hoạt động vì đạo giáo của các giáo chủ những tôn giáo như Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo, Khổng Giáo, Lão Giáo đều có nguồn gốc từ châu Á, và rồi lan rộng khắp thế giới.

Điều này chứng tỏ Châu Á ngày xưa là nơi phát sinh các tư tưởng lớn, các niềm tin tín ngưỡng tâm linh nhằm duy trì đạo đức cá nhân và xã hội, vị tha, bao dung, hướng đến cuộc sống dân tộc, nơi khai mở đạo, và cũng hướng đến cho cả loài người.

Về sau này, Thiên Chúa Giáo đã phát triển mạnh nhất ở Châu Âu và Mỹ Châu. Đi liền với sự kiện này, chúng ta thấy rằng các dân tộc Châu Âu và Mỹ Châu lại tiến bộ, văn minh hơn các dân tộc Châu Á về mặt đời sống vật chất, khoa học, và nhân quyền.

Tất nhiên, đây là các câu hỏi lớn dành cho các dân tộc có bề dày lịch sử và có vị thế rất tầm vóc ở châu Á như Trung Hoa, Nhật, Ấn Độ; cũng như các quốc gia lớn ở Trung Đông, Ả Rập.

Những nước có nền văn minh, văn hóa lâu đời tại Châu Á như Việt Nam cũng phải tìm câu trả lời cho vấn đề này.

Lịch sử lập quốc của Hoa Kỳ chưa được 300 tuổi, quá nhỏ nhoi so với giòng lịch sử gần 5.000 năm lập quốc của Việt Nam. Thế nhưng Mỹ là siêu cường số 1 trên quả địa cầu này.

Còn Việt Nam là nước lạc hậu về phát triển kinh tế, nhân lực thì đông, ruộng lúa thì nhiều, nhưng nhà nước cứ ngửa hai tay xin ngoại nhân viện trợ hàng năm, và đặc biệt là đứng hàng đầu về vi phạm nhân quyền. Nguyên nhân là tại người Việt ngu hơn người Mỹ??? Chắc chắn là không. Tại vì chế độ cai trị, tại hàng ngũ cầm đầu Cộng Sản không có cái đầu bình thường như người Mỹ.

Các đạo giáo bên ngoài hay nội sinh đã đi vào đời sống tinh thần người Việt lâu đời và được dung hợp theo văn hóa, tập tục, truyền thống người Việt. Bên cạnh đó,



một điều rất quan trọng, đó là rất nhiều người Việt vẫn tự coi mình là người thờ Đạo Tổ Tiên, chăm lo gìn giữ thuần phong mỹ tục Việt Nam, kính trọng anh hùng, danh nhân nước Việt, xem trọng điều nhân nghĩa, ái quốc thương dân.

Đạo Tổ Tiên hay Đạo Ông Bà là của người Việt, của dân tộc Việt. Đạo đã ra đời và tồn tại cùng với cuộc sống người Việt từ trên 5000 năm trước. Đây là một dạng tín ngưỡng dân gian được khai sinh và đồng hành trong cuộc hành trình sinh trưởng của dân tộc Việt.

Chấn chấn không thể xác định thời điểm ra đời của Đạo Ông Bà là vào năm nào. Không giống như các đạo giáo khác được thành lập bởi một cá nhân có các đức tính tốt hơn người bình thường và sau đó được người theo đạo đời sau tôn sùng như vị giáo chủ khai sáng đạo, hay như thần thánh, Đạo Ông Bà ở Việt Nam ra đời do nhu cầu cuộc sống tâm linh của dân Việt, và có nguồn gốc tập thể là các tiên nhân Việt.

So với các tín ngưỡng bên ngoài du nhập vào đất Việt từ trước tới nay thì Đạo Ông Bà có nguồn gốc lâu đời nhất và vẫn tồn tại, phát triển tốt đẹp cho đến ngày nay trong xã hội Việt.

Các kết quả khai quật khảo cổ cho thấy, trên mặt trống đồng Đông Sơn, bên cạnh hình tượng ngôi sao 12 cánh hay 14 cánh, còn có nhiều hình dạng được chạm khắc như giã gạo, thờ cúng, chữ viết...

Đặc điểm này còn chỉ ra cho chúng ta thấy rằng vào thời điểm độ 1000 năm trước Tây Lịch, ông bà chúng ta đã có sinh hoạt tín ngưỡng. Tất nhiên đây là Đạo Ông Bà của người Việt.

Và thời điểm dân Việt chế tạo được trống đồng Đông Sơn cũng không phải là điểm xuất phát của việc khai dụng đạo. Bởi vì các hình chạm khắc trên mặt trống đồng chỉ ghi lại hình ảnh thờ cúng từng diễn ra trong cuộc sống tinh thần người Việt trước đó mà không xác định được thời gian.

Từ thời xa xưa diễn ra trước thời kỳ của nền Văn Hóa Đông Sơn, khi cha ông chúng ta hình thành được cuộc sống cộng đồng như các thị tộc, bộ lạc, đến bộ tộc, rồi thành lập xã hội thời sơ khai, và tiến đến định hình cuộc sống dân tộc chúng ta ở mức độ hợp quần cao nhất là thành lập nhà nước quân chủ tập quyền đầu tiên thì Đạo Ông Bà đã ra đời trong khung cảnh tiệm tiến như thế đi liền với từng chặng đường tiến triển của dân tộc Việt.

Từ khi biết hợp quần để che chở lẫn nhau trước sức mạnh huyền bí của thiên nhiên vây quanh, các hoạt động bình thường và tự nhiên trong đời sống cộng đồng người Việt cổ vẫn diễn ra theo thời gian trôi đi như lấy chồng lấy vợ, sinh sản, xây dựng cuộc sống gia đình, sản xuất lương thực, tổ chức cuộc sống cộng đồng, chết đi, rồi lại ra đời, thế hệ sau nối tiếp thế hệ trước.

Khi đã biết chôn cất người chết, tiếc thương người đã khuất, các thế hệ sau luôn nhớ đến những người đi trước tạo dựng cho cuộc sống cho mình hiện nay.

Thời gian cứ đi tới, dần dần người Việt cổ hình thành thói quen và rồi đến tập quán tốt đẹp là mang ơn nghĩa người đi trước. Hành động thờ phụng, tôn kính nhiều di sản tinh thần và vật chất của các thế hệ trước tích lũy dần để cho ra đời một tín ngưỡng dân gian của người Việt cổ.

Đạo Ông Bà được khai sinh trong khung cảnh như thế và trải qua rất nhiều thời gian để có sự hoàn chỉnh như ngày hôm nay mà chúng ta được tiếp nhận, nhận thấy, chiêm ngưỡng, và nỗ lực duy trì, phát triển đạo.

Tiến trình đạo ra đời cũng là theo qui luật tất nhiên. Đời sống vật chất của cá nhân, gia đình, xã hội phát triển, người sinh sản đông hơn, sự kết đoàn mạnh hơn khi nhiều làng xóm, thị tộc, bộ lạc được hình thành, thúc đẩy người Việt cổ phát triển đời sống tâm linh để hướng đến sự tìm hiểu thiên nhiên bao quanh mình, và suy nghĩ về chỗ đứng của mỗi người đang sống, về một cõi khuất bên ngoài hiện tại, trong khung cảnh vũ trụ mênh mông so với kiến thức hạn chế của người ta.

Đời sống hữu thần là một mặt không thể thiếu trong đời sống đa dạng của loài người.

Đạo Ông Bà của người Việt không có hệ thống lý thuyết siêu đẳng đến độ khó hiểu đối với những người bình thường, không có điện thờ uy nghi, cao lớn, xa xỉ, cũng không có những buổi lễ nghi tôn giáo nhiều màu sắc, rườm rà.

Từ thời cha ông chúng ta ngày xưa và được truyền đến cho tận hôm nay thì Đạo Ông Bà chỉ dạy khuyên mọi người Việt nên ăn ở cho phải đạo lý, trọng nhân nghĩa, biết hiếu thảo với cha mẹ, biết thương yêu gia đình, biết tu thân cho lương thiện, sống có trách nhiệm với xã hội, và trung thành với quốc gia dân tộc.

Đạo Ông Bà giáo dục người Việt nên giữ thuần phong mỹ tục của cha ông, nên nhớ công lao người đã khuất từng bỏ công đóng góp và hy sinh cho gia đình, xã hội, đất nước.

Làm được điều này để nhớ đến công đức to lớn của hàng ngàn thế hệ tiền nhân trước đây đã hy sinh biết bao công sức, thậm chí hy sinh cả cuộc đời, xương máu để khai phá, tô đắp, gìn giữ, phát triển quê hương Việt Nam từ nhiều ngàn năm qua.

Dân Việt có lòng hiếu hòa và khoan dung, dù Đạo Tổ Tiên đã hình thành và phát triển trước, nhưng khi các đạo giáo bên ngoài đến nước ta thì vẫn được tiếp nhận, sau đó cộng tồn với Đạo Ông Bà, chứ người Việt không có sự bài bác tôn giáo khác hay tìm cách hủy diệt để Đạo Tổ Tiên giành chiếm vị thế độc tôn trong xã hội Việt.

Với cách thực hành thành kính, trang nghiêm, thường diễn ra trong không gian âm cúng thân thương của gia đình vào ngày giỗ, ngày cưới, ngày có đám tang, ngày sum họp gia đình; hay diễn ra trong dịp Tết cổ truyền, ngày hội truyền thống tại các địa phương, lễ tưởng nhớ ghi công ơn anh hùng anh thư dân tộc, những ngày kỷ niệm lễ chiến thắng vẻ vang của dân tộc trong lịch sử

chống ngoại xâm; vì thế Đạo Ông Bà thấm đậm vào lòng người Việt.

Và vì mang giòng máu Việt nên mọi người Việt rất gần gũi với tín ngưỡng dân tộc. Không ai có thể rời bỏ cuộc sống gia đình. Không ai lớn lên, lập nên danh phận mà không nhờ công sức dạy dỗ của gia đình và cha mẹ. Không ai trưởng thành trên đất nước Việt mà không nhớ đến cơm gạo, sông nước, động thực vật, vật chất, sự liên đới trong xã hội đã ban cấp cho mình sống còn và khôn lớn.

Và không một người Việt nào khi đã có đầu óc hiểu biết lại quên đi được công lao tạo dựng của ông bà, cha mẹ trong gia đình dòng họ mình, và xa hơn là các bậc tiền nhân của đất nước đã tạo nên giang sơn rộng lớn tươi đẹp để mình có một không gian quê hương Việt sinh tồn và phát triển nhân cách, tài năng.

Ngày xưa thì tổ tiên chúng ta chưa xác định được ý nghĩa của các hoạt động chính trị về mặt khảo sát khoa học mặc dù đang thể hiện hành vi có ý nghĩa chính trị qua diễn tiến lập guồng máy cai trị xã hội dưới hình thức nền quân chủ tập quyền. Thời xa xưa đó, tổ tiên chúng ta chỉ biết nỗ lực để tồn tại trước hiểm họa thiên nhiên hay ngoại xâm đe dọa sự sống của cá nhân, của gia đình, của cộng đồng.

Trong suốt chiều dài sinh trưởng của dân Việt, có một cột mốc lịch sử được khắc ghi bằng dấu son đỏ đậm, Hội Nghị Diên Hồng (tại Điện Diên Hồng) được ra đời vào thời Nhà Trần năm 1.284, do lời kêu gọi của Thái Thượng Hoàng Trần Thánh Tông, để đối phó với ngoại xâm Phương Bắc khét tiếng hung bạo thời bấy giờ là quân Nguyên Mông.

Vua Trần đã đạt đến mức độ cao nhất của nghệ thuật chính trị trong nỗ lực huy động sức mạnh tổng hợp từ dân Việt để chống quân xâm lược và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ đất nước.

Trong lúc quốc biến, và chắc chắn dẫn đến tan nhà nát cửa, giặc ngoại xâm ngông nghênh kéo vào bờ cõi đất

nước, Nhà Trần rất thúc thời, không coi quyền lợi triều đình và dòng họ Trần là trên hết.

Trái lại qua hình thức của một triều đình phong kiến, Vua Trần đã đặt vấn đề tồn vong của cả dân tộc có bề dày sinh thành trước hội nghị mang biểu tượng tập trung ý chí cả nước để cho quốc dân đồng bào có cơ hội lịch sử đưa ra quyết định tối hệ trọng là Hòa hay Đánh.

Quan điểm lãnh đạo của Nhà Trần, thể hiện rõ ràng tư tưởng chính trị dựa vào dân, lấy sức dân làm chính, coi dân làm trọng, và đặt quyền lợi đất nước lên cao nhất. Tư tưởng chính trị rất chánh nghĩa này không phải Nhà Trần khai phá hay sáng tạo. Đó chính là sự nối tiếp truyền thống cha ông, sự di truyền của bản chất người Việt.

Đứng trước mối nguy hiểm rất ghê gớm là sức mạnh hủy diệt sinh lực và tương lai dân tộc do quân Nguyên Mông áp đặt trên đầu, tại Hội Nghị Diên Hồng các bậc lão ông Việt Nam đã quyết định phải đánh để dân Việt được tồn tại độc lập.

Sức mạnh vạn năng này đến từ đâu???

Đó là sự liên kết, cao nhất là tinh thần cố kết, giữa các cá nhân trong gia đình, giữa các gia đình trong làng xóm thân thương, giữa các cộng đồng tại các địa phương, và rồi là cả đất nước hùng chí tập hợp nhau lại, tìm phương cách tối ưu cho dân tộc tồn tại mà cũng chính là để cho từng cá nhân người Việt được sống còn trong danh dự.

**Sống còn trong danh dự chứ không phải chết trong tủ nhục của thân phận nô lệ vong quốc.** Vì thế tạo thành được sức mạnh toàn dân dưới sự lèo lái, điều động của chính thể Nhà Trần thời đó, đang nắm quyền lực cai trị quốc gia.

Và tín ngưỡng dân tộc từ ngàn đời trước, Đạo Ông Bà, một trong những nguồn lực tinh thần then chốt của dân Việt, chắc chắn không thể thiếu trong sự cấu thành tâm

lý hung phấn và hành động quyết chiến để tồn tại cho từng cá nhân, gia đình, cộng đồng trước hiểm họa xâm lăng.

Nguồn lực tinh thần then chốt này cộng với nhu cầu phải sống còn một cách cấp thiết đã tạo nên mối dây liên đới chặt chẽ và hiện hữu thường xuyên trong đời sống xã hội Việt Nam bao gồm cả đời sống chính trị. Chính trị là hoạt động then chốt nhất chi phối tất cả hoạt động khác trong xã hội. Một cá nhân dù thích hay không muốn để ý đến chính trị thì ảnh hưởng của chính trị vẫn tác động không ít đến cuộc sống cá nhân đó.

Ngày nay, giới chuyên môn định nghĩa khoa học về chính trị là quyền lực cai trị đối với cộng đồng nhân lực trong hình thức tập trung cao nhất là quốc gia.

Quyền lực cai trị quốc gia là quyền lực chính trị cao nhất trong phạm vi dân tộc và đất nước. Quyền lực cai trị quốc gia chi phối mạnh và bao trùm tất cả các hoạt động trong xã hội. Quyền lực cai trị quốc gia cũng sản sinh ra những quyền lợi không lường trước được. Chính vì vậy mà từ ngày xưa cho đến tận ngày nay rất nhiều cá nhân, dòng họ, phe nhóm, tổ chức chính trị, đảng phái muốn tranh đoạt quyền lực cai trị quốc gia.

Khi nắm được trong tay quyền bính và sử dụng không đúng, quyền lực cai trị quốc gia không mang lại lợi ích chung cho cả cộng đồng dân tộc mà vốn đã là môi trường cung cấp và cũng là nguồn gốc hình thành nên sức mạnh, có lúc trở thành rất đáng sợ, của quyền lực cai trị này.

Trong cuộc sống luôn có, dù không nhiều, những người sống có lý tưởng, có kiến thức, muốn phục vụ tha nhân một cách cao thượng, và họ tự thể hiện hành động hiến dâng cuộc đời vì sự tiến bộ của quốc gia dân tộc.

Chính thành phần trí thức tiên tiến này là động lực lôi kéo sự đi lên của xã hội bằng những phác thảo ra phương hướng lâu dài trong sự nghiệp lập quốc hay bản lộ đồ vạch ra cách thức kiến trúc cơ cấu xã hội Việt no ấm, tự do, hùng cường.

Những trí thức kiệt xuất này chính là những nhà tư tưởng lớn của thời đại luôn nặng lòng với tiền đồ quốc gia dân tộc. Đây là các bậc đại trí dũng mà xã hội Việt Nam đặc biệt kính trọng.

Ngày nay với sự tiến bộ của xã hội nhân loại, những người có hiểu biết và muốn quyền lực cai trị quốc gia được điều hướng vì lợi ích chung cho cả dân tộc chứ không thể để quyền lực này bị lạm dụng như kiểu thể chế độc tài Cộng Sản đã lạm dụng với mục đích làm giàu cho phe đảng họ và còn làm suy yếu sức mạnh của dân tộc.

Chính vì thế rất cần cho sự hình thành lý thuyết chính trị hữu ích nhằm điều hướng quyền lực cai trị quốc gia, tạo thế quân bình của quyền lực này, trong đó việc phục vụ lợi ích cho xã hội và người dân là tối ưu, còn cá nhân lãnh tụ hay đảng chính trị chỉ là phương tiện của quốc gia dân tộc để đạt đến cứu cánh sinh tồn và thăng tiến.

Sự quân bình này có tính chất dung hòa chứ không loại trừ. Vì thế các phương tiện của quốc gia dân tộc vẫn tồn tại-phát triển, và có vị thế xứng đáng trong cuộc sống đất nước, được trân trọng tôn vinh trong giòng lịch sử.

Và chủ thuyết chính trị nào có giá trị nhiều cho dân tộc??? Chủ thuyết chính trị nào mang lại nhiều lợi ích cho toàn dân??? Chủ thuyết chính trị nào sử dụng được sức mạnh vạn năng do cả dân tộc đóng góp bằng sự tự nguyện và nhiệt tình??? Chủ thuyết chính trị nào thúc đẩy quốc gia chúng ta vững bước đi trên con đường phú cường một cách lâu dài???

Tất nhiên chỉ có chủ thuyết chính trị dựa trên Tư Tưởng Việt, lấy dân tộc quốc gia làm trọng, đặt dân đặt nước lên hàng đầu, mà cha ông chúng ta đã biết cách vận động và khai triển từ lâu đời khi xã hội Việt đã phát triển ở mức cao nhất là thành lập nhà nước quân chủ tập quyền đầu tiên, sau đó phải đối diện thường xuyên với áp lực ngoại xâm.

Mặc dù cha ông ta thời quân chủ tập quyền xưa kia chưa đưa ra định nghĩa một cách khoa học như ngày nay về ý nghĩa của chính trị và quyền lực cai trị quốc gia, cũng như chưa xác lập chính danh một chủ thuyết chính trị.

Thế nhưng trong hành động thực tế một khi bị ngoại xâm Tàu tiến hành chiến tranh chiếm đoạt lãnh thổ hay giặc Tàu đang thống trị dân tộc thì các vương triều Việt yêu nước đã chọn dân và nước làm gốc để kêu gọi toàn dân cùng đoàn kết đánh ngoại xâm. Như thế tư tưởng sáng suốt đó đã là một đường lối chính trị hữu dụng và thành công, lấy dân và nước làm gốc.

Trong tài liệu quảng bá công khai Liên Minh Dân Việt Hành Động Vì Hiến Pháp Tự Do, với độ dày khoảng 100 trang theo khổ trung bình của một tác phẩm đặc biệt về chính trị, cá nhân chúng tôi đã trình bày nhiều về sức mạnh rất giá trị của lực lượng dân tộc Việt và nguyên nhân thúc đẩy quốc gia chúng ta đi đến sự hưng thịnh dài lâu.

Hai phần đầu gồm giới thiệu chương trình hoạt động của Liên Minh, và nhận diện quê hương, được coi là phần bổ sung cho phần 3 nặng về Chủ Thuyết Dân Quốc Việt.

Và Chủ Thuyết Dân Quốc Việt là học thuyết chính trị nền tảng để hình thành các tư tưởng yêu hòa bình, ái quốc, dân chủ, tôn trọng nhân quyền, trọng pháp, bình đẳng, vì dân trong đường lối hoạt động của tổ chức Liên Minh Dân Việt Hành Động Vì Hiến Pháp Tự Do.

Đời Nhà Trần chỉ là một trường hợp được nêu lên, khi biết cách ứng dụng chủ thuyết chính trị lấy sức mạnh dân tộc và quốc gia làm ưu tiên. Tầm nhìn xa, trông rộng của người lãnh đạo đất nước là ở đây. Kết quả là lưỡng lợi, Nhà Trần vẫn tồn tại trong vinh quang chiến thắng, và dân Việt, đất nước Việt tự hào thoát khỏi nạn ngoại xâm Nguyên Mông.



Lấy sự tồn tại, phát triển của đời sống người dân trong quốc gia là tối thượng thì sẽ lôi kéo, cuốn hút, tạo sự đồng tâm đối với rất nhiều người.

Lãnh thổ, lãnh hải của quốc gia dù đã mất, nhưng dân tộc còn ý chí tranh đấu, thì sẽ có cơ hội thu hồi được. Quốc gia đã mất lãnh thổ, lãnh hải, và dân tộc tuy còn sống về mặt thể xác, song lại chết về mặt tinh thần tranh đấu, sợ hãi sự hy sinh, thì trước sau gì quốc gia dân tộc phải bị diệt vong, làm mồi ngon cho ngoại bang tham lam.

Thực trạng này cho thấy sức mạnh rất vĩ đại của dân tộc. Để tránh họa dân tộc suy tàn và diệt vong thì chân hưng tinh thần dân tộc là quan trọng. Muốn vậy thì một trong những điều mà đường lối lãnh đạo chính trị đúng trong quốc gia cần tiến hành là phải trân trọng và thực thi quyền tự do của người dân.

Riêng tư là một hiện hữu tất nhiên. Sự tồn tại của cái riêng tư cũng diễn ra theo qui luật tự nhiên trong đời sống xã hội. Mỗi một cá nhân đều có cuộc sống riêng tư, và đời sống riêng tư này cũng là nguồn gốc của sự sáng tạo giúp cho xã hội phát triển đi lên, và sáng tạo chỉ có khi cuộc sống cá nhân được tự do.

Từ cái riêng tư dẫn đến sự tự hữu. Tự hữu là một qui luật tồn tại tất nhiên và là quyền đương nhiên của cá nhân. Một xã hội mà không có đời sống riêng tư của cá nhân thì xã hội đó không cân đối. Quyền lực chính trị nào tiêu diệt sự riêng tư của cá nhân, chính là hủy diệt cuộc sống cá nhân, và như thế đã tự hủy diệt sức sống của xã hội con người.

Chính sự riêng tư này làm cho đời sống tập thể, xã hội thêm màu sắc và có ý nghĩa. Tuy nhiên mỗi cá nhân không thể sống còn khi tách xa gia đình hay tập thể. Sự tồn tại của cá nhân trong cuộc sống gia đình, tập thể là một tất nhiên. Sự liên kết đương nhiên giữa cá nhân và gia đình, giữa cá nhân và tập thể là qui luật tự nhiên trong xã hội. Khi xã hội chú trọng đến sự tồn tại riêng tư của cá nhân và tạo điều kiện cho cá nhân

tiến bộ thì cá nhân và xã hội cùng cộng tồn trong sự phát triển tốt đẹp.

Do vậy, khi từng cá nhân, gia đình, và cộng đồng tồn tại- phát triển thì tất dẫn đến một qui luật là dân tộc tồn tại, tiến bộ trong một quốc gia hưng thịnh. Đây là tư tưởng trung tâm của chủ thuyết chính trị dân tộc quốc gia, Chủ Thuyết Dân Quốc Việt.

Gần cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật và tiến trình nối kết nhanh hơn của xã hội loài người trên thế giới đã mang đến cho Việt Nam nhiều tư tưởng chính trị mới như nhân quyền, dân chủ, đa nguyên, đa đảng...

Thích nghi với sự tiến bộ này, dân Việt cũng đã lĩnh hội, và tìm cách cải biến cho phù hợp với xã hội Việt Nam.

Từ nền móng của cá tính dân tộc Việt được đào luyện qua nhiều ngàn thế hệ, cộng với niềm tin luôn kính trọng đến công đức tiền nhân, người Việt đã bổ sung các tư tưởng chính trị mới này để làm giàu cho kiến thức và đồng thời tạo thêm hành trang trên con đường kiến thiết các định chế xã hội hữu dụng và tiến bộ cho quốc gia mình.

Trong thời đại ngày nay, từng cá nhân người Việt khi được hưởng quyền tự do, họ sẽ có nhiều cơ hội phát triển khả năng để chính bản thân họ được vươn lên trong xã hội, và đóng góp cho gia đình, sau đó là mang sức lực, trí tuệ đóng góp cho xã hội, quốc gia dân tộc.

Quyền tự do một khi người Việt thủ đắc thì họ sẽ có một tiềm năng mạnh mẽ để vươn lên tiến triển lâu dài.

Chỉ trong thể chế chính trị coi trọng quyền làm người dựa trên chủ thuyết chính trị dân tộc quốc gia - Chủ Thuyết Dân Quốc Việt - mới mang cơ hội tiến bộ với sức bật mạnh đến cho mọi người Việt.

Thế chế độc tài đảng trị, độc tài gia đình trị, hay bất cứ hình thức cai trị mỵ dân nào đều xa lánh, thậm chí hủy diệt, quyền tự do cá nhân, và không muốn dân chủ hóa xã hội. Quyền tự do cá nhân và dân chủ hóa xã hội là liều thuốc độc đối với chính thể không tự do dân chủ.

Bởi vì một khi để cho cá nhân được tự do, và xã hội được sinh hoạt trong trạng thái dân chủ thông qua các định chế pháp luật tiến bộ, bình đẳng, công khai, minh bạch thì tức khắc cơ cấu độc tài đảng trị hay gia đình trị hoặc canh tân cách mạng giả tạo-mỵ dân sẽ bị giải thể do sức bật phá tung của các quyền tự do con người.

Chủ thuyết chính trị dân tộc quốc gia - Chủ Thuyết Dân Quốc Việt - là một trong các lý thuyết chính trị mà thể chế chính trị dân chủ của người Việt cần đến ngày hôm nay và cho cả sau này.

Chủ thuyết chính trị dân tộc quốc gia vì coi trọng sự tồn tại-phát triển của dân tộc và quốc gia Việt Nam nên luôn tìm cách đẩy nâng giá trị người Việt lên cao, một ngày một tốt đẹp hơn, về cuộc sống vật chất và đời sống tinh thần, trong trạng thái cùng bắt tay nhau làm việc vì sự tiến bộ chung của xã hội.

Người dân Việt, dân tộc Việt, quốc gia Việt sẽ không bao giờ bị ngoại bang hay Cộng Sản nội thù tiêu diệt được khi tín ngưỡng dân gian ngàn đời là Đạo Ông Bà vẫn chảy ngầm mạnh mẽ trong máu tim người Việt.

Sức mạnh quân sự của ngoại bang, chủ thuyết chính trị ngoại lai chỉ là hiện tượng nhất thời, không thể so sánh với sức mạnh dân Việt được nuôi dưỡng bằng truyền thống dân tộc, tinh thần tranh đấu với thiên nhiên, lịch sử khai phá đất nước và chống ngoại xâm đã tích tụ từ hơn 5.000 năm qua.

Sự cho ra đời vào thời điểm hiện nay một chủ thuyết chính trị dựa trên căn bản Tư Tưởng Việt truyền thống của dân tộc Việt chính là để khẳng định sự độc lập và bản sắc riêng biệt của dân tộc chúng ta.

Và cũng để minh định quyết liệt rằng người Việt chúng ta không thể bị chi phối làm suy yếu, không thể bị ảnh hưởng xấu, không thể bị tác hại, và hiển nhiên không bao giờ bị khuất phục bởi tư tưởng Đại Hán.

Từ buổi bình minh dựng nước, cha ông chúng ta đã phải đối mặt thường xuyên với chủ nghĩa bành trướng Đại Hán lúc nào cũng muốn tuyệt diệt giống nòi Việt bằng sức mạnh áp đảo và bằng bao mưu sâu kế độc rất gian ác.

Ngày nay Đảng Cộng Sản Trung Hoa lại tiếp tục đi theo bước đường hết sức phiêu lưu mà tổ tiên họ từng run sợ lê bước chân khi đến bờ cõi dân Việt.

Họ không bao giờ ngưng nghỉ cái tham vọng ích kỷ mù quáng đó qua bao thời đại.

Do vậy việc hình thành một hệ tư tưởng lấy giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc làm nền móng là rất cần thiết, không những cho bây giờ và cho cả mai sau, hầu kiện toàn thường trực tổng lực dân tộc Việt.

Hệ tư tưởng Việt hay ý thức hệ Việt sẽ luôn nâng cao ý chí tranh đấu của dân tộc chúng ta để sẵn sàng đánh đại bại chủ nghĩa bành trướng Đại Hán một khi họ hung hăng hùng hổ xâm chiếm quốc gia chúng ta.

Hệ tư tưởng Việt, ý thức hệ Việt, Chủ Thuyết Dân Quốc Việt đủ sức đánh bại chủ nghĩa bành trướng Đại Hán.

Dù luôn quan tâm cảnh giác, nhưng chúng ta phải rất hãnh diện rằng, trong tiến trình dựng nước và giữ nước trên 5.000 năm qua, tổ tiên chúng ta từng quật khởi dũng cảm quyết tâm đánh đại bại nhiều lần tư tưởng Đại Hán khi họ thực hiện cuộc trường chinh mạo hiểm xâm chiếm đầy bạo lực và đồng hóa dân tộc Việt Nam.

Rõ ràng hai tư tưởng là của hai dân tộc riêng biệt, Tư Tưởng Việt là của người Việt, tư tưởng Đại Hán là của người Hán ở Trung Hoa.

Chủ Thuyết Dân Quốc Việt chỉ là tiếp tục đi theo bước chân mà tiền nhân chúng ta đã đi thành công trên con đường dựng nước và cứu nước.

Thế hệ đi sau chỉ là bổ sung và tìm cách từng bước hoàn thiện Tư Tưởng Việt để xây dựng thêm hùng khí của dân tộc.

Đúc kết lại, Chủ Thuyết Dân Quốc Việt lấy hai yếu tố dân tộc và quốc gia làm cao-trọng, tối thượng. Đây là nền tảng của tư tưởng chủ thuyết. Giữa dân và quốc gia thì dân được coi trọng hơn, vì có dân tộc mới có lực lượng then chốt nhất xây dựng được đất nước.

Với yếu tố dân tộc thì vai trò cá nhân, vai trò công dân trong xã hội là rất đáng coi trọng. Dù cá nhân, công dân chỉ là phần tử đơn lẻ nhỏ bé, tuy nhiên, cá nhân là đơn vị căn bản của gia đình, và có cá nhân mới hình thành gia đình, một nền tảng quan trọng bậc nhất trong xã hội Việt Nam; còn công dân là phần tử quan trọng cấu thành một quốc gia. Và hầu như mọi cá nhân người Việt đều không rời xa được tinh thần Việt Nam vốn được nuôi dưỡng từ các truyền thống tốt đẹp do tiền nhân để lại, đó là Đạo Tổ Tiên.

Với bản năng sinh tồn tự nhiên, mọi cá nhân đều phải tranh đấu để được sống còn. Liên kết sự tranh đấu của cá nhân trong một gia đình sẽ dẫn đến sự tranh đấu của từng gia đình, và rồi dẫn đến sự liên kết trong công cuộc tranh đấu của làng xóm, cộng đồng và xã hội.

Chú trọng tới vị thế và giá trị rất quan trọng của cá nhân, bảo đảm cho cá nhân được tồn tại và phát triển với sự hưởng thụ được quyền tự do thì sự tranh đấu và óc sáng tạo của từng cá nhân sẽ mạnh hơn. Đây cũng là nền tảng phát triển cho một xã hội Việt trong tương lai lâu dài.

Và xây dựng một chủ thuyết chính trị đặt nền móng trên tinh thần dân tộc Việt cũng không phải đề cao cái tôi của dân tộc quá mức để rơi vào trạng thái dân tộc cực đoan, cuồng tín, hay Chủ Nghĩa Dân Tộc tự cao-tự đại-tự mãn một cách khó coi, quá đáng.

Người Việt đã có sẵn tính bao dung, hòa đồng, hiếu hòa.

Đường lối chính trị để xây dựng quốc gia dựa trên Chủ Thuyết Dân Quốc Việt mở ra hướng cộng tác, hợp tác với các quốc gia khu vực và trên trường quốc tế trong tư thế bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau gìn giữ Tuyên Ngôn Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc, và bảo vệ sự ổn định, tránh tất cả nguy cơ có thể xảy ra chiến tranh làm mất đi cuộc sống hòa bình của cộng đồng các quốc gia khu vực và ở phạm vi thế giới.

Trong thời kỳ u ám hiện nay, đất nước chúng ta cần rất nhiều những **Kiến Trúc Sư Lập Quốc**. Những người này sẽ đưa ra bản lộ đồ hữu dụng để xây dựng nước Việt Nam mới giàu mạnh, dân chủ, nhân quyền.

Mỗi người Việt hãy là một **Công Trình Sư**, một **Kiến Trúc Sư Lập Quốc** và cũng chính là một người thợ chịu khó, nhiệt thành, hăng hái bắt tay xây dựng nền móng vững chắc cho quê hương vô cùng yêu dấu của chúng ta!!!

**Trân trọng đa tạ**

**Kính chào.**

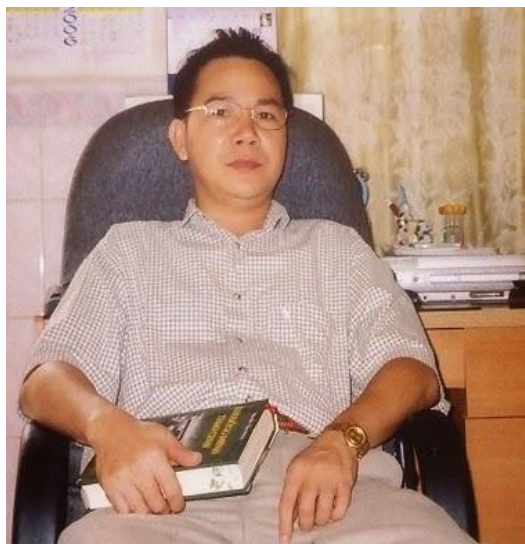
**Khởi động ngày 1 tháng 1 năm 2014 và được công bố ngày 4 tháng 4 năm 2015. Tháng 4 năm 2015 là thời điểm đánh dấu 40 năm Miền Nam tự do bị Cộng Sản Bắc Việt cưỡng chiếm cuồng bạo, đẩy cả nước rớt sâu vào tròng nô lệ mới của loài đảng trị tham nhũng tham quyền chuyên chế độc tài.**

**Người Khởi Xương Tư Tưởng đồng thời là Nhà Sáng Lập Liên Minh Dân Việt Hành Động Vì Hiến Pháp Tự Do và Chủ Thuyết Dân Quốc Việt:**

**Một người dân Việt sống trôi nổi lưu vong hơn 30 năm trường vì vận nước đen tối/ Một chiến sĩ tự nguyện tham gia tranh đấu vì đại cuộc phục quốc cuối năm 1983/ Một cựu tù nhân chính trị (bị giam tập thể và biệt giam từ tháng 8/1987 - tháng 3/1993 trong các**

trại tù B.7 ở Suối Máu Biên Hòa, trại tù T.82 ở Sài Gòn, trại tù A.20 ở Phú Yên)/ Chủ Blog/ Nhà Báo/ Tác Giả

Phạm Hoàng Tùng.



Phạm Hoàng Tùng  
Gò Công-Sài Gòn.

Nguồn: <http://phamhoangtung.blogspot.com/>

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)

A banner for the Vietnam Van Hien website. On the left is a circular logo with a map of Vietnam and the text 'An Lạc &amp; Tự Chủ'. In the center, the text 'VIỆT NAM VĂN HIẾN' is written in large, bold, brown letters, with the website address 'www.vietnamvanhien.info' below it. On the right is a blue square with a white sunburst symbol. At the bottom, a green bar contains the text 'TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 7600 TÁC PHẨM' in bold, brown letters.